

NGUYỄN KHẮC THUẬN

VIỆT SỬ GIAI THOẠI

TẬP 2

51 GIAI THOẠI THỜI LÝ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

NGUYỄN KHẮC THUẦN

VIỆT SỬ GIAI THOẠI

TẬP 2

51 GIAI THOẠI THỜI LÝ

(Tái bản lần thứ mười)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Thuở mới cắp sách đến trường làng, cũng như bao bạn bè cùng trang lứa khác, tôi từng say mê đọc đi đọc lại sách **Cổ học tinh hoa**. Đùng là mỗi tuổi có một cách đọc và cách cảm nhận khác nhau. Hồi ấy, chúng tôi chuyển tay nhau xem đến nhàu nát cả sách, vậy mà thật là buồn cười, bởi chúng tôi chẳng hề để ý xem tác giả là ai, càng không sao nhớ nổi những mẩu chuyện hấp dẫn kia vốn có xuất xứ từ đâu, đến cả nhân vật và sự kiện, chúng tôi cũng lẫn từ chuyện này sang chuyện kia. Nhầm từ thời này sang thời nọ. Hình như chúng tôi bị cuốn hút đến mê mẩn bởi một cái gì đó ở phía sau những trang sách chứ không phải là ở giữa những hàng chữ in để đọc. Sau vì tuổi trẻ hiếu sự, ưa bày trò đổ nhau, tôi đọc kĩ lại cả bìa sách mới biết **Cổ học tinh hoa** là của hai cụ Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Tử An Trần Lê Nhân, còn những chuyện trong sách ấy đều có gốc tích từ thư tịch cổ của Trung Quốc. Hậu sinh vô tâm nhưng vẫn chan chứa lòng thành, xin hướng hồn hai cụ vì thương mà rộng tình tha thứ.

Hồi ấy có người bảo tôi rằng đó là sách dạy đạo lí cổ, sách dạy làm người. Ngày lại ngày, thầy giáo vẫn dạy chúng tôi rằng tiên học lễ, hậu học văn. Lễ nghĩa thầy dạy hồi ấy là những gì rất cụ thể, đại loại như cách mời chào, cách cư xử với người trên kẻ dưới sao cho phải phép... còn khái quát lại, hỏi đạo lí là gì thì chúng tôi đành chịu. Có người bảo đó là sách dạy triết lí cổ của Trung Hoa. Tuổi thơ cạn nghị, tôi không hình dung được, tại sao trên đời này lại có môn học chất chứa toàn những lí sự như vậy, cho nên, tôi cũng chẳng mấy để tâm đến điều này. Lại cũng có người nói đó là sách dạy sử, trích lục từ sử sách của Trung Quốc. Thực lòng, tôi chẳng hề nghĩ rằng sẽ có ngày làm nghề dạy sử và nghiên cứu lịch sử như hôm nay, nên hồi ấy, tôi không chút lưu tâm đến giá trị sử học của sách **Cổ học tinh hoa**.

Bước vào tuổi trung niên tôi mới vỡ lẽ là đọc **Cổ học tinh hoa** mà không thấm thía ý nghĩa đạo lí, giá trị triết lí và lịch sử, thì cũng kể như chưa đọc vậy. Và thế là tôi đọc lại. Có những quyển sách hợp với mọi người và tồn tại mãi với mọi thời. **Cổ học tinh hoa** có lẽ là sách thuộc

loại ấy. Chúng ta có thể tìm thấy ở đây nhiều điều bổ ích, không phải chỉ vốn vẹn có ba lĩnh vực như tôi vừa nói trên.

Thế rồi cách nay hơn hai mươi năm, nghĩa là ngót nửa thế kỉ sau khi **Cổ học tinh hoa** xuất hiện, Nhà xuất bản Sống Mới cho ra mắt bộ **Ôn cố tri tân** của Mộng Bình Sơn. Hồi đó, tôi có may mắn được đọc ngay khi sách vừa phát hành, lòng những vì thích thú mà mong sẽ có lần được hội kiến Mộng Bình Sơn tiên sinh, nhưng mãi đến hôm nay, ước nguyện nhỏ ấy vẫn chưa đạt được. Hồi ấy, thị trường sách vở Sài Gòn ra sao, không nói, có lẽ chúng ta cũng hình dung được. Giữa lúc trăm sự đảo lộn, văn hóa xô bồ mà bỗng dưng có một Mộng Bình Sơn âm thầm theo bước các cụ Ôn Như và Tử An, góp phần sửa đức thời loạn bằng cách giới thiệu những chuyện hay lấy từ Bắc sử, quả là đáng trân trọng lắm. Bởi lẽ ấy, sự đồng cảm sâu sắc mà tôi lặng lẽ dành riêng cho Mộng Bình Sơn tiên sinh, hơn hai chục năm rồi vẫn còn nguyên vẹn.

Đọc sách mà chỉ cốt tìm cái dở của sách là điều tối kị. Tôi không bao giờ nghĩ rằng **Cổ học tinh hoa** và **Ôn cố tri tân** là những bộ sách hoàn hảo, song, lòng kính trọng đối với người viết sách khiến tôi chú tâm tiếp nhận cái hay. Vả chăng, Hán học tàn tạ đã từ lâu, nay nào có mấy ai đọc nổi cổ thư mà dám chê người cần mẫn đọc cổ thư để viết sách. Tuy nhiên, bởi là người giảng dạy sử học ở bậc đại học và cao học, tôi thường phải trả lời những câu hỏi rất khó của những người ngưỡng mộ truyền thống cha ông, từ nhiều nơi gởi về. Chính những câu hỏi đó khiến tôi nhận ra một điều rất đáng quan tâm, ấy là **Cổ học tinh hoa** và **Ôn cố tri tân** (cùng một vài sách khác), tuy rất hay, hàm chứa nhiều giá trị rất độc đáo, nhưng tất cả những chuyện trong sách ấy, từ bối cảnh, sự kiện đến nhân vật... đều là của Trung Quốc. Có cái gì đó nửa gần nửa xa, thật khó nói.

Không ít người của thế hệ sau, do chỉ có thể đọc được các bản in chữ quốc ngữ những sách nói trên, cho nên cứ đua nhau trích đi dẫn lại, vô tình cổ vũ cho sự sùng ngoại vốn dĩ đã từng phảng phất, lẫn quất đâu đây. Lẽ đâu, tổ tiên ta chỉ giỏi đánh giặc, còn tư tưởng, triết lí, đạo đức... tất cả chẳng cần bận tâm, bởi đã có khuôn mẫu của Trung Quốc rồi. Đọc kĩ sử cũ, tôi thấy chừng như không phải vậy. Để kiểm nghiệm xem suy nghĩ của mình đúng sai thế nào, suốt năm này tháng nọ, tôi vừa đọc vừa ghi, sau, giật mình đếm được ngót sáu trăm chuyện, mỗi chuyện có một sắc thái và ý nghĩa riêng. Làm sao tôi có thể vô lễ, tự

vì mình với Ôn Như, Tử An và Mộng *Bình Sơn, nhưng quả là những chuyện của cha ông ta xưa mà sử cũ ghi được, không thể nói là kém những chuyện xưa của Trung Quốc.

Mỗi lần lên lớp hay có dịp thuyết trình đó đây, thỉnh thoảng tôi vẫn lấy những chuyện này ra kể. Gần đây, một số phương tiện thông tin đại chúng đã giúp tôi giới thiệu những bài viết nhỏ này. Nhân đây, tôi xin có lời chân thành cảm ơn, đặc biệt là với cố nhà văn Huỳnh Bá Thành (Tổng biên tập báo Công An thành phố Hồ Chí Minh), nữ nhà báo Thế Thanh (Tổng biên tập báo Phụ Nữ thành phố Hồ Chí Minh) cùng các bạn Việt Bình, Ngọc Hiến và Phan Chi ở Câu lạc bộ Tuổi trẻ (đài Tiếng nói nhân dân thành phố Hồ Chí Minh).

Trước khi cầm bút viết bộ sách này, tôi tự đặt cho mình ba nguyên tắc. Một là phải ghi rõ xuất xứ của từng chuyện, thật gọn gàng nhưng cũng phải thật đầy đủ. Khi đọc, hiển nhiên là tôi phải ghi chép và đối chiếu nhiều thư tịch cổ khác nhau, nhưng khi ghi xuất xứ, tôi chỉ ghi thư tịch nào dễ tra cứu nhất mà thôi. Hai là, chuyện lấy từ sử cũ thì hãy để sử cũ trình bày là chính, tôi chỉ góp thêm lời bàn khi xét thấy cần thiết. Thêm bớt văn bản hay bóp méo văn bản theo ý tưởng hiện đại là xuyên tạc cổ nhân, đạo lý không cho phép tôi làm như vậy. Ba là, để người đọc dễ nhớ, tôi cố gắng viết thật ngắn, quyết không viết chuyện nào dài tới một ngàn chữ.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Giáo dục đã dành cho tôi sự ưu ái đặc biệt bằng cách cho in và phát hành rộng rãi bộ sách này. Tôi đã viết lời bàn về từng mẫu chuyện cụ thể, còn lời bàn về sách này, xin kính nhường bạn đọc gần xa.

Thành phố Hồ Chí Minh,
hè 1992

NGUYỄN KHẮC THUẬN

1 - GỐC TÍCH LÝ THÁI TỔ

Diễn đạt theo cách nói hiện nay thì vua đầu triều Lý là Lý Thái Tổ (1010 - 1028) quả là người có lí lịch rất không rõ ràng. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 2, tờ 1-a) có đoạn chép như sau :

"Thái Tổ Hoàng đế họ Lý, húy là Công Uẩn, người châu Cổ Pháp, Bắc Giang (nay là đất Tiên Sơn, Bắc Ninh - ND), mẹ người họ Phạm, đi chơi chùa Tiên Sơn (nay thuộc Từ Sơn, Bắc Ninh - ND), có thai với thần nhân, sinh ra Vua vào ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất (974)"

Nhưng, cũng sách trên, ngay cuối tờ lại có đoạn chép rằng :

"Vua sinh ra mới được ba tuổi, mẹ ngài bèn ẵm đến nhà Lý Khánh Văn. Khánh Văn bèn nhận làm con nuôi".

Bởi mấy chữ ngắn ngủi này mà nhiều người cho rằng Lý Thái Tổ chính là con của Lý Khánh Văn, Nhưng rồi đến tháng 2 năm Mậu Ngọ (1018), nghĩa là tám năm sau khi Lý Công Uẩn lên ngôi vua, lại cũng sách trên (tờ 8-a) cho biết, Lý Thái Tổ đã truy phong cho bà nội làm hậu và đặt tên thụy. Vậy thì thần nhân ở chùa Tiên Sơn và nhân vật Lý Khánh Văn ắt chỉ là sự thêm thắt chút ít mà thôi.

Cha đẻ Lý Thái Tổ đích thực là ai, chuyện này xin tạm gác lại, chỉ biết việc Lý Thái Tổ chào đời, cứ như sử cũ mà xét, thì đã có sự báo trước một cách rất ngộ nghĩnh. Cũng sách đã dẫn ở trên (tờ 1-b) chép rằng :

- Trước ở viện Cảm Tuyền, chùa Ứng Thiên Tâm (châu Cổ Pháp) có con chó con mới sinh, sắc trắng, lông có đốm đen, kết thành hình hai chữ *Thiên tử*. Kẻ thức giả nói đó là điềm năm Tuất

(năm con chó – ND), đất ấy sẽ sinh ra Thiên tử. Đến nay, vua sinh năm Giáp Tuất, sau lên làm Thiên tử, quả là ứng nghiệm”.

Lời bàn : Thiên tử nguyên nghĩa là con trời, nhưng con trời lại do người trần mắt tục sinh ra. Thế là trong sự khác thường đã có sự thường. Thái Tổ như người và cũng hơn người từ sự thường dễ hiểu ấy. Người đời ưa đặt điều quái dị, để rồi rồi cuộc, chính mình lại tin vào điều quái dị đó. Lễ đầu tạo hóa cột nhà đến độ vô lối, báo trước sự ra đời của một vĩ nhân qua đám lông của một con chó tắm thường.

Lý Thái Tổ, ở trên thì được triều thần và sư tăng tôn phò, thay Ngọa Triều bạo ngược mà làm vua để giữ yên thiên hạ, dưới thì chăm lo sức dân, mở thời thái bình cho đất nước, con người có tầm nhìn xa trông rộng ấy đã sáng lập ra triều Lý (1010 – 1225) và định đô mới cho quốc gia là Thăng Long... công đức sáng đến muôn đời, vinh quang kể đến tột bậc. Vậy thì, thêm thắt vài điều li kì cho lí lịch của Lý Thái Tổ nào có ích gì ?

2 - LÝ THÁI TỔ VỚI VIỆC DỜI ĐÔ

Năm 967, Đinh Bộ Lĩnh dẹp xong loạn 12 sứ quân, năm sau (968), ông lên ngôi Hoàng đế, xưng là Đinh Tiên Hoàng, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, niên hiệu là Thái Bình, định đô ở Hoa Lư. Đất Hoa Lư (nay thuộc Ninh Bình) là kinh đô của nước ta suốt cả thời Đinh (968 - 979) lẫn thời Tiền Lê (980 - 1009), dài đến hơn bốn chục năm trời.

Năm 1010, nghĩa là ngay sau khi Ngọa Triều vừa mất, Lý Công Uẩn được tôn lên ngôi báu, đó là Lý Thái Tổ, vị vua khai sinh ra triều Lý (1010 - 1225). Công việc đầu tiên của Lý Thái Tổ là dời đô. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 2, từ 2 a-b và từ 3-a) chép rằng :

"Vua thấy Hoa Lư ảm thấp chật hẹp, không đủ làm chỗ ở của đế vương, muốn dời đi nơi khác, tự tay viết chiếu truyền rằng : "Ngày xưa, nhà Thương (Trung Quốc – ND) tính đến đời Bàn Canh là năm lần dời đô, nhà Chu (Trung Quốc – ND) tính đến Thành

Vương là ba lần dời đô; há phải các vua dời tam đại ấy (tam đại gồm Hạ, Thương và Chu – ND) theo ý riêng mà tự dời đô, không tính toán gì đâu. Làm thế chẳng qua cũng cốt để mưu nghiệp lớn, chọn ở chỗ giữa, làm kế cho con cháu muôn vạn đời, trên kính mệnh trời, dưới theo ý dân, xem có chỗ tiện thì dời đô, cho nên vận nước lâu dài, phong tục giàu thịnh. Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng, coi thường mệnh trời, không noi theo việc cũ của các nhà Thương, Chu, cứ chịu yên đóng đô nơi đây, đến nỗi thế đại không dài, vận số ngắn ngủi, trăm họ tổn hao, muôn vật không hợp. Trẫm rất lấy làm đau đớn, không thể không dời đô. Huống chi Đại La là thành cũ của Cao Vương (chỉ Cao Biền – ND) ở giữa trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa đông tây nam bắc, tiện núi sông sau trước, rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân không khổ về ngập lụt tối tăm, muôn vật tốt tươi phồn thịnh. Xem khắp nước Việt ta, đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của tứ phương, đúng là đất đóng đô mãi mãi đến muôn đời. Trẫm muốn nhân địa lợi ấy mà định nơi ở, các khanh nghĩ thế nào?”. Bấy tôi đều nói "Bệ hạ vì thiên hạ mà lập kế dài lâu, trên cho nghiệp đế được thịnh vượng lớn lao, dưới cho dân chúng được đông đúc giàu có, ai dám không theo?”. Vua nghe vậy cả mừng.

Mùa thu tháng bảy (năm 1010 – ND), Vua từ thành Hoa Lư dời đô ra phủ thành Đại La. Khi thuyền Vua đang tạm đỗ dưới thành, có rồng vàng hiện lên ở thuyền ngự. Vua nhân đó đổi gọi (thành Đại La) là Thăng Long”.

Lời bàn : Thời ấy, nhìn từ bất cứ góc độ nào thì Thăng Long cũng là trung tâm của đất nước. Và chẳng, trước triều Lý nhiều thế kỉ, Thăng Long cũng đã từng là trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của đất nước rồi. Sớm muộn tuy có khác nhau, nhưng định đô ở Thăng Long, Lý Thái Tổ thực đã nối được chí lớn của An Dương Vương, của Lý Nam Đế, của Ngô Quyền, và của các bậc anh hùng thuở trước rồi đó vậy.

Sáng suốt thay, người chọn đất đóng đô. Tuyệt vời thay, người đặt tên kinh đô. Chút huyền bí được nồng thi vị ấy đã góp phần tôn vẻ đẹp có thật của Thăng Long, để ngàn năm sau, đất ấy vẫn là niềm tự hào của dân tộc.

3 - CÁI CHẾT CỦA ĐÀO KHÁNH VĂN

Đào Khánh Văn sinh năm nào không rõ, chỉ biết ông từng làm quan dưới thời Lý Thái Tổ và tháng 4 năm Tân Hợi (1011), ông được cùng với Lý Nhân Nghĩa cầm đầu phái bộ sứ giả sang nhà Tống. Năm trước (1010), Lý Thái Tổ được vua Tống tấn phong là Giao chỉ Quận vương, Tĩnh hải Tiết độ sứ, cho nên năm này, Lý Thái Tổ sai hai người sang nhà Tống đáp lễ. Đến nơi, Đào Khánh Văn bỏ trốn sứ bộ và xin thiên triều cho ở lại Trung Quốc, nhưng nhà Tống lại bắt Đào Khánh Văn giao trả cho ta. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ quyển 2, tờ 5-a) cho biết là bởi tội này mà Đào Khánh Văn bị triều Lý xử tội, lấy gậy đánh cho đến chết.

Khác với Đào Khánh Văn, Lý Nhân Nghĩa là bậc trung thần, sau, ông từng có công lớn trong việc dẹp loạn Tam vương, làm quan trải hai triều là Thái Tổ và Thái Tông, danh thơm còn lưu mãi trong sử sách.

Lời bàn : Ngay khi mới lên ngôi, Lý Thái Tổ đã tỏ rõ khả năng và bản lĩnh của mình. Một giai đoạn phát triển mạnh mẽ của đất nước đã được chính vua Lý Thái Tổ mở ra. Sử cũ đã phải viết : "Vua ứng mệnh trời, thuận lòng người, nhân thời mở vận, là người khoan thứ nhân tử, tinh tế hòa nhã, có lượng đế vương". Vua tin cậy mà trao trọng trách đi sứ thiên triều cho Đào Khánh Văn. Tiếc thay, đáp lại lòng tin đó, Đào Khánh Văn đã quản trí mà bỏ trốn, làm nhục quốc thể để rồi phải chết trong đớn đau và nhục nhã. Danh giá chết trước, thể xác lại chết sau, đường Khánh Văn đi là đường ngược đạo lí. Kẻ nào đang định lợi dụng xuất dương công cán để bỏ xứ mà đi, xin hãy trông gương Đào Khánh Văn.

4 - ĐIỀM BÁO TRƯỚC VIỆC VUA LÝ THÁI TÔNG RA ĐỜI

Vua Lý Thái Tông (1028 - 1054) tên húy là Phật Mã, lại có tên húy khác là Đức Chính, con trưởng của vua Lý Thái Tổ. Mẫu thân của Thái Tông là Hoàng hậu họ Lê, sinh ra Vua vào ngày 26 tháng 6 năm Canh Tí (1000), khi Thái Tổ còn là đại thần của triều Tiền Lê (980 - 1009). Vua Lý Thái Tông mất năm Giáp Ngọ (1054), thọ 54 tuổi.

Lí lịch tóm lược của vua Lý Thái Tông có lẽ chỉ thế cũng đã tạm đủ, thế nhưng, chừng như để cho thêm phần li kì, người ta đã tặng thêm cho ông một đoạn không lấy gì làm vẻ vang. Đoạn ấy đã được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 3, tờ 17b) ghi lại như sau :

"Lúc Vua mới sinh ở phủ Trường Yên (Ninh Bình ngày nay - ND) có con trâu của nhà dân tự nhiên thay sừng. Người ấy cho là điềm gở, lòng lấy làm lo lắng lắm. Có người giỏi chiêm nghiệm đi qua nhà ấy, cười mà nói rằng, đó là điềm đổi mới, có can dự gì đến nhà anh. (Nghe vậy), người ấy mới hết lo".

Lời bàn : Đời cha thì được báo trước bởi con chó lông trắng có đốm đen ở châu Cổ Pháp, nay đến đời con thì được báo trước bởi con trâu thay sừng ở phủ Trường Yên. Coi hai việc ngẫu nhiên ấy làm điềm báo trước cho sự ra đời của hai vị vua, sự ấy mới lạ lùng làm sao !

5 - LOẠN TAM VƯƠNG

Có một sự kiện rất đáng tiếc đã xảy ra trong cung đình nhà Lý ngay sau khi vua Lý Thái Tổ mất (năm Mậu Thìn - 1028), đã được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 2, tờ 11a-b và tờ 12-a) ghi lại như sau :

"Mùa xuân, tháng 2 Vua không khỏe. Tháng ba, ngày mồng một là ngày Bính Thân, có nhật thực. Đến ngày Mậu Tuất (tức 3-3 - ND), Vua băng ở điện Long An. Bấy tôi đều đến cung Long Đức xin Thái tử (Phật Mã - ND) vâng di chiếu lên ngôi. Tam Vương là Đông Chinh, Dục Thánh và Vũ Đức nghe tin, đều đem quân ở phủ mình vào phục sẵn trong cấm thành. Đông Chinh Vương phục ở trong Long Thành, hai vương Dục Thánh và Vũ Đức phục trong cửa Quảng Phúc, cùng đợi Thái tử đến thì đánh úp. Một lúc sau, Thái tử đi từ cửa Tường Phù vào, đến điện Càn Nguyên thì biết có biến, bèn sai người hầu đóng hết các cửa điện và sai vệ sĩ ở trong cung phòng giữ. (Thái tử) nhân đó bảo tả hữu rằng :

- Ta đối với anh em không phụ bạc chút nào. Nay Tam vương làm việc bất nghĩa, quên di mệnh của Tiên đế, muốn mưu chiếm ngôi báu, các khanh nghĩ thế nào ?

Nội thị là Lý Nhân Nghĩa nói :

- Anh em với nhau, bên trong có thể hiệp sức bàn mưu, bên ngoài có thể cùng nhau chống giặc. Nay Tam vương làm phản, thì là anh em hay là kẻ thù ? Xin cho chúng thần được đánh một trận để quyết được thua.

Thái tử nói :

- Ta lấy làm xấu hổ là Tiên đế mới mất, thì thể chưa yên mà cốt nhục đã đánh nhau, há chẳng để cho muôn đời chê cười sao ?

Nhân Nghĩa nói :

- Thần nghe rằng, muốn mưu xa thì phải quên ơn gần, giữ đạo công thì phải dứt tình riêng, đó là việc Đường Thái Tông và Chu Công Đán bắt buộc phải làm. (Ý muốn chỉ việc Đường Thái Tông giết hai anh, Chu Công Đán giết em là Quản Thúc để giữ ngôi vua cho Đường Thái Tông và cho Chu Thành Vương - ND). Nay, điện hạ có cho Đường Thái Tông và Chu Công là chăm mưu xa và giữ đạo công chăng ? Hay (hai người ấy) chỉ tham công gần và đắm tình riêng chăng ? Điện hạ biết theo dấu cũ của Đường Thái Tông

và Chu Công thì đời sau ca tụng công đức còn chưa hết, còn đâu mà chê cười ?

Nhân Nghĩa lại nói :

– Tiên đế cho điện hạ là người hiền, đủ để nối được chí, có tài để làm nổi việc, nên đem thiên hạ phó thác cho điện hạ. Nay giặc đến vây bức cửa cung mà ẩn nhẫn như thế, thì đối với sự phó thác của tiên đế ra sao ?

Thái tử im lặng hồi lâu rồi bảo Nhân Nghĩa và bề tôi trong cung là bọn Dương Bình, Quách Thịnh, Lý Huyền Sư, Lê Phụng Hiểu rằng :

– Ta há lại không biết việc làm của Đường Thái, Chu Công hay sao ? Chỉ vì ta muốn che giấu tội ác của Tam vương, khiến họ tự ý rút quân chịu tội để được vẹn toàn tình cốt nhục là hơn.

Khi ấy, phủ binh của Tam vương vây bức càng gấp, Thái tử liệu không thể ngăn được, liền nói :

– Thế đã như vậy, ta còn mặt mũi nào trông thấy Tam vương nữa. Ta chỉ biết làm lễ thành phục (lễ mặc đồ tang – ND) đến hầu tiên đế, ngoài ra đều ủy thác cho các khanh cả.

Bọn Nhân Nghĩa đều lạy hai lạy, nói :

– Chết vì vua gặp nạn là chức phận của chúng thần. Nay đã được chỗ đáng chết, còn từ chối gì nữa.

(Nói xong), bèn ra lệnh cho vệ sĩ trong cung mở cửa ra đánh, ai cũng vui lòng xông phá, có sức một người chọi với cả trăm người. Khi quân đánh nhau chưa phân được thua, Phụng Hiểu tức giận rút gươm chạy thẳng đến cửa Quảng Phúc, hô to rằng :

– Bọn Vũ Đức Vương ngấp nghé ngôi báu, không coi vua nối dõi vào đâu, trên quên ơn tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con, vì thế thần là Phụng Hiểu xin đem thanh gươm này để dâng.

Nói rồi, xông thẳng đến chỗ ngựa của Vũ Đức Vương. Vương quay ngựa tránh, ngựa quy xuống, bị Phụng Hiểu bắt giết. Phủ

binh của Tam vương thua chạy, quan quân đuổi theo chém chết không sót một tên nào, chỉ có hai vương là Đông Chinh và Dục Thánh chạy thoát được”.

Lời bàn : Dẫu là người dung mà chém giết nhau để giành quyền cao chức trọng, cũng đã đủ để tiếng xấu đến muôn đời, huống chi là anh em ruột thịt, nôi da nẫu thịt. Đông Chinh, Dục Thánh và Vũ Đức làm sao có thể gọi là hợp mưu để giết Phạt Mã được ? Ngồi vua thì chỉ có một, dẫu có giết được Phạt Mã đi chăng nữa, chẳng lẽ sau đó, cả ba lại cùng nhau làm vua ? Cả ba chỉ lừa nhau, liên minh giả dối với nhau để rồi kẻ thắng thế duy nhất cũng chính là kẻ nham hiểm cao tay nhất.

Đông Chinh và Dục Thánh chạy thoát khỏi gươm đương thời, nhưng làm sao thoát được lời bùa riu khinh ghét của muôn đời !

6 - LÊ PHỤNG HIẾU VÀ SỰ TÍCH THÁC ĐAO ĐIỀN

Lê Phụng Hiếu người đất Băng Sơn, Châu Ái, nay là xã Dương Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, không rõ sinh và mất năm nào. Thuở hàn vi, ông nổi tiếng là người khỏe mạnh và võ nghệ hơn người. Sách *Dại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 2 tờ 12b) có đoạn chép về ông như sau :

“Hai thôn Cổ Bi và Đàm Xá tranh nhau địa giới, toan đánh nhau. Phụng Hiếu bảo người Cổ Bi rằng :

- Một mình tôi có thể đánh được bọn họ.

Các vị bô lão mừng lắm, bèn làm cơm rượu để thết đãi. Phụng Hiếu ăn một bữa mấy đấu gạo liền, uống cũng quá mức, rồi đến khiêu chiến với thôn Đàm Xá. Phụng Hiếu cứ đứng thẳng lưng mà nhổ cây đánh tới tấp, nhiều người bị thương. Thôn Đàm Xá sợ, phải trả lại ruộng cho thôn Cổ Bi”.

Nhờ danh tiếng ấy mà ông được Lý Thái Tổ dùng, cho làm tướng, thăng dần đến chức Vũ vệ Tướng quân. Năm Mậu Thìn

Phụng Hiểu dẫu khỏe bao nhiêu cũng chẳng thể ném dao lớn đi xa hơn mười dặm. Con dao ấy đã bay xa khác thường bởi nó có thêm sức đẩy của nhà vua và những triều thần ngưỡng mộ Ông. Vua nhân chuyện ném dao mà đặt lệ *thác dao điển* (ruộng ném dao) cho cả một triều đại, bảo văn thần võ tướng sao không một lòng vì vua mà cống hiến được ?

Thế mới biết chỉ có người tài mới dùng được người tài, người khoáng đạt mới dùng được người có chí lớn vậy.

7 - ĐỀN THỜ THẦN NÚI ĐỒNG CỔ Ở THĂNG LONG

Núi Đồng Cổ tức là núi Khả Phong ở Thanh Hóa. Dân gian cho rằng trên núi ấy có vị thần rất thiêng, từng giúp vua Lý Thái Tổ đánh tan quân Chiêm Thành nên được triều Lý ban sắc phong rất trọng hậu. Năm Mậu Thìn (1028), vua Lý Thái Tông đã ban cho thần núi Đồng Cổ tước Vương và cho dựng đền thờ ở ngay trong kinh thành Thăng Long, hàng năm cúng tế rất tươm tất. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 2, tờ 15-a) chép rằng :

"Trước đó, cách một ngày trước khi Tam vương làm phản, Vua mơ thấy một người tự xưng là thần núi Đồng Cổ, nói với Vua về việc Tam vương là Vũ Đức, Đông Chiph và Dục Thánh làm loạn, phải mau đem quân dẹp ngay. Tỉnh dậy, (Vua) liền sai phòng bị, quả nhiên ứng nghiệm. Đến đây (ngày 15 tháng 3 năm Mậu Thìn, 1028 - ND) xuống chiếu giao cho Hữu ti dựng miếu ở bên hữu thành Đại La, phía sau chùa Thánh Thọ, lấy ngày 25 tháng ấy (tháng 3 - ND), đắp đàn trong miếu, cấm cờ xí, chỉnh đốn đội ngũ, treo gươm giáo ở trước thần vị, đọc lời thề rằng : "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết". Các quan từ cửa đông đi vào, đến trước thần vị, cùng uống máu ăn thề, hàng năm lấy làm lệ thường. Sau vì tháng ba có ngày quốc kị, chuyển sang ngày mồng 4 tháng 4".

Lời bàn : Lý Thái Tổ mượn uy thần linh sông núi để cổ vũ binh sĩ Nam chinh, Lý Thái Tông mượn uy thần linh sông núi để kết lòng người, trong chỗ tin

9 - LÝ THÁI TÔNG XEM TƯỚNG ĐỂ XÉT VIỆC

Tháng 10 năm Ất Hợi (1035), vua Lý Thái Tông thân dẫn quân đi đánh dẹp ở Châu Ái, việc kinh sư giao lại cho Phụng Càn Vương đảm trách. Nhân việc Vua xuất chinh, một số tướng lĩnh và thân vương, hợp mưu cùng nhà sư họ Hồ, định làm phản. Nhưng cơ mưu bại lộ, Nguyễn Khánh và nhà sư họ Hồ (hai kẻ chủ mưu) bị xẻo thịt băm xương, bọn tòng phạm thì bị trị tội với những mức độ nặng nhẹ khác nhau. Đầu đuôi sự kiện này đã được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 2, tờ 23-b) chép như sau :

"Vua ngự ở hành dinh (Châu Ái - ND), ban yến cho các quan hầu và tướng sủng, ngầm chỉ Định thắng Đại tướng là Nguyễn Khánh mà bảo các phi tần rằng :

- Khánh thế nào cũng làm phản.

Các phi tần đều kinh ngạc hỏi :

- Bệ hạ làm sao mà biết, xin nói rõ cho.

Vua nói :

- Lòng Khánh có điều không thường nên nhìn trộm có vẻ hổ thẹn, đi đứng thất thổ, nói năng trái lẽ. Lấy đó mà xét thì đủ biết là nó có ý khác, hình trạng đã rõ lắm rồi.

(Vua) đánh được Ái Châu, trị tội châu mục, sai người đi phủ dụ dân chúng trong châu. (Đúng lúc ấy), chức Kinh sư lưu thủ là Phụng Càn Vương Nhật Trung cho chạy trạm báo tin là bọn sư họ Hồ, cùng em nuôi của Định thắng Đại tướng Nguyễn Khánh là Đô thống Đàm Toái Trọng và bọn hoàng đệ là Thắng Càn, Thái Phúc... mưu phản. (Sự việc) quả đúng như lời Vua nói. Các phi tần đều lạy hai lạy và thưa rằng :

- Bọn thiếp nghe nói thánh nhân có thể thấy được chỗ chưa hiện hình, biết trước được việc chưa xảy ra, nhưng nay mới được chính mắt mình trông thấy".

Lời bàn : Lý Thái Tông năm ấy đã 35 tuổi, làm vua đã được 7 năm, kinh nghiệm từng trải không phải là ít, cử xem chuyện ông xét người xét việc cũng đủ biết ông là người thế nào.

Nguyễn Khánh được phong tới chức Đại tướng, ân sủng được hưởng nào thấp kém gì. Thọ ơn mà chẳng hàm ơn lại còn làm phản, tâm địa ấy tự nó tỏa ra ở phong thái lúng túng bề ngoài, làm sao qua nổi mắt Lý Thái Tông. Y bị xẻo thịt băm xương là một lần chết, bị miệng thế ngàn năm chê cười là thêm ngàn lần chết nữa. Nhục lắm thay !

Nhà Phật có thuyết luân hồi. Cứ thuyết ấy mà suy thì ắt là giờ này, nhà sư họ Hồ còn trầm luân trong kiếp con giun hay con đế gì đó. Xin người đọc chuyện này hãy rộng lượng từ bi, đi đứng cẩn thận kéo vô tình giảm phải sự cụ không chừng.

10 - CHUYỆN VUA LÝ THÁI TÔNG ĐI CÀY

Vua Lý Thái Tông (1028 - 1054) là người rất chăm lo đến sản xuất nông nghiệp. Ngoài việc hoạch định những chính sách rất tích cực và tiến bộ đối với nông nghiệp, Lý Thái Tông còn nhiều lần tự mình đi làm ruộng, lấy đó làm hành động thiết thực để cổ vũ cho nghề nông. Sử cũ đã ghi rõ, ngày 14 tháng 10 năm Canh Ngọ (1030), Vua thân ra ruộng ở Diêu Lộ xem gặt; ngày 1 tháng 4 năm Nhâm Thân (1032) Vua đi cày tịch điền ở Đồ Động Giang, hôm ấy, có nhà nông dâng Vua một cây lúa 9 bông; tháng 3 năm Nhâm Ngọ (1042), Vua đi cày ruộng tịch điền ở Khả Lâm... v.v. Nhà vua mà còn đi cày, lẽ đâu các quan lại không ngó ngang gì tới việc đồng áng. Một số ít quan lại vì thế mà chẳng ưa gì việc nhà vua đi làm ruộng. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản in, quyển 2, tờ 25-b) có chép lại một mẩu chuyện rất đáng suy nghĩ như sau :

"Mùa xuân, tháng 2 (năm Mậu Dần, 1038 - ND) Vua ngự ra cửa Bồ Hải cày ruộng tịch điền. (Vua) sai Hữu ti dọn cỏ đắp đàn rồi thân tế Thần Nông, tế xong, tự cầm cày để muốn làm lễ tự cày. Các quan tả hữu có người can rằng :

- Đó là việc của nông phu, Bộ hạ cần gì làm thế ?

Vua nói :

- Trẫm không tự cày thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì cho thiên hạ noi theo ?

Nói xong, (Vua) đẩy cày ba lần rồi thôi. Tháng 3, Vua về kinh sư.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Thái Tông khôi phục lễ cổ, tự mình cày ruộng tịch điền để nêu gương cho thiên hạ, trên thì để cúng tôn miếu, dưới thì để nuôi muôn dân, công hiệu trị nước dần đến của giàu dân đông, nên thay !".

Lời bàn : Nước nông nghiệp, vua không chăm lo đến nghề nông thì còn chăm lo đến nghề gì nữa. Nhưng, nói nhiều mà làm gì ? Một lần vua cày hơn ngàn lần vua xuống chiếu khuyến dụ, một lần vua gần dân hơn ngàn lần vua hô hào cổ vũ. Thời ấy, nước Đại Việt ta là một trong những quốc gia hùng cường ở Đông Nam châu Á. Một trong những cội nguồn của sức mạnh Đại Việt là ở đây chăng ?

11 - VUA LÝ THÁI TÔNG VỚI VIỆC CHỐNG HÀNG NGOẠI

Bệnh sinh dùng hàng ngoại ở nước ta, kể ra cũng đã có từ rất lâu. Những mặt hàng ta chưa sản xuất được nên phải mua về thì đã đành, nhưng những mặt hàng ta đã sản xuất được, thậm chí là sản xuất với chất lượng cao hơn mà vẫn bị những kẻ có đầu óc sùng ngoại thái quá tìm cách nhập vào, quả là đã gây nguy hại cho quốc kế dân sinh không ít. Thời Lý, chuyện này đã từng xảy ra và vua Lý Thái Tông từng xử lý rất khôn khéo. *Sách Đại Việt sử ký toàn thư* (bản in, quyển 2, tờ 28-b) chép như sau :

"Tháng 2 (năm Canh Thìn, 1040 - ND), Vua đã dạy được cung nữ dệt gấm vóc. Tháng ấy, (Vua) xuống chiếu phát hết gấm vóc của nước Tống ở trong kho để ban cho các quan. (Các quan) từ ngũ phẩm trở lên thì được ban áo bằng gấm, từ cửu phẩm trở

cho dựng chùa Một Cột ở Thăng Long. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 2, tờ 37-a) chép rằng :

"Trước đây, Vua chiêm bao thấy Phật Quan âm ngồi trên tòa sen và dắt Vua lên tòa. Tỉnh dậy, Vua đem việc ấy nói với bầy tôi. Có người cho là điềm chẳng lành. Nhà sư Thiền Tuệ khuyên Vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa ao, làm tòa sen của Phật Quan Âm đặt lên trên cột như đã thấy trong mộng. Cho các nhà sư đi vòng lượn chung quanh tụng kinh cầu cho Vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu (kéo dài cõi phúc, tức kéo dài tuổi thọ - ND)".

Lời bàn : Soạn được *Hình thư*, Thái Tông đã tạo được khuôn phép cho cả một thời, lối cai trị theo tập tục tùy tiện đến đấy kể như cáo chung, nước có luật bắt đầu từ đó.

Từng nghe triều đình xua miễn giảm thuế cho dân mỗi khi có thiên tai dịch họa hay mất mùa đói kém, chứ chưa từng nghe nhà nước miễn thuế cho dân vì thấy được mùa lớn bao giờ. Thái Tông quả là đã để đức lớn cho con cháu và dân trăm họ vậy.

Dựng chùa Một Cột, Thái Tông đã in dấu ấn ngàn năm cho kinh thành Thăng Long. Muôn đời sau, nói đến Thăng Long là nói đến chùa Một Cột, và hẳn nói đến chùa Một Cột là nói đến sự tinh tế tuyệt vời của Lý Thái Tông. Cổ kim dễ đã có mấy ai làm được như vậy. Một trong những người sống mãi với non sông là Lý Thái Tông đó thôi.

13 - ĐỨC ĐỘ CỦA VUA LÝ THÁNH TÔNG

Lý Thánh Tông (1054 - 1072) tên húy là Nhật Tôn, con trưởng của Thái Tông, mẹ là Kim Thiên Thái hậu họ Mai. Năm Thiên Thành thứ I (1028) Nhật Tôn được sách phong Đông cung Thái tử, Thái Tông băng, bèn lên ngôi báu. Ông là vị vua rất mộ đạo, giàu đức từ bi và từng cho xây cất rất nhiều chùa chiền. Lòng lành của Lý Thánh Tông tỏa đến cả tù nhân trong ngục tối. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 3, tờ 1-b) có chép một mẫu chuyện xảy ra vào năm Ất Mùi (1055) như sau :

"Mùa Đông, tháng 10, trời giá rét lắm. Vua bảo các quan tả hữu rằng : Trẫm ở trong cung cấm, nào lò sưởi ngự, nào áo hồ cầu (áo lông cáo - ND) mà còn rét như thế này, huống chi là tù nhân trong ngục, thân khổ vì gông cùm, gian ngay chưa rõ, vậy mà cơm ăn không no bụng, mặc áo không kín thân, khổ khổ vì gió rét, có kẻ chết không đáng tội... Trẫm rất lấy làm thương xót. Vậy, lệnh cho Hữu ti phát chẩn chiếu và cấp cơm ăn ngày hai bữa".

Sau khi chép lại sự kiện này, các tác giả sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đã thẳng thắn phê ngay một câu rằng : "Còn dân lành thì sao ?".

Lời bàn : Đại Việt sử kí toàn thư chép thiếu, có lẽ sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cứ theo sự không đầy đủ ấy mà chép lại nên mới ngỡ là vua Lý Thánh Tông chỉ mới nghĩ đến tù nhân, chưa nghĩ đến dân lành. Xem sách *Đại Việt sử lược* (tác phẩm khuyết danh, viết vào đầu thế kỉ XIII, quyển 2 từ 10-b) thì thấy còn có một câu ở ngay cuối đoạn văn trên. Câu ấy như sau : "Vua ban cho dân trong cả nước một nửa số tiền thuế năm đó".

Thế là đã rõ.

Hiển nhiên, Lý Thánh Tông hay bất cứ ông vua nào thuở xưa, dù nhân đức bao nhiêu thì cũng là người bóc lột. Song, điều cần nói ở đây là người bóc lột ấy đã biết chăm lo đến đối tượng bóc lột của mình, ấy là dân. Mà dân muôn đời chắc cũng mong được như vậy.

14 - CHUYỆN CON KÌ LÂN

Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 2, từ 10-b) cho biết là vào năm Đinh Dậu (1057), vua Lý Thánh Tông nhân bắt được hai con thú lạ, bèn sai viên ngoại lang là Mai Nguyên Thanh đem sang biểu nhà Tống, nói đại rằng đó là hai con kì lân. Sự kiện này được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* và sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép lại và bổ sung thêm nhiều chi tiết khá độc

đáo. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 3, tờ 22) viết như sau :

"Dem con thú lạ sang tặng nhà Tống, nói gạ là con lân. Khu mật sứ của nhà Tống là Điền Huống nói rằng :

- Đó chỉ là con thú lạ, chứ không phải con lân.

Tư Mã Quang nói :

- Nếu quả là con lân thực mà xuất hiện không đúng lúc cũng không phải là điềm lành. Nếu là con lân giả thì chỉ tổ làm cho người phương xa cười thôi.

Thế rồi nhà Tống tặng quà và đưa tiễn rất ưu hậu, bảo sứ giả về".

Lời bàn : Không biết là con thú gì mà cũng nói đại là con lân, lại còn cả gan đem sang biểu thiên triều, các quan nhà Lý lúc ấy quả là liễu lĩnh có một không hai. May thay, người lừa lại gặp người mù. Quan nhà Tống là Điền Huống khẳng định rằng đó chỉ là con thú lạ, không phải con lân, thì cũng là liễu không kém. Còn như Tư Mã Quang, khôn khéo có thừa mà tri thức cũng chẳng hơn ai, đứng tưởng nói không mất lòng ai là được việc. Mới hay, Mai Nguyên Thanh, Điền Huống, Tư Mã Quang cùng triều thần hai bên gặp nhau ở đây là phải lắm.

Chuyện kì lân lại hóa thành chuyện kì cục. Kẻ hay đàm đạo những điều mà mình không biết, hãy nên lấy đó làm gương.

15- SỰ TÍCH ĐỒNG BÔNG Ở TỪ LIÊM (HÀ NỘI)

Mãi đến năm 40 tuổi mà vua Lý Thánh Tông vẫn chưa có con trai nên lòng những lo lắng vì không biết rồi sẽ để ngai vàng lại cho ai. Nhà vua vốn đã mộ đạo, nhân vì chuyện này lại càng chăm đi cầu tự khắp mọi chùa chiền. Duyên kì ngộ bởi vậy đã đến với nhà vua. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 3, tờ 26) viết rằng :

"Khi đến làng Thổ Lỗi (tức làng Siêu Loại, Bắc Ninh – ND), có người con gái hái dâu đang tựa vào khóm cỏ lan, Nhà vua thấy lạ, cho vời vào cung, lập làm Ý Lan Phu nhân".

Nhưng Ý Lan vào cung một thời gian khá lâu mà vẫn chưa sinh hạ Hoàng tử. Lý Thánh Tông lại tiếp tục đi cầu tự. Có lúc Nhà vua đích thân đi, nhưng cũng có lúc Vua ủy cho quan lại đi thay mình. Năm Quý Mão (1064), Chi hậu nội nhân là Nguyễn Bông được sai đi làm việc này. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 3, tờ 3-a) viết :

"Vua muốn có con trai, sai Bông đem hương cầu đảo ở chùa Thánh Chúa. Nhà sư dạy cho Bông thuật đầu thai thác hóa (chết và cho hồn đầu thai ngay vào kiếp người khác – ND), Bông nghe theo. Việc ấy bị phát giác, Vua sai chém Bông ở trước cửa chùa. Người sau gọi chỗ ấy là Đồng Bông. Chùa (Thánh Chúa) ở xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, Đồng Bông ở phía Tây trước cửa chùa, nay hãy còn".

Lời bàn : Nguyễn Bông đã tận tụy làm những gì chức phận phải làm, cũng có thể gọi là trung. Vua Lý Thánh Tông một đời nhân đức, sao mà lúc này lại đang tâm giết chết Nguyễn Bông, cũng có thể gọi là tàn bạo. Thuật đầu thai thác hóa mà nhà sư chùa Thánh Chúa truyền dạy cho Nguyễn Bông quả là thuật... bợm. Nguyễn Bông chết trong oan uổng và mãi đến hai năm sau, Ý Lan mới sinh hạ Hoàng tử là Càn Đức, chẳng lẽ linh hồn Nguyễn Bông gian nan vất vưởng lâu đến thế hay sao ?

Cái tên Đồng Bông còn đó với thiên thu, hễ ai trong hậu thế mà tập nhiễm sự thêm khát con trai kiểu Lý Thánh Tông, sự bịp bợm kiểu nhà sư ở chùa Thánh Chúa, hay sự trung thành, mê muội có pha chút tham vọng của Nguyễn Bông, xin hãy đọc kĩ chuyện này.

16 - CHÚT SĨ DIỆN ĐÁNG YÊU CỦA VUA LÝ THÁNH TÔNG

Đầu nửa sau của thế kỉ XI, quan hệ bang giao giữa Đại Việt với nhà Tống trở nên rất căng thẳng. Bấy giờ, nhà Tống ráo riết chuẩn bị xâm lăng nước ta. Để góp phần thực hiện kế hoạch nguy hiểm này, chúng đã tung sứ giả đến nhiều lân bang, xúi giục họ phối hợp tấn công, quấy phá Đại Việt. Chiêm Thành là nước đã nghe theo lời xúi giục này. Hai gọng kềm quân sự to lớn đã xuất hiện, một ở phía Bắc là nhà Tống và một ở phía Nam là Chiêm Thành, cả hai đã sẵn sàng để bóp nát Đại Việt. Trước tình hình ấy, triều Lý chủ trương lần lượt bẻ gãy từng gọng kềm để rồi cuối cùng, đập tan toàn bộ mưu đồ xâm lăng của nhà Tống. Mục tiêu đầu tiên của Đại Việt là gọng kềm phía Nam. Đầu năm Kỷ Dậu (1069), vua Lý Thánh Tông đích thân cầm quân vào Nam. Khi đi, Thánh Tông giao quyền điều khiển chính cho Ý Lan (lúc này đã được sách phong là Nguyên phi, tức người đứng đầu hàng thứ hai của vợ vua, sau Hoàng hậu). Chiêm Thành tuy không lớn nhưng có địa thế hiểm trở, thắng được cũng không phải là dễ dàng. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 3, tờ 4-b và tờ 5-a) chép sự kiện này như sau :

"Trận này, Vua đánh Chiêm Thành mãi không được, bèn rút quân về. Đến châu Cư Liên, nghe tin Nguyên phi giúp việc nội trị, lòng dân cảm hóa, hòa hợp, trong cõi vững vàng, tôn sùng Phật giáo, dân gọi bà là Quan Âm. Vua nói : "Nguyên phi là đàn bà mà còn làm được như thế, là nam nhi lại chẳng được việc gì hay sao ?" Bèn quay lại đánh nữa. Thắng được".

Lời bàn : Năm ấy, vua Lý Thánh Tông đã 46 tuổi. Cũ chữ mà suy thì thiên tử nghĩa là con trời, song, các bậc thiên tử ở độ tuổi này thường rất hay coi trời bằng vung. Vây mà rồi cuộc, cũng đã có lúc ông trời con là Lý Thánh Tông chợt thấy mình thua kém. Thua kém ai còn được, thua vợ mình thì còn ra thể thống gì nữa. Thánh Tông

vi sĩ diện mà quyết đánh đến cùng. Chiêm Thành thua, gong kim phía Nam tan nát, và sau đó đến lượt nhà Tống cũng đại bại. Chút sĩ diện ấy đáng yêu biết ngần nào. Câu sau cùng này có lẽ xin dành riêng để tâm sự với các đấng mày râu, rằng ở đời, ta có thể thua bà hàng xóm hay một người phụ nữ nào đấy, nhưng chớ để thua kém vợ mình. Mỗi đấng mày râu cổ một chút, nhất định xã hội sẽ được nhờ, các bà cũng nhân đó mà được nhờ hơn nữa. Thử mà xem.

17 - DƯƠNG THÁI HẬU VÀ 76 THỊ NỮ BỊ GIẾT HẠI

7 háng 1 năm Nhâm Tý (1072), vua Lý Thánh Tông qua đời, Thái tử Càn Đức bấy giờ mới 6 tuổi lên nối ngôi, đó là vua Lý Nhân Tông (1072 - 1127). Thái tử Càn Đức là con đẻ của Ý Lan Nguyên phi, nay Càn Đức lên ngôi, Ý Lan được tôn phong là Linh Nhân Thái phi, còn Hoàng hậu họ Dương thì được tôn phong là Dương Thái hậu. Lễ xưa quy định, hễ Hoàng đế lên ngôi lúc còn nhỏ tuổi thì Thái hậu được quyền buông rèm giữa triều đình để ngôi ở phía sau rèm mà nghe quần thần tâu bày chính sự, ấy gọi là *thùy liêm*. Chỉ Thái hậu mới được quyền buông rèm nhưng Dương Thái hậu lại không phải là mẹ đẻ của Lý Nhân Tông, điều đó khiến Linh Nhân Thái phi cảm tức. Năm Quý Sửu (1073), một vụ tàn sát bi thảm đã diễn ra mà nạn nhân chính là Dương Thái hậu cùng 76 thị nữ (cũng có sách nói chỉ có 72 thị nữ mà thôi). Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản k1, quyển 3, tờ 7-a) chép rằng :

"Linh Nhân có tính hay ghen, cho mình là mẹ đẻ mà không được dự chính sự, mới kêu với Vua rằng : "Mẹ già khó nhọc mới có ngày nay, mà bây giờ phú quý thì người khác hưởng, vậy con để mẹ già vào đâu ?". Vua bèn sai giam Dương Thái hậu và 76 người thị nữ vào cung Thượng Dương rồi bức phải chết, cho chôn theo lăng của Thánh Tông".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Nhân Tông là người nhân hiếu, Linh Nhân là người sùng Phật, sao lại đến nỗi giết Thái hậu, hãm hại người vô tội đến mức tàn nhẫn như thế ? Ấy vì ghen là tính thường có của đàn bà, huống chi lại là mẹ đẻ mà không được dự chính sự. Linh Nhân dẫu là người hiền cũng không thể nhẫn nại được, cho nên phải kêu với Vua. Bấy giờ, Vua còn trẻ thơ, chỉ biết chiều lòng mẹ là thích mà không biết là lỗi to..."

Lời bàn : Dương Thái hậu buông rèm điều khiển chính sự, ấy là bởi quy định của điển lễ xưa, âu cũng là bổn phận phải làm vậy. Linh Nhân Thái phi buồn vì sự đời bất như ý, từ đó đâm ra ghen tức, ấy cũng là sự thường của người lòng dạ hẹp hòi, đàn ông đàn bà gì cũng thế mà thôi. Một đời Linh Nhân có biết bao cống hiến, sử sách ghi đầy đủ, nhưng một lần Linh Nhân tàn sát hơn bảy chục người, sử sách cũng không quên. Bởi việc tàn sát này mà nhân tâm li tán, kẻ thù lợi dụng, thử hỏi lúc đó nếu không có Lý Thường Kiệt thì vận mệnh nước nhà sẽ ra sao ?

18 - LÝ THƯỜNG KIẾT VỚI BÀI THƠ "NAM QUỐC SƠN HÀ"

Cuối năm Bính Thìn (1076), nhà Tống ồ ạt đưa quân sang xâm lược nước ta. Quân đội Đại Việt lúc bấy giờ do Lý Thường Kiệt chỉ huy, tuy đã chủ động chuẩn bị đối phó từ trước, vẫn chống cự một cách rất khó khăn. Giặc tràn xuống bờ Bắc sông Cầu và đội quân tiên phong của chúng đã bước đầu chọc thủng được chiến tuyến Như Nguyệt. Chiến tuyến vỡ, một mảng quan trọng trong niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của quân sĩ ta cũng theo đó mà tan vỡ. Muốn giành lại được thế chủ động, trước phải đập tan đội quân tiên phong của giặc, mà muốn đập tan đội quân tiên phong này, trước phải tìm cách lấy lại và kích động mạnh mẽ tinh thần của quân sĩ. Nhận rõ điều đó, Lý Thường Kiệt đã bí mật đang đêm cho người vào đền thờ Trương Hát ở ngay bên bờ sông Cầu, đọc to bài thơ không đề sau đây :

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Như đẳng hành khan thủ bại hư.

Sông núi nước Nam, vua Nam ở⁽¹⁾
Rành rành ghi rõ ở sách trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.

Binh sĩ nghe lời thơ, tinh thần phấn chấn hẳn lên, ai ai cũng có sức đánh giặc. Đội quân tiên phong của nhà Tống bị đập tan, chiến tuyến sông Cầu cũng mau chóng được hàn lại. Giặc từ đó bị giam chân ở bờ Bắc sông Cầu, tiến thoái lưỡng nan. Đến đầu năm Đinh Tị (1077), chúng bị Lý Thường Kiệt mở trận quyết chiến chiến lược ở Như Nguyệt, đánh cho tan tành.

Ấy là bài thơ không đề, nhưng vì câu mở đầu phiên âm Hán - Việt là *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* ⁽¹⁾ nên người đời thường gọi đó là bài *Nam quốc sơn hà*, lại cũng vì bài ấy được đọc lên lần đầu tiên ở trong đền thờ Trương Hát nên người đời cũng gọi đó là bài thơ thần.

Lời bàn : Giữa lúc trận mạc hiểm nguy, sống chết cận kề mà vị tổng chỉ huy là Lý Thường Kiệt vẫn ung dung làm được bài thơ tuyệt vời này thì quả là vô cùng đặc biệt. Thơ đã tuyệt mà cách phổ biến thơ lại còn tuyệt hơn. Binh sĩ một lòng tin chắc rằng thần linh sông núi đang đứng về phía họ, sách trời cũng minh chứng cho đại nghĩa của họ, bảo họ không phấn khích làm sao được. Cớ trời huyền diệu, chỉ có thần nhân mới biết được, vậy thì thơ ấy, đọc ở thời điểm ấy, đọc ngay trong đền thờ ấy... tất cả đều hợp lẽ vô cùng. Hậu thế coi đó là bài thơ có giá trị như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước nhà, kể cũng phải lắm thay.

(1) *Nam đế* : lẽ ra phải dịch là "hoàng đế nước Nam" nhưng đây vì dịch thơ cốt giữ vần điệu nên tạm dịch là *Vua Nam*. Lý Thường Kiệt viết *Nam đế* là để khẳng định *Nam đế* đường đường sánh với *Bắc đế* (hoàng đế Trung Quốc). Người Việt dùng chữ *vua* để chỉ cả đế lẫn vương, nhưng theo cách viết của người Trung Quốc (mà xưa ta tiếp nhận) thì *đế* và *vương* khác nhau. *Đế* là ngôi cao nhất (thiên tử) và *vương* là bậc sau đế (chư hầu của thiên tử).

19 - VỤ ÁN LÊ VĂN THỊNH

Năm Canh Tuất (1070) vua Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu ở ngay thủ đô Thăng Long. Nho học bắt đầu có địa vị trên vũ đài chính trị và tư tưởng của nước nhà kể từ đó. Đến năm Ất Mão (1075), vua Lý Nhân Tông (1072 - 1127) cho mở khoa thi nho học đầu tiên ở nước ta. Đó là khoa Minh kinh bác học, người có vinh dự đỗ đầu kì thi này là Lê Văn Thịnh.

Khởi đầu, Lê Văn Thịnh được vào giảng học cho vua, sau ông được giữ chức Thị lang bộ Binh rồi thăng dần lên đến chức Thái sư của triều đình, quyền uy một thời lừng lẫy thiên hạ. Nhưng đến tháng 3 năm Bình Tí (1096), Lê Văn Thịnh phạm tội, bị bắt đi đày (có sách nói là ở Phú Thọ nhưng cũng có sách nói là ở Thanh Hóa ngày nay). Vụ án này thoát nghe cứ như là chuyện đùa nhưng lại là một vụ án có thật, được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 4, tờ 1 và 2) ghi lại như sau :

"Trước, Văn Thịnh có một tên gia nô người nước Đại Lý (vùng Vân Nam, Trung Quốc ngày nay - ND). Tên này có pháp thuật lạ, nhân đó, Văn Thịnh manh tâm mưu sự khác. Bấy giờ, Nhà vua chơi hồ Dâm Đàm (Hồ Tây, Hà Nội - ND), đi chiếc thuyền con xem đánh cá. Bỗng nhiên hồ nổi sương mù, rồi có chiếc thuyền từ trong đám sương mù ấy lao tới, sát đến thuyền ngự. Nhà vua cầm giáo phóng tới thì đám sương mù tan đi, trong thuyền hiện ra một con hổ. Mọi người sợ hãi. Ông chài Mục Thận quăng lưới chụp lấy thì té ra lại là Thái sư Lê Văn Thịnh. Nhà vua cho rằng Văn Thịnh là bậc đại thần có công lao nên không nỡ giết, chỉ bắt đi an trí ở trại Thao Giang (vùng Phú Thọ - ND). Vua thưởng quan tước cho Mục Thận và ban cho đất Dâm Đàm để làm thái ấp".

Lời bàn : Tháng 3 ở Hồ Tây, sương mù có bỗng chốc xuất hiện thì cũng là điều dễ hiểu. Nay hiện tượng này thỉnh thoảng vẫn có hướng chỉ là ngót ngàn năm trước, quanh hồ cây cối còn hoang vu. Giữa đám mây mù, vua quan nhìn gà hóa cuốc, Văn Thịnh bối thế mà mang tội trong chỗ không ngờ chăng ?

Dân gian kể rằng ông biết hóa hổ từ hồi còn là học trò và đã có lần mẹ ông chết ngất khi thấy ông hóa hổ ở ngay trong phòng học. Lê Văn Thịnh khác người ở chỗ giỏi hơn người, vì thế mà ông mang tội cũng phải khác người chăng ? Không thấy sử chép là ông đã nói gì khi bị bắt, nhưng chắc là khó nói, bởi ý vua đã quyết, có nói cũng bằng thừa thôi.

20 - CHUYỆN GIÁC HOÀNG

Ở thời thịnh trị, muôn vạn binh hùng tướng mạnh của ngoại bang ồ ạt tràn đến, triều chính chưa dễ đã lung lay nhưng ở thời chính sự suy vi, có khi chỉ một đứa bé con con cũng đủ sức để làm cho ngai vàng nghiêng ngửa. Chuyện cậu bé Giác Hoàng xảy ra vào đầu năm Nhâm Thìn (1112) được sách *Đại Việt sử lược* (quyển 2, tờ 21 a-b) ghi lại sau đây, có thể coi là một ví dụ tiêu biểu :

"Tháng 2 (năm 1112 - ND), người ở Thanh Hóa nói rằng, ven biển nơi ấy có đứa bé lạ, mới ba tuổi mà ai nói gì cũng hiểu, tự xưng là con vua, hiệu Giác Hoàng (nghĩa là Phật, người đã giác ngộ hoàn toàn - ND). Phàm Vua làm gì, nó cũng đều biết trước. Vua sai quan Trung sứ đến hỏi, thấy những điều nó nói đều đúng, bèn đón về, cho ở tại chùa Báo Thiên (Hà Nội - ND). Vua thấy nó linh dị nên yêu quý lắm. Bấy giờ, Vua không có con trai, định lập nó làm Thái tử, nhưng quần thần cho là không nên, bèn thôi. Vua sai bày trai đàn ở trong cấm đình, muốn sai Giác Hoàng đầu thai làm con mình. Có vị sư tên là Từ Lộ (hiệu là) Đạo Hạnh ở núi Phật Tích nghe tin đó, không bằng lòng, bèn bảo với người chị là Từ thị đi dự hội. Đạo Hạnh ngậm đưa vài hạt châu đã làm phép, nói (với chị) rằng, khi tới cuộc hội, nhớ đem giắt vào mái nhà, đừng để cho ai biết. Từ thị làm đúng lời dặn. Giác Hoàng bỗng nhiên mắc bệnh sốt, nói với mọi người rằng, hắn thấy khắp trong nước đều có chăng lưới sắt, không còn đường để vào thác sinh ở trong cung. Vua sai tìm kiếm khắp nơi thì bắt được mấy hạt châu của Từ thị giấu. (Vua) sai bắt Lộ trói ở hành lang

Hưng Thánh, toan xử tử. (Bấy giờ) Sùng Hiền Hầu (em Vua - ND) vào chầu. Lộ kêu than rằng, xin Hiền Hầu cứu bản tằng, nếu may mà bản tằng thoát chết thì (sau sẽ) xin làm con của (Hiền) Hầu để báo đền ơn đức. (Hiền) Hầu nhận lời. Vào chầu vua, để cứu Lộ, Hầu nói, Giác Hoàng nếu thực sự có sức thần mà bị Lộ làm phép yểm được, thì Lộ rõ ràng là giỏi hơn Giác Hoàng. Thần cho rằng, chỉ bằng hãy cho ngay Từ Lộ thác sinh. Vua bèn tha tội Lộ.

Giác Hoàng bị bệnh rất nguy, trăng trở lại rằng, sau khi chết, hãy dựng tháp ở núi Tiên Du mà thờ y".

Lời bàn : Bạc xuất chúng có tài bẩm sinh, thời nào cũng có. Giác Hoàng cũng chỉ là một trong số những người ấy. Song le, hành trạng Giác Hoàng thực hư lẫn lộn, trăm sự chẳng qua cũng bởi sự sùng Phật thái quá của người đương thời. Thiên tài phải một phen hú vía vì vua bắt đầu thai thác hóa, phát sốt mà thành bệnh nguy kịch cũng phải.

Từ Đạo Hạnh là bậc tu hành, tự nói có pháp thuật cao cường, song thói tục đời thường xem ra vẫn còn nặng lắm. Từ Đạo Hạnh dùng bùa phép để hãm hại Giác Hoàng là bậc đồng đạo, ấy là thói ghen ghét vẫn còn chất chứa. Từ Đạo Hạnh lại muốn chính mình được đầu thai thác hóa để kiếp sau được làm vua, ấy là lòng tham quyền thế còn rất nặng nề. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 3, tờ 16-a) chép rằng, về sau, Từ Đạo Hạnh thác hóa làm con của Sùng Hiền Hầu (em vua Lý Nhân Tông), ấy là Lý Dương Hoán. Nhân Tông không có con trai nên truyền ngôi cho Lý Dương Hoán, đó là Lý Thần Tông (1128, - 1138).

21 - LƯỢC TRUYỆN VỀ Ỗ LAN

 Lan nghĩa là dựa vào cây lan, đó là hình ảnh hết sức độc đáo của cô thôn nữ vùng Thổ Lỗi (Bắc Ninh) mà vua Lý Thánh Tông lần đầu tiên bắt gặp khi đi cầu tự ở vùng này. Sử cũ chép rằng, bấy giờ, Vua xuân thu đã bốn chục nhưng chưa có vị Hoàng tử nào, lòng lấy làm lo lắng lắm, bèn đi cầu tự ở khắp nơi. Nghe tin Vua đến, dân làng Thổ Lỗi nô nức ra đường đón xem, duy chỉ có cô thôn nữ đặc biệt này lại ngồi dựa vào đám cỏ lan mà hát.

Vua thấy lạ, liền đón về cung, lúc đầu cho làm Cung nhân, sau sách phong dần lên đến Nguyên phi (người đứng đầu hàng thứ hai của vợ vua). Nhà vua lấy ngay hình ảnh của kỉ niệm buổi đầu gặp gỡ ấy làm hiệu cho Nguyên phi, người đương thời cũng như người bao thế kỉ qua nhân đó mà gọi là Ý Lan Nguyên phi. Sự kiện này có lẽ xảy ra trước hoặc sau năm 1063 chút ít.

Đến năm 1066, Ý Lan sinh hạ Hoàng tử Càn Đức (sau là vua Lý Nhân Tông, 1072 - 1127). Địa vị của Ý Lan trong hoàng tộc càng trở nên vững vàng. Nhà vua vì đặc biệt yêu quý Ý Lan Nguyên phi mà vào năm 1068 đã cho đổi gọi nguyên quán của Ý Lan là làng Thổ Lỗi thành làng Siêu Loại (nghĩa là vượt lên trên đồng loại).

Hoàng đế Lý Thánh Tông quả đúng là người có con mắt nhìn người rất tinh tường. Ý Lan không phải chỉ là cô gái đẹp mà còn là người tài hoa sắc sảo và rất có bản lĩnh. Bà hoàng có nguồn gốc dân dã ấy đã giành cho vua Lý Thánh Tông những bất ngờ lớn. Độc đáo hơn cả có lẽ là sự kiện năm Kỉ Dậu (1069). Bấy giờ, vua Lý Thánh Tông đích thân cầm quân đi đánh Chiêm Thành. Trước khi đi, Nhà vua vì tin cẩn mà trao quyền điều khiển chính sự ở triều đình cho Ý Lan Nguyên phi, nghĩa là gần như cho bà làm vua khi vua vắng mặt. Lý Thánh Tông đánh mãi không thắng, bèn rút quân về, nào ngờ dọc đường về, Nhà vua nghe quan lại và nhân dân ca ngợi rằng Nguyên phi có tài trị nước, lòng lấy làm xấu hổ mà nói : "Nguyên phi là đàn bà mà còn làm được như thế, ta là nam nhi lại chẳng làm được việc gì hay sao ?". Nói rồi quyết chí cho quân quay lại đánh nữa, và lần ấy Nhà vua giành đại thắng !

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông mất, Thái tử Càn Đức lên ngôi, đó là Lý Nhân Tông, Ý Lan Nguyên phi được tôn phong làm Ý Lan Thái phi. Một năm sau sự kiện này, nội bộ cung đình có sự tàn sát lẫn nhau. Ý Lan Thái phi đã bức hại Dương Thái hậu cùng 76 thị nữ khác. Đây là lỗi lớn của Thái phi, sử không thể bỏ qua và chính Ý Lan cũng nhiều phen tự lấy làm tiếc. Dương Thái hậu mất rồi, Ý Lan hiển nhiên là Thái hậu với tên hiệu mới là Linh Nhân, nhưng người đời vẫn quen gọi bà là Ý Lan.

Ở địa vị tột đỉnh của hiển vinh nhưng Ý Lan vẫn không quên cảnh ngộ của những người phụ nữ nghèo hèn, những người đã và đang sống những cuộc đời còn thua kém cả thuở hàn vi của bà. Họ có khi còn không được quyền nghĩ đến hạnh phúc gia đình. Sử cũ chép rằng, vào năm Quý Mùi (1103), chính Ý Lan đã phát tiền ở kho nội phủ để chuộc những người con gái nhà nghèo bị bán đi ở đợ, đem họ mà gả cho những người đàn ông góa vợ. Bàn về sự kiện này, sử thần Ngô Sĩ Liên nói : "Thái hậu đối đãi cho họ, cũng là việc làm nhân chính vậy".

Nhờ có thời son trẻ sống chân lấm tay bùn ở nơi thôn dã, bà hiểu rõ rằng nông dân cần gì, nông nghiệp cần gì và làm sao để thiên hạ có thể an cư lạc nghiệp. Canh cánh nỗi lo ấy đã theo bà cho đến phút chót của cuộc đời. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 3, tờ 17 a-b) có ghi lại một sự kiện xảy ra vào mùa xuân năm Đinh Dậu (1117), tức là chỉ mấy tháng trước khi bà qua đời, như sau :

"Hoàng Thái hậu nói : "gần đây ở kinh thành, hương ấp, có nhiều người trốn tránh, lấy việc trộm cắp trâu bò làm nghề sinh nhai, trăm họ cùng quần, (đến nỗi) mấy nhà phải cày chung một con trâu. Trước đây ta đã từng nói đến việc ấy, nhà nước đã có lệnh cấm, vậy mà nay giết trâu bò lại còn nhiều hơn". Bấy giờ Vua mới xuống chiếu rằng, kẻ nào mổ trộm trâu bò thì phạt 80 trượng, đồ làm khao giáp (tức là làm kẻ phục dịch trong quân - ND), vợ của kẻ đó bị xử 80 trượng, đồ làm tang thất phụ (tức là phục dịch ở nơi chôn cất - ND) và bồi thường trâu bò. Láng giềng nào biết mà không tố cáo cũng bị phạt 80 trượng".

Bà là người sùng Phật. Tính đến năm 1115, bà đã cho xây cất trên 150 cái tháp. Sử cũ có lời đoán định rằng, hẳn là bà sám hối về việc bức hại Dương Thái hậu và 76 thị nữ nên mới làm như vậy. Thực ra, trước khi sùng Phật, Bà đã cho mời nhiều bậc cao tăng vào Hoàng cung để hỏi cho ra lẽ, rằng Phật là gì, Phật từ đâu tới, giáo lí của nhà Phật ra sao... v.v. Chính những lời đối đáp giữa bà với các bậc cao tăng đã đặt nền tảng đầu tiên cho

việc ra đời của sách *Thiên uyển tập anh* (nghĩa là anh tú vườn Thiên) rất có giá trị sau này.

Ngày 25 tháng 7 năm Đinh Dậu (1117), bà qua đời, có lẽ thọ vào khoảng ngoài 70 tuổi. Bà quả là một phụ nữ sáng danh của lịch sử nước nhà vậy.

22 - DI CHIẾU CỦA LÝ NHÂN TÔNG

Lý Nhân Tông (1072 - 1127), húy là Càn Đức, con trưởng của vua Lý Thánh Tông (1054 - 1072), mẹ đẻ là Ý Lan Thái phi. Vua sinh vào tháng 1 năm Bính Ngọ (1066). Càn Đức chào đời hôm trước thì ngay ngày hôm sau được phong làm Thái tử và đến năm lên 6 tuổi (Nhâm Tý - 1072) thì được lên nối ngôi. Chân dung vua Lý Nhân Tông được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 3, tờ 6-b) miêu tả đại lược như sau :

"Vua trán dô, mặt rộng, tay dài quá gối, sáng suốt thần võ, trí tuệ hiếu nhân, nước lớn sợ, nước nhỏ mến, thần giúp, người theo, thông âm luật, chế ca nhạc, dân được giàu đông, mình được thái bình, là vua giỏi của triều Lý".

Lý Nhân Tông ở ngôi 56 năm, thọ 62 tuổi, là vị vua trị vì lâu nhất trong lịch sử Việt Nam. Nhưng, Lý Nhân Tông bất diệt không phải là chỗ trị vì lâu dài, mà là ở lời di chiếu chứa chan lòng yêu nước, thương dân. Cũng sách trên (tờ 25-b và 26-b) đã trang trọng ghi lại lời di chiếu ấy. Xin trích hai đoạn sau đây :

"... Trẫm nghe, phàm các loài sinh vật, không loài nào là không chết. Chết là số lớn của trời đất và lẽ đương nhiên của mọi vật. Thế nhưng người đời chẳng ai không thích sống mà ghét chết. Chôn cất hậu làm mất cơ nghiệp, để tang lâu làm tổn tính mệnh, trẫm không cho thế là phải. Trẫm ít đức, không lấy gì làm cho trăm họ được yên, đến khi chết đi lại khiến cho thứ dân mặc áo xô gai, sớm tối khóc lóc, giám ăn uống, bỏ cúng tế... làm cho lỗi

ta thêm nặng, thiên hạ sẽ bảo ta là người thế nào ? Trẫm xót phận tuổi thơ phải nổi ngôi báu, ở trên các vương hầu, lúc nào cũng nghiêm kính sợ hãi. Đã 56 năm nay, nhờ anh linh của tổ tông, được hoàng thiên phù hộ, bốn biển yên lành, biên thùy ít biến, chết mà được xếp sau các bậc tiên quân là may rồi, còn phải thương khóc làm gì ?"

..." Việc tang thì chỉ ba ngày là bỏ áo trở, nên thôi thương khóc. Việc chôn thì nên theo Hán Văn Đế, cốt phải kiệm ước, không xây lăng mộ riêng, nên để ta hầu bên cạnh tiên đế. Than ôi ! mặt trời đã xế, tác bóng khó dùng, từ già cõi đời, nghìn thu vĩnh quyết. Các người nên thực lòng kính nghe lời trẫm, bảo rõ cho các vương công, bày tỏ cho hết trong ngoài"...

Lời bàn : Thối thường, lời vĩnh quyết cũng có thể là lời vô nghĩa nhất mà cũng có thể là lời minh tuệ nhất. Lời Lý Nhân Tông thuộc loại thứ hai. Nhưng, lời ấy không phải là lời bất chợt của phút chót cuộc đời mà là lời phản ánh một đời nặng lo gánh vác trọng trách trước sơn hà xã tắc. Lý Nhân Tông là nhân vật gắn liền với ba sự kiện lớn ở nửa sau của thế kỉ XI. *Một là* đã mở khoa thi Nho học đầu tiên vào năm Ất Mão (1075). Từ đây, phương thức tuyển lựa quan lại bằng thi cử được thiết lập. Cũng từ đây, đội ngũ quan lại chính quy dần dần thay thế đội ngũ quý tộc thế tập. *Hai là* đã lập ra Quốc Tử Giám vào năm Bình Thìn (1076). Từ đây, nền đại học của nước nhà được khai sinh. Cũng từ đây, trước khi tham chính, quý tộc phải trải qua một giai đoạn đào tạo hẳn hoi. *Ba là* đã chỉ huy quân dân cả nước đập tan cuộc xâm lăng của nhà Tống vào năm Đinh Tị (1077), làm cho "nước lớn sợ", làm cho uy danh của nước Đại Việt trở nên lừng lẫy.

Con người có nhiều cống hiến lớn lao ấy lại không muốn xây lăng mộ riêng, cho dầu trước sau ông vẫn là đại diện cao nhất của giai cấp quý tộc đương thời. Ngày nay, khi đến với Thăng Long cổ kính, ai cũng biết và cũng muốn đến với khu Quốc Tử Giám nổi tiếng ngàn năm, nhưng hầu như chẳng ai biết và cũng ít ai muốn về thăm nấm mồ bình dị của ông. Ông đã hóa thân thành lịch sử và chính ông cũng là một phần của lịch sử nước nhà vậy.

23 - LÝ LỘC VÀ LÝ TỬ KHẮC ĐƯỢC THĂNG TƯỚC NHƯ THẾ NÀO

Lý Lộc và Lý Tử Khắc đều là thân vương của triều Lý, nhưng sau đến triều Trần, do triều đình có lệ bắt những người họ Lý phải đổi thành họ Nguyễn, nên đôi khi, hai người này cũng được sử cũ chép là Nguyễn Lộc và Nguyễn Tử Khắc.

Thời Lý, cả hai cùng sinh ra trên nhung lụa, cùng làm quan dưới triều Lý Nhân Tông và Lý Thần Tông, cùng có cuộc đời quý tộc rất trường giả và cùng có cơ may được thăng tước trong năm Kỷ Dậu (1129), là năm thứ hai trong đời trị vì của vua Lý Thần Tông (1128 - 1138). Lý Lộc gặp may vào tháng 2 còn Lý Tử Khắc gặp may vào tháng 3. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 3, tờ 33 a - b và tờ 34 a) đã chép về sự may mắn của họ, kèm theo lời bình của sử gia đời Trần là Lê Văn Hưu như sau :

"Thân vương Lý Lộc tâu rằng, ở núi Tản Viên có hươu trắng. Vua sai Thái úy Dương Anh Nhị đi bắt được, bèn cho Lộc tước Đại liêu ban".

"Tháng 3, Lý Tử Khắc dâng lời tâu rằng, rừng ở Giang Đê (có lẽ là vùng Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, ngày nay - ND) có hươu trắng. Vua sai Thái úy Lưu Khánh Đàm đi bắt được, bèn thăng Tử Khắc làm khu mật sứ, xếp vào hàng tước minh tự, được đội mũ bảy cầu".

Lê Văn Hưu nói : "Phàm người xưa gọi là điềm lành là nói việc được người hiền và được mùa, ngoài ra không có gì đáng gọi là điềm lành cả. Còn như chim quý thú lạ thì không nên nuôi ở kinh đô, ấy cũng là lời răn của tiên vương để lại. Thần Tông nhân Nguyễn Lộc và Nguyễn Tử Khắc dâng hươu trắng, cho vật ấy là điềm lành, tặng Lộc tước Đại liêu ban và Tử Khắc tước minh tự, thì cả người tặng thưởng và người nhận thưởng đều là sai cả. Vì sao ? Thần Tông vì dâng thú mà cho quan tước thế là lạm thưởng, Lộc và Khắc không có công lao mà dám nhận thưởng, thế là dối vua".

Lời bàn : Ai bảo chuyện hươu chuyện vượn là chuyện tào lao, còn đây, chuyện hươu lại thực là chuyện làm nên danh vọng. Những kẻ vào sông ra chết để giữ gìn xã tắc, những người cúc cung tận tụy để dân giàu nước mạnh ... để gì đã được thiên tử đoái hoài cất nhắc. Điểm lành đâu chẳng thấy, chỉ thấy từ đó đất nước bắt đầu lâm nguy.

24 - VÌ SAO TRẦN NGỌC KHÁNH ĐƯỢC ĐỔI GỌI LÀ TRẦN THIÊN GIÁN ?

Các tác giả sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 4, tờ 25) có dẫn sách *Danh tiết lục* của Trần Kỳ Đằng để chép một chuyện xảy ra vào năm Kỷ Dậu (1129) như sau :

"Từ tháng 2 năm ấy đến mãi tháng 3 không mưa. Nhà vua (Lý Thần Tông) thân đi cầu mưa mà không ứng nghiệm, nhân đó nói với các quan hầu cận rằng :

- Trẫm là người ít đức, can phạm đến trời để làm mất hòa khí. Mùa xuân năm ngoái thì mưa dầm, mùa xuân năm nay lại đại hạn. Trẫm lấy làm lo lắng lắm. Các khanh nên nghĩ xem, nếu thấy trẫm có điều gì lầm lỗi thì bổ cứu lại cho trẫm.

Viên ngoại lang Trần Ngọc Khánh tiến lên nói rằng :

- Ba tháng mùa xuân là dịp sinh nở của muôn vật. Trời không mưa thì sinh sống của các loài sẽ ra sao ? Hoặc giả là hình ngục có sự oan uổng, sai trái, làm hại đến hòa khí chăng ? *Kinh Thi* có câu rằng, chính lệnh của Vua mà sai lệch vì quá nghiêm khắc thì diễm dữ sẽ đến, ấy là nặng nhiều. Vậy xin Bệ hạ nghĩ lại.

Nhà vua cho là phải, bèn xuống chiếu tha các tội nhân trong nước. Tháng 4 trời mưa. Người ta gọi Trần Ngọc Khánh là Trần Thiên Giác (nghĩa là ông người họ Trần giỏi can gián - ND)".

Lời bàn : Vua Lý Thần Tông lên ngôi lúc chỉ mới 12 tuổi. Vua trẻ người non dạ lại rất mê tin dị đoan. Trong triều, bọn gian thần cơ hội và xu nịnh thì nhiều, người

liêm chính và trung quân ái quốc lại quá ít. Vua cầu mưa không ứng nghiệm, lòng vì lo sợ mà cho các quan nói lời bỗ cứu, chớ thực tình, Nhà vua nào có muốn nghe ý kiến của triều đình về quốc kế dân sinh. Lời của viên ngoại lang Trần Ngọc Khánh chỉ là lời nói cho có, làm sao mà gọi được là lời can gián Nhà vua ? Các quan đương thời cũng nuông theo sự tin dị đoan của Nhà vua mà nịnh khéo Vua bằng cách gọi Trần Ngọc Khánh là Trần Thiện Gián đó thôi.

25 - NHÂN CÁCH CỦA LÝ THẦN TÔNG

Vua Lý Thần Tông (1128 - 1138) nổi tiếng hơn người ở chỗ rất ưa tin dị đoan. Ở đời, cha nào con nấy, thân phụ của Vua là Sùng Hiền Hầu (em ruột vua Lý Nhân Tông) cũng rất nổi tiếng là người tin dị đoan, từng nói rằng vua Lý Thần Tông chính là do nhà sư Từ Đạo Hạnh thác hóa đầu thai mà có. Vua tin dị đoan thì thiên hạ cũng vì thế mà có thêm lắm kẻ tin dị đoan. Tin thật cũng có mà giả vờ tin cũng có. Điềm lành dở, vật khác thường và chuyện kinh dị ... cứ thế phủ đầy những trang sử của đời vua Lý Thần Tông. Có một mẫu chuyện đã được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 4, tờ 28) ghi lại sau đây :

Nhà vua rất thích những vật lạ, phàm ai có hươu trắng hươu đen hay chim sẻ trắng, rùa trắng ... đều đem dâng Vua cả. Lúc ấy, có Đỗ Khánh là lính ở Tả Vũ Tiệp đem dâng con cá xương và con cá công sắc vàng. (Cá xương là một loại cá biển, cũng gọi là cá hàu. Cá công cũng ở biển, còn gọi là cá chiết, trông gần giống như con cua - ND). Nhà vua cho đấy là điềm lành, bèn xuống chiếu cho bề tôi chúc mừng. Cáp môn sứ là Lý Phụng Ân nói rằng : "Cá là vật nhỏ mọn mà Bệ hạ đã lấy làm điềm lành, vậy nhờ sau này có người đem tới dâng con lân con phượng thì Bệ hạ sẽ làm sao ?" . Bởi lời ấy, việc này mới thôi.

Bấy giờ, Vương Cửu là lính ở Tả Hưng Vũ đem dâng con rùa, trên mai có những vết hợp thành nét chữ. Vua liền xuống chiếu cho các học sĩ, nhà sư và đạo sĩ theo hình nét chữ để đoán. Họ

tán ra thành tám chữ *Thiên thư hạ thị, thánh nhân vạn tuế* nghĩa là : sách trời bảo cho biết rằng thánh nhân (đây chỉ vua Lý Thần Tông) muôn năm".

Lời bàn : Ở đời, có những người nổi danh chẳng qua chỉ vì họ tấm thường, và họ càng tấm thường thì lại càng trở nên nổi danh hơn. Vua Lý Thần Tông có lẽ cũng tạm xếp vào loại này được. Lời cấp môn sử Lý Phụng Ân kể cũng là lời thẳng thắn, tiếc là Vua vẫn chứng nào tật nấy. Biết sao hơn được, bởi nhân cách Nhà vua đã định hình quá sớm mất rồi.

Hậu thế cũng khéo khen cho các học sĩ, nhà sư và đạo sĩ, xu nịnh một người làm hư hại phong hóa một thời, mưu chút lợi nhỏ cho riêng thân để muôn người chê bai.

26 - TỪ VĂN THÔNG ẮN HỐI LỘ

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 3, tờ 41-b và tờ 42-a) có chép một mẩu chuyện xảy ra vào tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138), khi vua Lý Thần Tông đang hấp hối như sau :

"Trước kia, Vua đã lập Thiên Lộc làm con nối ngôi. Đến đây Vua đau nặng, ba phu nhân là Cẩm Thánh, Nhật Phụng và Phụng Thánh muốn đổi lập Thái tử khác, mới sai người đem của đút cho tham tri chính sự Từ Văn Thông, nói rằng có vâng mệnh để thảo di chiếu thì chớ bỏ lời của ba phu nhân. Văn Thông nhận lời. Đến khi Vua đau nặng, sai soạn di chiếu, Văn Thông tuy vâng mệnh Vua nhưng nhớ lời của ba phu nhân nên cứ cầm bút mà không viết. Lát sau, ba phu nhân đến, khóc lóc thảm thiết mà nói rằng :

- Bọn thiếp nghe rằng, đời xưa lập con nối ngôi thì lập con đích chứ không lập con thứ. Thiên Lộc là con của người thiếp được vua yêu, nếu cho nối ngôi thì người mẹ tất sẽ tiếm lấn, sinh lòng ghen ghét làm hại, như thế thì mẹ con bọn thiếp tránh sao cho khỏi nạn.

Vua vì thế xuống chiếu rằng :

– Hoàng tử Thiên Tộ tuy tuổi còn thơ ấu, nhưng là con đích, thiên hạ đều biết, nên cho nối nghiệp của trẫm, còn Thái tử Thiên Lộc thì phong làm Minh Đạo Vương”.

Lời bàn : Phàm người quang minh chính đại, hễ thấy điều gì hợp với đạo nghĩa là làm, không quy lụy van xin bất cứ ai. Cảm Thánh, Nhật Phụng và Phụng Thánh đem vàng hối lộ Từ Văn Thông, ắt hẳn là muốn dùng vàng để che khuất chỗ bất chính của họ. Nước mắt của ba phu nhân là nước mắt thương xót người sắp lià đời chăng ? Tất không phải. Chẳng qua, đó chỉ là chút đưa đẩy cuối cùng, cốt lung lạc cho bằng được Nhà vua đang lúc hấp hối mà thôi. Từ Văn Thông sao lại phải chần chờ ? Cửa dứt đã làm vỡ nghiêng cong bút mất rồi, bảo viết ngay làm sao được. Cả đời Thần Tông hầu như chẳng quyết đoán được việc gì, huống chi là lúc sức tàn lực kiệt.

Ôi, vua nhu nhược ấy, bề tôi gian tà ấy, hoàng tộc chia bè kết cánh ấy ... gặp nhau là phải lắm. Rốt cuộc là tất cả họ, nào có ai mất gì, chỉ có nước nhà là mất thời thịnh trị mà thôi !

27 - LÝ CÔNG BÌNH MẤT CÔNG TRẠNG

Đầu năm Mậu Thân (1128), nghĩa là ngay khi vua Lý Thần Tông vừa mới lên ngôi, nước ta bị Chân Lạp, đem quân đến quấy phá. Sách *Dại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 3, tờ 30 a-b) cho biết rằng, ngày Giáp Dần (tức ngày 29 tháng 1), hơn hai vạn quân Chân Lạp tiến vào đánh phá ở bến Ba Đầu của châu Nghệ An. Vua Lý Thần Tông sai quan Nhập nội Thái phó là Lý Công Bình cầm quân đi đánh giặc. Ngày Quý Hợi (tức ngày 3 tháng 2), Lý Công Bình đã đánh bại quân Chân Lạp ở bến Ba Đầu, bắt được cả chủ tướng của chúng và rất nhiều quân lính. Thắng trận xong, Lý Công Bình lập tức cho người đưa thư về triều báo tin. Cùng sách nói trên (tờ 31-a) chép rằng :

“Thư báo tin thắng trận của Lý Công Bình đến kinh sư. Ngày Mậu Thìn (tức ngày 15 tháng 2 – ND), Vua ngự đến hai cung Thái

Thanh và Cảnh Linh cùng các chùa quán trong thành để làm lễ tạ ơn Phật và Đạo đã ngầm giúp cho Công Bình đánh được người Chân Lạp.

Lê Văn Hữu nói : "Phàm việc trừ tặc ở trong màn trướng đều là công của người tướng giỏi cầm quân làm nên. Thái phó Lý Công Bình phá được quân Chân Lạp vào cướp ở châu Nghệ An và sai người báo tin thắng trận, Thần Tông đáng lẽ phải làm lễ cáo thắng ở Thái Miếu rồi xét công ở triều đình để thưởng cho bọn Công Bình về công đánh giặc, đằng này lại quy công cho Phật và Đạo, đi các chùa quán để lạy tạ, như thế không phải là cách để ủy lạo kẻ có công và cổ vũ chí khí của quân sĩ".

Lời bàn : Lý Công Bình vui nhận mệnh vua mà đem tướng sĩ đi đánh giặc, cũng có thể nói là trung thần. Công Bình xuất quân chỉ mới được mấy ngày đã có tin thắng trận báo về, cũng có thể nói rằng ông là người có tài làm tướng. Thường người có công, trị người có tội là lẽ thường của mọi thời. Tiếc thay, Lý Công Bình chẳng được hưởng sự công bình, bởi vua u mê, cái gì cũng cho là trời Phật làm nên chứ chẳng phải sức người. Sau, đến năm Đinh Tị (1137), ông lại phải thêm một phen cầm quân đi đánh Chân Lạp ở Nghệ An, nhưng cũng chẳng thấy sứ chép Nhà vua thưởng gì cho ông. Lý Thần Tông mất năm 1138, thọ 22 tuổi. Diễn đạt theo cách nghĩ của chính Nhà vua lúc sinh thời, thì cũng có thể coi đó là điềm lành cho xã tắc vậy.

28 - VỤ ÁN ĐỖ ANH VŨ

Đỗ Anh Vũ là quan Thái úy phụ chính thời Lý Anh Tông. Vua Anh Tông lên ngôi năm 1138, lúc chỉ mới được hai tuổi, chính sự trong nước vì thế mà gần như đều do Đỗ Anh Vũ quyết đoán cả. Phụ hoàng của Lý Anh Tông là Lý Thần Tông mất lúc mới 22 tuổi, bởi thế, các Hoàng hậu và phi tần phải chịu cảnh góa bụa lúc còn quá trẻ. Đỗ Anh Vũ muốn nhân cơ hội đó tư thông với các bà hoàng, gây chuyện dâm loạn trong cung đình. Vì việc này mà một vụ án lớn đã xảy ra vào năm Canh Ngọ (1150), năm ấy,

vua Lý Anh Tông 14 tuổi. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 4, tờ 7 a-b) đã chép về vụ án này như sau :

"Trước đó, Vua còn trẻ thơ, mọi việc chính sự lớn nhỏ đều ủy thác cho Đỗ Anh Vũ cả. Anh Vũ sai vợ là Tô thị ra vào cung cấm hầu hạ Đỗ Thái hậu, nhân đó mà tư thông với Lê Thái hậu (mẫu hậu của Anh Tông – ND), và vì thế mà càng kiêu rông, ở triều đình thì khoát tay lớn tiếng, sai bảo quan lại thì hất hàm ra hiệu, mọi người liếc nhau chứ không ai dám nói. Quan Điện tiền đô chỉ huy sứ là Vũ (Cát) Đái, chức Hỏa đầu đô Quảng Vũ là Lương Thượng Cá, chức Hỏa đầu đô Ngọc Giai là Đồng Lợi, chức Nội thị là Đỗ Ất, cùng với bọn Trí Minh Vương, Bảo Ninh Hầu, Phò mã lang Dương Tự Minh ... cùng hợp mưu bắt giam Anh Vũ. Bọn tính xong, bọn Đái đem quân lính đến ngoài cửa Việt Thành hô to lên rằng :

- Anh Vũ ra vào cấm đình, làm nhiều điều ô uế, tiếng xấu đồn ra ngoài, không tội gì to bằng. Bọn thần xin sớm trừ đi, khỏi để mối lo về sau.

(Vua) bèn xuống chiếu sai cấm quân đến bắt Anh Vũ, trói giam ở hành lang Tả Hưng Thánh và giao cho đình úy xét việc. Thái hậu sai người mang cơm rượu cho Anh Vũ, ngầm để vàng vào đồ đựng thức ăn để dút cho Vũ Đái và các người canh giữ. Hỏa đầu đô Tả Hưng Thánh là Nguyễn Dương nói :

- Các ông tham của dút, tội với các ông tất không thoát khỏi tay Anh Vũ đâu, chi bằng cứ giết trước đi cho khỏi tai họa về sau.

Nói rồi, cầm giáo định đâm. Đô Tả Hưng (Thánh) là Đàm Di Mông ôm Dương, cướp lấy giáo, nói ngăn rằng :

- Điện tiền bảo Anh Vũ tội đáng chết nhưng còn phải đợi mệnh vua, không nên tự tiện.

(Nguyễn) Dương giận, chửi rằng :

- Điện tiền Vũ Cút Đái chứ chẳng phải Vũ Cát Đái (hai chữ *Cát Đái* đọc theo âm chữ Nôm là *Cút Đái*). (Hắn) sao mà tham của dút đến quên cả mạng mình !

Nói xong, tự biết không khỏi chết, bèn nhảy xuống giếng tự tử.

Bấy giờ, Vua xử án Anh Vũ, đày Anh Vũ làm Cảo điền nhi (tức là đày đi làm người cày ruộng cho nhà nước ở vùng Cảo Xã, nay thuộc đất Từ Liêm, Hà Nội - ND). Thái hậu lo buồn, cố nghĩ cách để phục hồi chức tước cho Anh Vũ, bèn mở hội lớn nhiều lần để Vua ân xá cho tội nhân, mong rằng Anh Vũ cũng được dự vào đấy. Anh Vũ sau nhiều lần được ân xá tội lại giữ chức Thái úy như cũ, càng được yêu dùng hơn, do vậy càng làm oai làm phúc, sát hại mọi người, lúc nào sự thù hằn cũng lộ rõ ra ngoài. (hắn) còn sợ bọn lính đi bắt bớ thi hành lệnh không được như ý, mới dâng vua hơn một trăm thủ hạ, lập làm đô Phụng Quốc Vệ, hễ ai phạm tội cũng giao cho lính ở đô Phụng Quốc Vệ đi bắt. Anh Vũ tâu Vua rằng :

- Trước kia bọn Vũ (Cát) Đái tự tiện đem cấm quân xông vào tận cung đình, tội ấy không gì to bằng, nếu không sớm trừng trị, sợ một ngày kia sinh biến, không thể lường trước được.

Vua chẳng biết gì cả, bèn y lời tâu. Anh Vũ sai đô Phụng Quốc Vệ đi bắt bọn Vũ Đái giam vào ngục để trị tội. (Vua) xuống chiếu giáng Trí Minh Vương làm tước Hầu, Bảo Ninh Hầu làm tước Minh tự, Bảo Thắng Hầu làm Phụng chức, Nội thị là bọn Đồ Át gồm 4 người bị "cưỡi ngựa gỗ" (đem đóng đinh lên ván, bêu ở chợ rồi sau mới từng xẻo da thịt - ND), bọn Hỏa đầu đô Ngọc Giai là Đồng Lợi gồm 8 người bị chém ở chợ Tây Giai, bọn Điện tiền đô chỉ huy Vũ (Cát) Đái gồm 20 người bị chém bêu đầu ở các bến sông, bọn Phò mã lang Dương Tự Minh gồm 30 người bị tội lưu ở nơi xa độc, những người dự mưu đều bị tội đồ làm điền hoành, khao giáp ... quả y như lời nói của (Nguyễn) Dương".

Lời bàn : Vũ Cát Đái và những người đồng mưu bắt Đỗ Anh Vũ chẳng qua chỉ vì muốn giành những gì béo bở mà địa vị của Đỗ Anh Vũ có thôi. Có thể họ mới than nhiên ăn của dút, bất chấp cả sự giận dữ của Nguyễn Dương. Ôi, vua nhỏ tuổi, thái hậu dâm loạn, quyền thần gian tà thi nhau lũng đoạn, phép nước chẳng còn ai lưu tâm tới nữa ... nước chẳng có giặc mà thực là như đang có giặc, nguy lắm thay !

29 - CÁI CHẾT CỦA NGUYỄN QUỐC DĨ

Nguyễn Quốc Dĩ (cũng có sách chép là Nguyễn Quốc) vốn người có tài, từng nhận mệnh vua Lý Anh Tông đi sứ sang nhà Tống. Tuy nhiên, con người vốn có tài ấy lại chết một cách tức tưởi vào năm Mậu Dần (1158). Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 6-a) chép rằng :

"Viên tạ ti Nguyễn Quốc Dĩ đi sứ nhà Tống về. (Ông) tâu Vua :

– Thần đến nước Tống, thấy ở giữa sân (triều đình) có cái hòm bằng đồng để thu nạp những tờ sớ của bốn phương. Thần xin bệ hạ phỏng theo cách đó (mà làm) để thấu rõ được dân tình.

Vua lấy làm phải, sai làm hòm để ở trước triều đình và lệnh rằng :

– Ai muốn nói việc gì thì làm giấy bỏ vào hòm đó.

Khoảng chừng một tháng, các thư sớ đã đầy hòm, trong đó có một tờ sớ nặc danh, bỏ trộm vào hòm, viết rằng : "Thái úy Đỗ Anh Vũ định đem binh vào cung làm loạn". Kẻ nhận thư bèn đưa cho Anh Vũ. Anh Vũ nói :

– Ông hãy vì ta mà tâu vua xin xét việc đó.

Đến khá lâu sau vẫn không tìm ra kẻ viết thư, Anh Vũ bèn tâu vua rằng :

– Thư ấy tất do người đề xướng việc làm hòm viết ra.

Vua lấy làm phải, sai bắt Quốc Dĩ và em là Nghi giao cho quan xét xử, bày đặt buộc tội cho Quốc Dĩ rồi đày Quốc Dĩ lên trại Quy Hóa. Được ít lâu, Vua tính triệu Quốc Dĩ về, Anh Vũ sai người đem thuốc độc cho Quốc Dĩ và nói :

– Uống thuốc này thì có thể tránh được chương khí. Quốc Dĩ biết rằng không thể thoát được, bèn uống thuốc độc mà chết".

Lời bàn : Nguyễn Quốc Dĩ muốn bắt chước thiên triều nên mới tâu xin vua đặt cái hòm bằng đồng ở giữa sân rồng. Nhưng ở thời quyền thần lũng đoạn và vu

hâm lẫn nhau, vua thì bạc nhược và u mê, thử hỏi cái hòm kia phỏng có ích gì ? Xót thay, cái hòm ấy chỉ để chôn Nguyễn Quốc Dĩ với những ý định tốt đẹp của ông mà thôi !

30 - THÁI TỬ LÝ LONG XƯỜNG BỊ PHẾ

Lý Long Xưởng sinh năm Tân Mùi (1151) là con trưởng của vua Lý Anh Tông, được Anh Tông cho lập làm Đông cung Thái tử. Với Thái tử Long Xưởng, ngôi vị Hoàng đế Đại Việt tương lai kể như đã cầm chắc trong tay. Thế nhưng, từ khi được lập làm Thái tử, Lý Long Xưởng chỉ lo hoang chơi.

Sự thể quả đúng là "giỗ nhà ai, quai nhà nấy", vua Anh Tông cũng nổi tiếng ăn chơi một thời. Trong *Việt sử tiêu án*, sử gia Ngô Thì Sĩ đã phải thốt lên rằng : "Ồn trạch của họ Lý đến đây tiêu ma hết cả". Thế nhưng, kẻ nổi tiếng ăn chơi này cũng phải chào thua con mình. Long Xưởng hơn hẳn vua cha ở chỗ, không chỉ ăn chơi mà còn hoang dâm vô độ, đến nỗi bất chấp cả sự loạn luân. Năm Giáp Ngọ (1174), Long Xưởng thông dâm với cả cung phi của Anh Tông. Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 8 - a) chép rằng :

Long Xưởng có tính hiếu sắc, trong cung có những cung nữ được vua yêu dấu, Long Xưởng đều tư thông với họ. Vua lại ghét Long Xưởng vô lễ. Bà Nguyên phi Từ thị được Vua yêu, Hoàng hậu bèn sai Long Xưởng ngậm giữ ngón tư tình để mê hoặc Từ thị, muốn cho bà Từ thị dó bị Vua nhạt tình. Từ thị đem hết việc dó tâu vua, Vua nhân dó mà giận dữ, phế Long Xưởng đi".

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 4, tờ 15 - b) còn cho biết thêm là Long Xưởng bị phế làm thứ dân và bị bắt giam một thời gian. Sau, đến đời vua Lý Cao Tông, vào năm Tân Sửu (1181) Long Xưởng ra tù, lại tụ họp bọn bất lương cướp bóc bữa bãi.

Lời bàn : Thời Tiền Lê có Long Đĩnh, thời Lý lại có Long Xưởng, đất nước phải hai phen kinh hoàng. Nhưng, khác hẳn với thời Tiền Lê, thời vua Lý Anh Tông

quả là vô cùng khéo góp : Vua cha hoang chơi, thái tử hoang dâm, Hoàng hậu thì vì chút lợi riêng mà đang tâm xúi con mình làm điều vô đạo. Cha ấy, mẹ ấy thì con ấy, nào có lạ gì đâu. Vua Lý Anh Tông phế Long Xưởng xuống hàng thứ dân, thế là trong cái sai, còn có thêm cái sai nữa, bởi vì làm thứ dân mà thất đức cũng không thể làm nổi.

31 - LÝ LONG TRÁT ĐƯỢC LẬP LÀM THÁI TỬ NHƯ THẾ NÀO ?

Sau khi Lý Long Xưởng bị phế, ngôi Đông cung Thái tử của triều Lý vẫn còn tạm để trống, hoàng tộc cũng như triều đình Lý Anh Tông đều lấy đó làm mối lo. Bấy giờ, Lý Anh Tông tuy chưa đầy 40 tuổi, nhưng sức khỏe lại quá yếu, sống chết chưa biết thế nào.

Đang khi Anh Tông buồn giận thì bà Đỗ Thụy Châu (mẹ đẻ của Hoàng tử Lý Long Trát) sai bà nhũ mẫu bế Long Trát tới. Bấy giờ, Hoàng tử Long Trát mới được hơn một tuổi, trông bụ bẫm và rất kháu khỉnh. Chính sự ngây thơ trong trắng của vị Hoàng tử tí hon này đã lấy lại sự quân bình cho nhà vua. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 4, tờ 16 - a) chép rằng :

"Bấy giờ có nội nhân ẵm Long Trát ra. (Long Trát) thấy Vua đội mũ, liền khóc đòi đội. Vua chưa kịp tháo mũ đưa cho thì càng khóc to hơn. Vua bèn tháo mũ đội cho, Long Trát cả cười. Vua càng lấy làm lạ, bèn quyết ý lập Long Trát làm Thái tử".

Thực ra, ý định lập Long Trát đã có từ trước. Cũng sách trên (tờ 15 - b) chép :

"Một hôm, Vua gọi Tể tướng đến bảo rằng : Thái tử là gốc lớn của nước, Long Xưởng đã làm điều trái đạo, trẫm muốn cho Long Trát nối giữ nghiệp lớn, nhưng nó còn nhỏ tuổi, sợ không đương nổi, mà đợi nó lớn thì trẫm đã già yếu, biết làm thế nào ?".

Có lẽ lời ấy đã bay đến tai bà Đỗ Thụy Châu nên mới có sự sắp đặt khôn khéo như đã kể trên chăng ?

Lời bàn : Vua Lý Anh Tông một đời nhu nhược, hoang chơi và lảm lỏi. Phế Long Xưởng để lập Long Trát thì nào có khác gì đời sự đau khổ này lấy sự bất hạnh khác ? Song, cái gọi là giếng mối chính thống của hoàng tộc vốn đã bó buộc tư duy cả một thời. Anh Tông không lập Long Trát cũng khó mà yên được. Vua cha còn không giữ được sự sạch sẽ cho ngai vàng, huống chi là Long Trát sau này lên ngôi lúc chỉ mới được ba tuổi. Xem ra, đời con còn có chỗ "hơn" đời cha, Lý Long Trát (tức Lý Cao Tông) chẳng những làm dơ ngai vàng mà còn làm dơ cả những trang sử cuối của triều Lý. Kê phải chịu đựng sự dơ bẩn ấy, bao giờ cũng chỉ có dân mà thôi !

32 - CHIÊU LINH HOÀNG THÁI HẬU HỐI LỘ TÔ HIẾN THÀNH

Tháng 7 năm 1175, vua Lý Anh Tông mất. Trước đó một năm, con trưởng của Anh Tông là Long Xưởng, do ăn ở vô đạo nên đã bị truất ngôi Thái tử, con thứ sáu của Anh Tông là Long Trát, bấy giờ mới hơn một tuổi, được vua cha cho thay anh giữ ngôi vị này. Mẹ của Long Xưởng là Chiêu Linh tuy buộc phải vâng mệnh nhưng trong lòng vẫn còn rất ảm ức. Đến khi Lý Anh Tông trở bệnh nguy kịch. Bà lại tìm cách thuyết phục Anh Tông thêm một lần nữa. Bởi sự việc này mà đã có một cuộc đối đáp rất đáng ghi nhớ giữa một bên là vua Anh Tông và quan quyền nhiếp chính là Tô Hiến Thành với một bên là bà Chiêu Linh.

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 4, tờ 16-b) chép rằng :

"Trước đó, khi Vua ốm nặng, Hoàng hậu Chiêu Linh lại xin lập Long Xưởng. Vua nói :

- Làm con bất hiếu thì trị dân làm sao được ?

(Nhà vua bèn để) di chiếu cho Tô Hiến Thành giúp đỡ Thái tử, công việc quốc gia đều phải theo phép cũ mà làm. Bấy giờ, Thái

hậu (Chiêu Linh – ND) muốn làm chuyện phế lập, nhưng lại sợ Tô Hiến Thành không nghe, bèn đem vàng bạc đút cho vợ (của Tô Hiến Thành) là bà Lữ Thị. Hiến Thành (biết được), nói rằng :

– Ta là đại thần nhận mệnh của Tiên đế lo giúp đỡ vua còn bé, nay lại ăn của đút mà làm chuyện phế lập, thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên đế ở suối vàng ?

Thái hậu lại gọi Hiến Thành đến dỗ dành trăm cách, nhưng Hiến Thành vẫn một mực nói rằng :

– Làm việc bất nghĩa mà được giàu sang, kẻ trung thần nghĩa sĩ đâu có chịu làm, huống chi lời của Tiên đế còn ở bên tai, điện hạ lại không nghe việc Y Doãn, Hoắc Quang hay sao ? Thần không dám vâng lệnh".

Trong câu trả lời của mình, Tô Hiến Thành có nhắc đến hai nhân vật của Trung Quốc, đó là Y Doãn và Hoắc Quang để tự nhấn mạnh mình là bậc trung thần, không thể bị mua chuộc. Y Doãn là bề tôi của nhà Thương, nhận mệnh vua Thành Thang giúp đỡ vua còn nhỏ tuổi là Thái Giáp. Thái Giáp thất đức, Y Doãn liền bắt đi đày ở Đồng Cung, sau Thái Giáp hối cải, Y Doãn lại đón về tôn lên ngôi vua như cũ. Hoắc Quang là bề tôi của nhà Hán, nhận mệnh Hán Võ Đế giúp đỡ vua trẻ là Phát Lăng. Sau, Phát Lăng lên nối ngôi, đó là Hán Chiêu Đế. Bấy giờ, con trưởng của Hán Võ Đế là An Vương Đản cùng bọn Thượng Quan Kiệt, Tăng Hoằng Dương mưu giành ngôi, bị Hoắc Quang giết chết.

Lời bàn : Chiêu Linh xúi Long Xưởng làm chuyện vô đạo, gây mối loạn luân trong cung đình, đó là một lần lỗi. Chiêu Linh biết Long Xưởng vô đạo mà vẫn cố tìm cách xin vua Anh Tông cho Long Xưởng được làm Thái tử và lên nối ngôi, đó là hai lần lỗi. Chiêu Linh đường đường là Thái hậu mà định lợi dụng bà Lữ thị để hối lộ quan Phụ chính là Tô Hiến Thành, đó là ba lần lỗi. Ba lần lỗi lớn ấy đủ để tiêu hủy danh vọng một đời, vậy mà sau Chiêu Linh vẫn chưa tỉnh ngộ. Gớm thay !

Tô Hiến Thành nghiêm tuân mệnh vua, không tham giàu để lấy của hối lộ bất nghĩa, quan lại như ông, quả là không phải nhiều. Tô Hiến Thành đọc sử để tự răn mình, hậu thế có lẽ cũng nên noi gương ông, đọc sử để biết đạo lí cổ nhân mà lo tích đức vậy.

33 - MƯU PHẾ LẬP CUỐI CÙNG CỦA THÁI HẬU CHIÊU LINH

Năm Giáp Ngọ (1174), Long Xưởng vì làm chuyện vô luân nên bị truất ngôi thế tử. Lỗi lớn này của Long Xưởng thực đã có gốc ở Chiêu Linh, bởi trước đó, chính Chiêu Linh vì ghen tuông mà ngấm sai Long Xưởng tư thông với các phi tần của vua cha là Lý Anh Tông. Từ khi Long Xưởng mất ngôi Thế tử, Chiêu Linh ngày đêm lo lắng, cố tìm đủ mọi cách để Long Xưởng được phục chức. Hết nài nỉ vua Anh Tông khi Anh Tông lâm bệnh nguy kịch, Chiêu Linh lại xoay sang mua chuộc và hối lộ quan Thái úy phụ chính là Tô Hiến Thành. Bị thất bại, Chiêu Linh vẫn không nản. Đến năm Mậu Tuất (1178), Chiêu Linh Thái hậu quyết định giở ngón bài cuối cùng. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 4, tờ 18-a) đã chép rằng :

"Hết quốc tang. Chiêu Linh Hoàng thái hậu ban yến cho các quan ở cung điện riêng rồi nhân đó bảo rằng :

- Hiện nay tiên đế đã châu trời, vua nối còn thơ ấu, nước Chiêm Thành thất lễ, người phương Bắc thì cướp phá biên cương. Các khanh chịu ơn nặng của triều đình thì hãy nên lo việc của nước nhà. Kể sách ngày nay không gì hay bằng lập lại thái tử (chỉ việc lập lại Long Xưởng - ND) để vận nước được lâu, lòng dân cũng được yên.

Các quan đều chấp tay, cúi đầu nói :

- Thái phó (chỉ Tô Hiến Thành - ND) nhận mệnh lệnh rõ ràng của Thiên tử. Bệ hạ cũng đã nhiều lần dỗ bảo rồi. Bọn thần không dám trái lệnh.

(Nói xong) đều lay tạ mà lui ra. Hiến Thành lãnh cấm binh, nghiêm hiệu lệnh, thưởng phạt công bằng, người trong nước đều quy phục".

Lời bàn : Khéo khen cho Chiêu Linh giỏi nuôi mưu phế lập, đã thế, còn dám lấy lòng yêu nước thương dân để tô vẽ cho mưu đen của mình. Hối lộ bạc lương đồng

trung thần như Tô Hiến Thành không xong, Chiêu Linh xoay qua mua chuộc các quan dưới trướng Tô Hiến Thành, những tướng quan nhỏ dễ khiến, ngờ đâu không một ai chịu nghe lời. Bởi lòng thành ấy của trăm quan mà khi Tô Hiến Thành mất (1179), Chiêu Linh cũng không dám mua chuộc họ nữa. Ngón bài cuối cùng của Chiêu Linh thất bại, song Chiêu Linh vẫn vô sự. Chiêu Linh có thể làm chuyện cần quấy là bởi phép nước không nghiêm đó thôi.

34 - LÝ LONG XƯỞNG VỪA SỢ VỪA THEN

Chiêu Linh Thái hậu biết thuyết phục Tô Hiến Thành hợp mưu phế Long Trát để lập Long Xưởng là không thể được, nhưng vẫn cố nói lần cuối cùng. Đây là lần căng thẳng nhất và ngay sau đó thì chỉ chút xíu nữa là có chuyện thanh toán lẫn nhau. Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 9-a) chép rằng :

"Thái hậu biết rằng âm mưu của mình không thành, song vẫn quyết không chịu đổi ý. (Bởi vậy), Bà cho mời Tô Hiến Thành đến và bảo rằng :

- Ông đối với nước có thể gọi là trung đấy. Song, tuổi ông cũng đã về chiều, vua ông đang thờ thì tuổi còn nhỏ, những việc ông làm rồi ai sẽ biết cho ? Chi bằng lập Trưởng quân (chỉ Lý Long Xưởng - ND) thì người đó sẽ mang ơn ông mà cho ông được giàu sang lâu dài, thế có phải là hay hơn không ?

Hiến Thành đáp :

- Bất nghĩa mà được giàu sang, đó không phải là việc mà bậc trung thần nghĩa sĩ chịu làm. Huống chi, di chúc tiên vương còn văng vẳng bên tai, công luận sẽ nói như thế nào ? Thần không dám phụng chiếu.

(Nói xong thì) đi nhanh ra ngay. Thái hậu bèn sai người mời Bảo Quốc Vương (tức Lý Long Xưởng - ND) đến gặp. Bảo Quốc Vương nửa mừng nửa sợ, lấy thuyền nhỏ mà theo sông Tô Lịch vào kinh. Hiến Thành bèn mời các quan chức tả hữu đến, dụ bảo rằng :

- Tiên vương thấy ta và các người hết sức phò vua, không ở hai lòng nên mới phó thác ấu chúa cho chúng ta. Nay Bảo Quốc Vương nghe lời Thái hậu, muốn phế bỏ Chúa thượng để tự lập làm vua các người phải hết lòng cố gắng, nghe mệnh ta truyền bảo, ai vâng mệnh ta, ta thưởng cho suốt đời, ai trái lệnh ta, ta sẽ giết ở chợ. Các người nên gắng sức.

Các quan ai nấy đều nghe mệnh. Lát sau, Bảo Quốc Vương đến cửa Ngân Hà. Thái hậu cho mời gấp lắm. Bảo Quốc Vương toan vào nhưng bị các quan ngăn lại, nói rằng :

- Chúng tôi chưa được nghe chiếu chỉ nên không dám phụng mệnh. Nếu Vương cứ cố mà vào thì kẻ phạm đến Vương không phải là chúng tôi mà là quân lính đấy.

Bảo Quốc Vương nghe nói thế, vừa sợ vừa thẹn mà bỏ đi".

Lời bàn : Sự đối nghịch giữa Chiêu Linh và Tô Hiến Thành nào phải chỉ là sự đối nghịch trong một ý kiến cụ thể. Thực ra, đây là sự đối nghịch của hai nhân cách, của thấp hèn và cao thượng, của gian tà và trung nghĩa, của ích kỉ với chí công ... Long Xưởng và Chiêu Linh gặp nhau ở sự thấp hèn, gian tà và ích kỉ, ở sự công khai chống đối quyết liệt vì những mục đích cá nhân của mình. Song, điều đáng nói ở đây chính là việc sử đã chép rõ Long Xưởng vừa sợ vừa thẹn. Kề nổi danh ngang tàng, vì sao lúc này lại sợ ? Ấy là bởi hơn ai hết, Long Xưởng tự biết mình bất nghĩa. Kề to gan từng làm chuyện loạn luân như nhướn ở trong cung đình, vì sao lúc này lại thẹn ? Ấy là bởi, chút nhân bản cực kì hiếm hoi đã xuất hiện trong con người Long Xưởng, Long Xưởng tự biết mình vô đạo quá mức.

Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng thấy sử chép việc Long Xưởng vừa sợ vừa thẹn. Dầu ít ỏi đến mức chỉ có một lần, nhưng thế còn hơn là không.

35 - SỰ VÔ TƯ VÀ TRUNG THỰC CỦA TÔ HIẾN THÀNH

7 Tô Hiến Thành sinh năm nào không rõ, chỉ biết thời trị vì của Lý Anh Tông, ông đã là một bậc lão thần của nhà Lý và thời Lý Cao Tông, ông được quyền thay vua nhỏ tuổi nhiếp

chính sự. Tô Hiến Thành mất vào tháng 6 năm Kỷ Hợi (1179). Đó là một tổn thất lớn cho triều Lý, bởi lúc bấy giờ, vua Lý Cao Tông mới 8 tuổi, chưa thể tự quyết đoán được mọi việc phức tạp của nước nhà, trong lúc đó, bà Chiêu Linh Thái hậu vẫn chưa chịu từ bỏ mưu đồ truất phế Lý Cao Tông để đưa Lý Long Xương là tên vô đạo lên thay. Cả triều đình lấy đó làm mối lo lớn, nhất là bà Đỗ Thái hậu (tức bà Thụy Châu Thái hậu, mẹ đẻ của vua Lý Cao Tông).

Lúc Tô Hiến Thành trở bệnh nguy kịch, có một câu chuyện rất cảm động, phản ánh nhân cách khả kính của ông, đã được sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 10-a) chép lại như sau :

"Trước đây, khi Hiến Thành ở trên giường bệnh, chỉ có quan Tham tri chính sự là Vũ Tán Đường ngày đêm hầu hạ ở bên cạnh, quan Giám nghị đại phu là Trần Trung Tá vì nhiều công việc bận, không có thời giờ rảnh rỗi tới thăm Hiến Thành được. Khi bệnh tình đã thành nguy kịch, Bà Thái hậu (đây chỉ Đỗ Thái hậu – ND) tới thăm và hỏi Hiến Thành rằng :

– Nếu có mệnh hệ nào thì ai thay ông được ?

Hiến Thành đáp :

– Người mà bình nhật thần biết chỉ có Trung Tá mà thôi.

Thái hậu nói :

– Tán Đường ngày ngày hầu hạ thuốc thang cho ông, ông không nói tới là làm sao ?

Hiến Thành đáp :

– Bệ hạ hỏi ai có thể thay thần nên thần mới nói đến Trung Tá, còn nếu như Bệ hạ hỏi người hầu hạ phụng dưỡng, thì phi Tán Đường ra, còn ai nữa.

Thái hậu tuy khen Hiến Thành là trung, nhưng rồi cũng không nghe lời Ông, Lấy Đỗ An Thuận (các sách khác chép là Đỗ An Dật, có lẽ do *Di* và *Thuận* mặt chữ Hán gần giống nhau nên chép lầm. Đỗ An Thuận là em ruột của Đỗ Thái hậu – ND) trông coi việc triều chính".

Xin nói thêm : Tô Hiến Thành mất, Vua bãi châu 7 ngày, ăn chay 3 ngày để tỏ rõ sự đặc biệt kính trọng.

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 4), sau khi lược chép lại chuyện này, đã trân trọng ghi lại lời bàn của sử thần Ngô Sĩ Liên như sau :

"Tô Hiến Thành nhận việc kí thác con côi, hết lòng trung thành, khéo xử trí khi có biến cố, tuy bị gió lay sóng dập mà vẫn đứng vững như cột đá giữa dòng, khiến trên yên dưới thuận, không thẹn với phong độ của đại thần ngày xưa. Huống chi, đến lúc sắp chết còn vì nước tiến cử người hiền, không hề vì ơn riêng. Thái hậu không dùng lời nói này của Hiến Thành là việc không may cho nhà Lý vậy".

Các tác giả sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 5, tờ 20) thì bàn rằng : "Sau Gia Cát Vũ Hầu (tức Khổng Minh Gia Cát Lượng - ND) chỉ có người này mà thôi".

36 - NGUYỄN ĐA CẨM BỊ CẢN

Sang nửa sau thế kỉ XII, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân chống lại nền thống trị của triều Lý liên tiếp bùng nổ, triều Lý đã phải nhiều phen xuất quân đi đánh dẹp. Có những trận, quân đội nhà Lý do đích thân các vị đại thần hoặc thân vương trực tiếp chỉ huy. Năm Ất Tị (1185), đồng bào các dân tộc ít người ở Sách Linh (nay chưa rõ là nơi nào) đã nổi dậy. Cẩm đầu lực lượng của họ lúc ấy là thủ quân Đinh Vũ và quan lang Đinh Sáng. Triều đình Lý Cao Tông rất lấy làm lo sợ, vội sai Kiến Ninh Vương Long Ích đem hơn một vạn quân đi đàn áp. Long Ích cho quân đến đóng ở Đỗ Gia Thôn (một địa điểm ở gần Sách Linh) và liên tục chiêu dụ thủ lĩnh của lực lượng nổi dậy này đầu hàng. Thấy khó bề chống đỡ, Đinh Vũ và Đinh Sáng ra hàng. Nhưng, cả hai vừa ra đến nơi thì lập tức bị Long Ích sai quân bắt trói lại.

Quá bất ngờ vì bị ngược đãi, cả Đinh Vũ lẫn Đinh Sáng đều kêu la và đúng lúc ấy, một chuyện chẳng hay ho gì đã xảy ra. Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 11-a) cho biết rằng, tùy tướng của Long Ích là Nguyễn Đa Cẩm thấy Đinh Vũ và Đinh Sáng đã bị bắt trời thì nghĩ rằng họ tất phải sợ oai, quyền sinh sát ở trong tay mình, mình muốn làm gì mà chẳng được. Nghĩ vậy, Nguyễn Đa Cẩm vừa không ngớt chửi rửa, vừa tiến lại gần sát để tiểu tiện vào miệng của Đinh Vũ và Đinh Sáng. Thế cùng, Đinh Vũ bèn cắn nghiến ngọc hành của Nguyễn Đa Cẩm. Đau quá, Nguyễn Đa Cẩm lấy hết sức thôi thật mạnh vào Đinh Vũ, lúc ấy Đinh Vũ mới buộc miệng nhả ra. Nguyễn Đa Cẩm rút được của quý ra nhưng cũng bị ngã xuống đất ngất xỉu. Bấy giờ, Long Ích bèn sai người làm con cá bằng gỗ để khóa miệng Đinh Vũ và Đinh Sáng lại rồi đánh cho đến chết, xong, đem thầy phơi ra đường để trấn áp tinh thần dân Sách Linh.

Lời bàn : Dân có nổi dậy thì đó cũng chẳng qua là chuyện chẳng đáng dừng, mọi thời chính sự suy vi đều thấy cả. Long Ích đương đương là thân vương của triều đình mà thất hứa với hai thủ lĩnh nhỏ của dân, làm chuyện ngược đãi kẻ quy thuận, lỗi ấy thật khó bỏ qua. Nguyễn Đa Cẩm cậy thế kẻ thắng, chửi mắng đã thô tục, tiểu tiện vào miệng tù nhân lại còn thô tục hơn. Sự xúc phạm nhân phẩm thô bạo ấy, chỉ mới nghe qua đã lấy làm xấu hổ. Đinh Vũ ở thế cùng thì phải xử theo kiểu thế cùng, cắn Nguyễn Đa Cẩm cũng là điều dễ hiểu.

37 - NHÀ SƯ XỨ TÂY VỰC VỚI PHÉP GIÁNG HỔ

Sách Đại Việt sử lược (quyển 3, tờ 11-b) có chép một mẫu chuyện xảy ra ở nước ta vào mùa thu năm Đinh Mùi (1187), dưới thời trị vì của vua Lý Cao Tông như sau :

• "Mùa thu, có một nhà sư người xứ Tây Vực đến (nước ta). Vua hỏi Nhà sư có biết làm phép gì lạ không. Nhà sư trả lời là biết làm phép giảng hổ. Vua sai tên Chi hầu phụng ngự là Lê Năng

Trường đem Sư về nhà công quán ở rồi sai người bắt hổ để thử phép thuật của Nhà sư. Sau hơn một tuần, Nhà sư ấy nói với Năng Trường là đã có thể phục hổ được. Năng Trường tâu Vua. Vua sai dựng chuồng cộp ở gác Vĩnh Bình rồi bảo Nhà sư vào chuồng. Sư vừa ren rén đi vừa đọc thần chú rồi bước về phía hổ, lấy gậy đánh vào đầu hổ. Hổ chồm tới vỗ lấy gậy. Sư nhân đó tâu Vua rằng, có người ác đã giải mất phép thuật của thần, xin cho thần lại được lập đàn cầu Phật, sau sẽ thi hành phép thuật. Vua y lời. Sư lập đàn cầu đảo khá lâu. Nhà vua cũng muốn thử phép thuật đến cùng, nên một hôm, Vua lại sai Nhà sư vào chuồng hổ. Hổ nhảy chồm lên cào thét. Sư sợ hãi lùi lại, rồi không biết thế nào, đã tựa vào chuồng mà chết".

Lời bàn : Các nhà sư ngao du đó đây để tìm cách hoằng dương Phật pháp, đó vẫn là chuyện thường, xưa nay nhiều nơi vẫn có. Nhưng sống với đời mà không trung thực thì dẫu việc nhỏ cũng không làm được, nói gì đến chuyện cực khó như thoát tục để đi tu. Nhà sư xứ Tây Vực nói trên chẳng rõ là do lòng phàm chưa dứt hay chỉ là kẻ vô đạo mượn áo cà sa để làm chuyện lừa bịp, quả là đáng trách vô cùng. Không thấy sử chép tên Sư, và cũng chẳng biết pháp danh của Sư là gì, triều Lý hồi đó ắt là rất khó khăn khi thông báo tìm thân nhân người bị nạn !

Cái chết khác thường của Nhà sư âu cũng là lời cảnh tỉnh tất cả những ai muốn lợi dụng việc tu hành để mưu cầu việc riêng vậy.

38 - LỜI CAN GIÁN CỦA TẶNG PHÓ NGUYỄN THƯỜNG

7rước thời Lý Cao Tông, triều Lý đã bắt đầu tàn tạ và đổ nát, từ thời Lý Cao Tông (1175 - 1210) trở đi, sự tàn tạ và đổ nát ấy càng diễn ra với một quy mô và một tốc độ lớn hơn. Mặc dù vậy, vua Lý Cao Tông vẫn hoang chơi vô độ, khiến cho dân tình khốn khổ, thế nước suy yếu. Nhiều bậc ưu thời mẫn thế lấy đó làm mối quan tâm hàng đầu. Song, người dám thẳng thắn can

vua lại quá hiếm hoi. Chính vì lẽ đó mà lời can gián của nhà sư Nguyễn Thường trở nên rất đáng chú ý. Bấy giờ, nhà sư Nguyễn Thường được cử giữ chức Tăng phó nên sử vẫn chép là Tăng phó Nguyễn Thường. Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 14-a) viết :

"Mùa đông, tháng 10, Vua ngự ra hành cung Hải Thanh. Đêm nào Vua cũng sai nhạc công gảy đàn Bà-lỗ, hát khúc hát theo điệu Chiêm Thành, tiếng nghe rất ai oán thảm thiết, tả hữu đều rơi nước mắt. Tăng phó Nguyễn Thường can Vua rằng :

- Tôi thấy bài tựa *Kinh Thi* có nói, âm nhạc của nước loạn (có lẽ là thời loạn mới đúng - ND) nghe như oán như giận vì chính sự sai trái ; âm nhạc của nước bị mất nghe như thương như nhớ vì dân nước ấy khổ cùng. Nay Chúa thượng rong chơi vô độ, để giáo hóa lìa tan, chính sự sai trái, dân tình buồn khổ đến thế là cùng. Ngày nay mà lại nghe âm nhạc đó, ấy là điềm thời loạn nước mất, tôi biết chuyện này về, xa giá tất không ngự ra cung ấy nữa.

Sau, trong nước đại loạn, quả y như lời Sư nói".

Lời bàn : Nguyễn Thường quả là bậc cao tăng khả kính. Nhà sư được tôn phong chức Tăng phó, luôn có dịp hầu cận, vậy mà chẳng hề nịnh vua, đại đức trung chính của bậc nhập thế là đây chăng ? Thân dầu thoát tục hành mà lòng Sư vẫn canh cánh nỗi lo cho dân cho nước, hồng đức từ bi là đây chăng ? Bình tĩnh khuyên can vua, lời sâu sắc mà dễ hiểu, dễ thấm, ý thẳng thắn mà vẫn chứa chan lòng nhân hậu, bậc mẫu tuệ là đây chăng ?

Vẫn biết cứu nhân độ thế là tâm nguyện của các bậc tu hành, song đã mấy bậc tu hành biến được tâm nguyện tốt đẹp ấy thành việc làm cụ thể như Tăng phó Nguyễn Thường ? Trong sâu thẳm cõi lòng của những người ngưỡng mộ giáo lý nhà Phật, có một ngôi cổ tự vô hình mà rất tôn nghiêm, xin kính thỉnh Tăng phó Nguyễn Thường mãi mãi trụ trì ở đó.

39 - NHÂN CHUYỆN MẠC HIỂN TÍCH, BÀN VỀ CHUYỆN VIẾT SỬ

Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 12-a) cho biết, vào năm Kỷ Dậu (1189), vua Lý Cao Tông giao cho đình thần xét xử vụ án Mạc Hiến Tích, nhưng đình thần sợ Mạc Hiến Tích, không dám xử đến nơi đến chốn. Bởi vậy, tháng 3 năm Canh Tuất (1190), vua Lý Cao Tông phải tự xuống chiếu đầy Mạc Hiến Tích đến trại Quy Hóa. Việc xét xử Mạc Hiến Tích của đình thần đã được chép như sau :

"Vua sai Thái phó là Ngô Lý Tín và Đô quan lang trung là Lê Năng Trường xét việc kiện Thiếu sư Mạc Hiến Tích. Bọn Năng Trường sợ Hiến Tích nên không dám truy cứu. Người trong nước bèn (làm thơ) chế giễu rằng :

Ngô Phụ quốc thị Lan
Lê Đô quan thị Kích
Án nhất tụng Mạc Tích
Đản cục tích nhi dĩ.

Nghĩa là : ông Phụ quốc họ Ngô và ông Đô quan họ Lê là hai người diên (*Lan* và *Kích* là tên hai người diên), xét có mỗi vụ kiện Mạc Hiến Tích mà rốt cuộc chỉ có sợ hãi thôi.

Lúc bấy giờ, Vua tuổi còn non nớt, Hiến Tích tư thông với Thái hậu, cho nên người đương thời sợ Hiến Tích".

Lời bàn : Riêng ở giai thoại này, thay vì bàn về các nhân vật và sự kiện của lịch sử, người kể chuyện xin được mạo muội bàn về người viết sử.

Trước hết, các tài liệu quan trọng khác như *Đại Việt sử kí toàn thư* và *Lịch triều hiến chương loại chí* đều nói Mạc Hiến Tích đỗ đầu khoa thi năm Bình Dân (1086). Cứ cho ông tài giỏi hơn người, đỗ đại khoa vào năm hai mươi tuổi, thì tính ra, đến năm ông bị kiện rồi bị đi đày, ông đã thọ đến trên 120 tuổi ! Ôi, trên 120 tuổi mà còn cường tráng đến độ ham vui với Thái hậu để rồi bị kiện, khiếp thay !

Thái phó Ngô Lý Tín và Đô quan Lê Năng Trường sợ Mạc Hiến Tích cũng phải. Cụ sống dai hay sử gia vô ý chép lầm. Xin để hạ hồi phân giải vậy.

40 - LÊ VĂN VỚI CHUYỆN CON TRÂU TRÈO LÊN CÂY MUỖM (1)

Năm Nhâm Tý (1192) nhân dân giáp Cổ Hoàng (nay thuộc huyện Hoàng Hóa tỉnh Thanh Hoá) do Lê Văn cầm đầu, đã nổi dậy khởi nghĩa. Theo sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 4, tờ 21-b) thì Lê Văn là "bản giáp vệ nhân", tức là lính hầu của giáp ấy. Đây là một trong những cuộc khởi nghĩa khá lớn, triều Lý phải đem đại binh đi đàn áp mới dập tắt được. Nhân dân Cổ Hoàng đã vì phần uất ách thống trị nặng nề của triều đình nhà Lý mà sẵn sàng vùng dậy, nhưng lãnh tụ của nhân dân Cổ Hoàng đã làm như thế nào để phát động và tập hợp được họ ? Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 12-b) cho biết :

"Xưa, người trong giáp ấy thấy vết chân trâu treo lên cây muỗm, bèn theo vết chân ấy mà tìm thì thấy con trâu trắng ở trên cây. Trâu lại theo đường khác mà xuống rồi lội xuống sông, bỗng chốc không thấy nữa. Có người trong châu đoán rằng, trâu là vật ở dưới đất mà lại leo lên ở trên cây, ấy là điềm kẻ dưới lên ở trên vậy. (Dân Cổ Hoàng) bèn xuất quân làm phản".

Lời bàn : Mê tin là lẽ rất tự nhiên của người ít học, xưa nay đều thấy có như thế cả. Hãy cứ tạm cho là sở đoản chung. Nhưng, cũng xưa nay, người khéo dùng người thì có khi lại biến được cả sở đoản của người mình dùng thành cái có ích, hay ít ra thì sở đoản cũng không còn là sở đoản nữa.

Có lẽ Lê Văn muốn tuyên truyền rằng lòng dân và ý trời là một nên mới khéo dựng chuyện con trâu trắng treo lên cây muỗm. Phải có điểm kẻ dưới lên ở trên thì mới có chuyện anh lính hầu là Lê Văn bỗng chốc trở thành thủ lĩnh và dân đen mới có thể tin rằng : bỗng chốc, họ có thể làm nổi chuyện khuấy nước chọc trời, tiêu diệt hết bọn tham quan ô lại.

Chỉ mấy tháng sau, Lê Văn thua trận, bị bắt và bị xử tử rất dã man. Nhưng, xin chớ vội nghĩ rằng, chuyện con trâu trắng treo lên cây muỗm không còn ai tin nữa. Con trâu ấy xuống nước, chắc chỉ lẫn quất đầu đó thôi.

(1) Là cây ăn trái, giống như cây xoài ở phía Nam nhưng trái nhỏ, khi chín thì chua hơn.

Sở đoàn lại trở về nguyên dạng sở đoàn, để rồi đến một lúc nào đó, bậc khéo dùng người xuất hiện, dân lại theo mà làm tiếp việc họ cùng Lê Văn làm không thành.

41 - LỜI QUAN HOẠN PHẠM BÌNH DI

Năm Quý Hợi (1203) vua Lý Cao Tông dốc tiền của để xây cất thêm một lúc đến gần hai chục cung điện và thêm, gác, tót kém không biết bao nhiêu mà kể. Trong số những công trình kiến tạo vào năm này, có gác Kính Thiên. Gác vừa xây cất xong thì cũng có ngay một mẩu chuyện, tuy nhỏ nhưng cũng đủ làm xôn xao cả triều đình. Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 1-b) chép chuyện này như sau :

"Lúc trước, khi gác Kính Thiên mới làm xong, có con chim bồ câu đến làm tổ ở trên đó mà đẻ ra chim non. Quần thần nhân việc đó mà can Vua rằng :

- Xưa, Ngụy Minh Đế mới xây gác Lăng Tiêu, có con chim bồ câu đến làm tổ, Cao Đường Long nói rằng, *Kinh Thi* có câu "chim bồ câu làm tổ, chim tu hú đến ở". Nay cung thất mới làm xong mà chim bồ câu đã đến làm tổ, thần ngu hèn chợ rằng có họ khác đến ở đó. Thần xin bệ hạ xem lời nói của Cao Đường Long, trước cốt sửa mình tu đức, sau hãy khởi công xây dựng mới là phải.

Vua nín lặng hồi lâu rồi hỏi hoạn quan là Phạm Bình Di. Phạm Bình Di nói :

- Gác mới làm mà chim bồ câu đến làm tổ đẻ con, đó là điềm trời ban cho bệ hạ được dòng dõi trăm đời.

Vua được đẹp lòng, sai sửa sang điện gác mau chóng, trăm họ vì thế mà khổn khổ".

Lời bàn : Triều thần xét việc Cao Tông xài tiền của như nước nên mới mượn tích cũ trong *Bắc sử* và mượn lời *Kinh Thi* để can Vua đó thôi. Song, chút lương tâm

quá ít ỏi trong con người Nhà vua chỉ mới đủ để Vua đứng nín lặng trong chốc lát. Vua hỏi Phạm Bình Di thì nào có khác gì tự hỏi mình, bởi kẻ đã cam phận làm hoạn quan để suốt đời phò Vua, có khi nào dám nói khác ý Vua đâu.

Đã hoạn rồi thì hết sinh con. Hết sinh con rồi mới biết thấm nỗi đau của mình. Hẳn Phạm Bình Di lấy việc tự do sinh đẻ nhiều để có con dòng cháu giống như con chim bồ câu kia làm điều thêm thưởng nên mới sẵn lòng nịnh Vua mà nói rằng đó là điềm phúc đức.

42 - NỖI NHỤC BẠI TRẬN CỦA ĐỖ THANH VÀ PHẠM DIÊN

Sách Đại Việt sử lược (quyển 3, tờ 15-a) chép rằng :

"Mùa thu, tháng 7 (năm Quý Hợi, 1203 - ND), quan coi châu Nghệ An là Diên tiền chỉ huy sứ Đỗ Thanh và bọn châu mục là Phạm Diên dâng thư về triều nói rằng :

- Chúa nước Chiêm Thành là Bố-trì, bị chú là Bố-do đuổi đi, bèn đem hơn 200 chiếc thuyền Bị-lan chở vợ con đến ở cửa biển Cơ La (tức Kỳ La, nay là cửa Nhượng, thuộc Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh - ND) muốn cầu cứu ta.

Tháng 8, Vua sai bọn Phụ quốc Thái phó là Đàm Dĩ Mông, Khu mật sứ là Đỗ An đi bàn bạc công việc này. Dĩ Mông đến Cơ La, Đỗ An bàn rằng :

- Bố-trì có 200 chiếc thuyền, cái dũa tâm của con lang không thể tin cả được. Ngạn ngữ có câu rằng, một lỗ kiến có thể làm vỡ dẻ, một tác khói có thể làm cháy nhà. Nay quân của Bố-trì há chỉ là lỗ kiến, tác khói hay sao ? Xin ông hãy suy nghĩ kĩ.

Dĩ Mông lấy lời đó nói với Thanh và Diên, bảo họ phải phòng bị. Thanh và Diên nói rằng :

- Kẻ kia vì gặp nạn mà đến cầu cứu ta, ta nên có lòng thành thương xót, chứ tỏ ý nghi ngờ như vậy, chẳng là không nên sao ?

Dĩ Mông giận dữ, bèn dẫn quân về. Thanh và Diên nói với nhau rằng :

- Lũ ta đã trái ý Phụ quốc (chỉ Đàm Dĩ Nông - ND), tất có hậu hoạn, chi bằng hãy đi đánh Bô-trì để làm kế tự toàn.

Mưu đó tiết lộ ra, Bô-trì biết được, sợ hãi mà nói với quân lính rằng :

- Lũ ta gặp nạn mà phải đi cầu cứu nước lớn, nó đã không có tình nghĩa thương xót lảng giềng, lại toan bắt tù ta, thật đau đớn biết chừng nào.

Thế rồi (Bô-trì) nhân lúc sơ hở để dụ Thanh và Diên. Thanh và Diên sai người Nghệ An buộc thuyền vào thuyền Bị-lan của Chiêm Thành để coi giữ. Ban đêm, người Chiêm Thành đem những bó đuốc tre ở trong có giấu gậy nhọn, để vào thuyền. Một đêm, quân canh gác mỗi mệt nên không phòng bị mà nằm ngủ quên mất. Quân Chiêm nhân đó đốt đuốc ném vào thuyền của ta. Lính canh sợ hãi tỉnh dậy, không biết làm thế nào, số bị quân Chiêm Thành giết, số nhảy xuống nước rồi chết đuối, tổng cộng hơn 200 người. Quân của Thanh và Diên tan vỡ, còn Bô-trì thì thống suất lính tráng và tay chân chạy trốn về nước nó".

Lời bàn : Đàm Dĩ Mông và Đỗ An là bậc đại thần, nhận mệnh vua đi xét việc Bô-trì đến xin cầu cứu, nhưng chưa bàn đã nghi kị người, ấy là lỗi khó bỏ qua. Phạm ở đời, hề chưa bàn chuyện với người mà đã mất lòng tin ở người thì thà đừng bàn còn hơn. Cảnh giác và mất lòng tin là hai khái niệm khác nhau, trộn lẫn để rồi nhầm lẫn thì chỉ làm vào chỗ khốn.

Đỗ Thanh và Phạm Diên lúc đầu lòng thành có dư, nhưng khi thấy quan trên giận dữ bỏ về thì không còn giữ được bình tĩnh nữa. Hóa ra, hai ông sợ quan trên còn hơn sợ giặc ngoài ! Dân gian có câu :

Thử nhất sợ kẻ anh hùng,

Thử nhì sợ kẻ cố cùng liêu thân.

Bô-trì lúc ấy cũng có thể coi là kẻ cố cùng liêu thân vậy. Song, quân pháp nhà Lý bấy giờ nghiêm đến mức nào mà đến cả chuyện hệ trọng như vậy cũng bay đến tai Bô-trì ngay ? "Trong nhà chưa tỏ, ngoài ngõ đã tường" là đấy chẳng ? Đỗ Thanh và Phạm Diên bị đại bại nhục nhã, kể cũng dễ hiểu !

43 - NGUYỄN BẢO LƯƠNG TRẢ THÙ ĐÀM DĨ MÔNG

Khi Đàm Dĩ Mông đã đường đường là bậc đại thần, tước Phụ quốc Thái phó, thì Nguyễn Bảo Lương chỉ mới là một viên quan nhỏ trong triều Lý Cao Tông. Vua Lý Cao Tông ăn chơi hoang phí, đổ tiền của xây cất có khi đến hàng chục cung điện và thêm, gác một lúc. Bấy giờ, Nguyễn Bảo Lương được sai trông coi việc xây gác Thánh Nhật. Đàm Dĩ Mông cậy quyền cậy thế, lại thích nịnh vua, nên bắt các quan trông coi thợ xây cất phải đốc thúc sao cho mọi việc hoàn thành đúng hạn định. Thế rồi chẳng may, nhóm thợ xây gác Thánh Nhật do Nguyễn Bảo Lương chỉ huy làm việc trễ nải. Để thị uy, Đàm Dĩ Mông nhân danh phép nước, bắt trói Nguyễn Bảo Lương và đánh cho một trận nên thân. Đánh xong, Đàm Dĩ Mông còn quát tháo Nguyễn Bảo Lương phải mau dậy ra trông coi và đốc thúc thợ làm. Nguyễn Bảo Lương tức lắm, vờ nằm mãi không dậy, than rằng :

- Đau thế này làm sao dậy được ?

Rồi mọi chuyện cũng qua. Điều làm Đàm Dĩ Mông không dè là Nguyễn Bảo Lương căm thù Đàm Dĩ Mông đến tận xương tủy. Đến năm Quý Hợi (1203), Nguyễn Bảo Lương được thăng đến chức Thượng tướng, vây cánh trong triều đã lớn hơn người, bèn kiểm kê rửa mối hận xưa với Đàm Dĩ Mông. Ông liên kết với quan Lại bộ Thượng thư là Từ Anh Nhĩ tâu Vua rằng : "Dĩ Mông một nước hại dân quả là quá lắm". Lời tâu tuy chẳng có bằng cứ gì nhưng thấy bề dáng của Nguyễn Bảo Lương mạnh, Vua cũng xuống chiếu giáng chức tước của Đàm Dĩ Mông, từ Phụ quốc Thái phó xuống tước đến tận hàng Đại liêu ban.

Chuyện trên tóm lược từ sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 15-a và tờ 15-b).

Lời bàn : Thời Lý Cao Tông, chỉ có kẻ mạnh ức hiếp kẻ yếu, phép nước chẳng ai coi ra gì cả. Khi Đàm Dĩ Mông đang giữ quyền cao chức trọng thì ý Đàm Dĩ Mông

là ý vua, sau đến lượt bề dầy Nguyễn Bảo Lương mạnh thì ý Nguyễn Bảo Lương cũng là ý vua vậy.

Phép nước suy thì luật giang hồ thịnh. Đàm Dĩ Mông đánh Nguyễn Bảo Lương cho rõ quyền uy, có biết đâu sau này Nguyễn Bảo Lương cũng muốn làm mọi cách để bắt Đàm Dĩ Mông rõ quyền uy của mình. Không thời nào đáng sợ bằng thời mà ở đó, chức quyền trở thành phương tiện để báo ơn trả oán. Quả vậy !

44 - CHUYỆN ANH PHƯỜNG TRÒ VŨ CAO CAN NGĂN VUA

Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3 từ 16-b) mô tả nhân cách của vua Lý Cao Tông như sau :

"Vua rất ham của cải lợi lộc, lấy việc bán quan buôn ngục làm chính sự. Hai người nào mà tranh nhau ruộng đất hay sản vật, hề có một người đem của dâng nạp trước rồi thì Vua chẳng hỏi tình lí phải trái thế nào, đều thu mà sung công cả, vì thế mà kho dựn của nhà nước của cải chất như núi, còn bách tính thì kêu ca, oán thán, giặc cướp nổi lên như ong".

Vì nước đại loạn nên từ năm Bính Dần (1206) trở đi, vua Lý Cao Tông chỉ tổ chức những cuộc vui chơi quanh quẩn trong kinh thành chứ không dám đi xa. Mặc dù thế, mức độ hoang phí cũng không hề giảm bớt. Cũng sách trên (từ 17-a) đã kể một câu chuyện xảy ra trong lúc Vua rong chơi như sau :

"Năm đó, trong nước đã loạn lạc mà Vua thích rong chơi. Đường sá ngăn trở, không đi xa được, Vua bèn sai làm hành cung Ứng Phong và Hải Thanh ở ao Ứng Minh, hàng ngày đem bọn cận thần, cung nữ đi chơi bởi làm vui. Lại lấy thuyền to làm thuyền ngự, lấy các thuyền bé chia làm hai đội, sai bọn cung nữ, phường tuồng chèo thuyền, Vua dẫn bọn tả hữu bắt chước nghi vệ như khi Vua ngự đi chơi đâu vậy. Lại lấy sấp ong bọc những tấm lụa và các thứ hải vật thả xuống ao rồi sai người lội xuống mò

lên, giả làm đồ dưới lòng cung đem dâng. Quần thần thấy Vua rong chơi vô độ đều sợ hãi không dám nói. Có tên phường tướng là Vũ Cao nói dối Thượng phẩm phụng ngự là Trịnh Ninh rằng :

- Có hôm Cao qua chơi bên bờ ao, đến trước gốc cây muỗm, thì thấy có một người lạ cầm tay dắt đi vòng bờ ao rồi dẫn Cao đi xuống nước. Cao sợ chết đuối nên không dám tiến. Một lát, nước ao tự dưng rẽ ra, Cao bèn đi xuống. Đi đến một nơi, thấy cung điện nguy nga, thị vệ nghiêm chỉnh. Cao hỏi đó là chỗ ai ở, người đó bảo rằng đó là chỗ ta ở để cai quản ao này. Người đó bèn sai dọn mâm cỗ, cùng Cao uống rượu. Rượu rồi, Cao tạ ơn xin về. Người đó đưa tặng cau và tiễn ra tận gốc cây muỗm. Đến đó, bỗng người đó biến mất, mà cau cầm trong tay thì đã hóa ra đá. (Từ đó) Cao mới biết trong ao có thần.

Ninh lấy làm kinh dị, bèn tâu Vua. Vua nghe nhưng không sợ hãi gì cả mà sai lấy sắt để yểm thần".

Lời bàn : Cả một triều đình quan lại lớn nhỏ cũng bằng thừa, chỉ có anh phường trò Vũ Cao là nói lời đáng nói. Là phường trò, anh chỉ có thể bịa chuyện để gián tiếp nhờ người hầu cận can vua. Và thế cũng là quý lắm rồi.

Bất chước Khuất Nguyên xưa, người kể chuyện cũng xin gõ bút xuống bàn mà hát rằng :

Hôn quân say hể ngao du đó đây,
Tiến của dân hể tan như khói mây,
Trăm quan lạng hể an thường thủ phận,
Chỉ Vũ Cao hể ám ức dạ này.

Gánh nịnh nặng hể hai vai đại thần,
Cám diếc mù hể là đấng chân dân,
Phường trò xót hể mặc phường trò xót
Thần dưới ao hể cứ mặc kẻ thần.

45 - CHUYỆN BẠO GAN NÓI LÁO CỦA TRẦN TÚC VÀ NGUYỄN DƯ

Vua Lý Cao Tông có hai tên cận thần xiểm nịnh và nói lão rất nổi danh, đó là Trần Túc và Nguyễn Dư. Trong cùng một năm Bính Dần (1206), cả hai tên cận thần này đã nói hai câu để đời và cả hai câu đều được sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 17-b) ghi lại.

Câu thứ nhất là của Trần Túc. Bấy giờ, Cao Tông muốn phung phí tiền của vào những cuộc ngao du đó đây, nhưng rồi vì đất nước loạn lạc, Nhà vua chỉ có thể cùng đám cận thần và thị nữ đi rong chơi quanh quẩn trong kinh thành mà thôi. Một trong những địa điểm Nhà vua hay đến là ao Ứng Minh, nơi Nhà vua đã cho xây cất hai hành cung là Ứng Phong và Hải Thanh. Nhưng, ao Ứng Minh vừa nhỏ lại vừa nông, đến mùa đông thì nước ao thường khô cạn. Cao Tông nói với tả hữu rằng :

- Ai có thể làm cho nước sông dâng đầy ao được thì ta sẽ hậu thưởng.

Trần Túc nghe vậy liền tâu vua :

- Thần có thể làm được.

Vua bằng lòng, sai Túc làm phép cho nước sông dâng vào đầy ao. Nhưng kết quả là ao khô vẫn hoàn ao khô.

Câu nói lão thứ hai có lẽ còn lão hơn câu thứ nhất một bậc nữa. Câu này của Nguyễn Dư. Cũng sách trên chép rằng :

"Vua tính sợ sấm, mỗi khi sấm động thì sợ hãi. Có tên cận thần là Nguyễn Dư nói rằng hần có phép giáng sấm. Gặp khi có tiếng sấm nổ, Vua sai Dư giáng sấm. Dư ngẩng mặt lên trời đọc chú nhưng tiếng sấm lại càng lớn hơn. Vua căn vặn việc đó, Dư nói:

- Thần răn nó đã lâu, nào ngờ nó còn cường bạo như thế đó".

Lời bàn : Trần Túc và Nguyễn Dư, mỗi người để lại một câu nói lão đạt tới trình độ không tiền khoáng hậu. Đúng là gan cùng mình. Song, xưa nay đời vẫn cho

thấy là "ngưu tầm ngưu, mã tầm mã", vua ấy ắt phải có cận thần ấy, có gì lạ đâu. Dâng nước ao, ngăn tiếng sấm, những điều khó tin dường ấy chắc chỉ có Cao Tông mới tin, và vì tin mới cho làm thử, mà chỉ cần làm thử không thôi cũng đủ biết Cao Tông là người thế nào rồi !

46 - CHÂN TƯỚNG PHẠM DU

Đời Lý Cao Tông, Phạm Du từng làm tới Thượng phẩm phụng ngự, vẫn thường có dịp hầu cận nhà vua. Bấy giờ, đất nước đại loạn, chính sự rối ren, vua hoang chơi vô độ, triều thần chán nản, cả đến quan lại cũng công khai đi cướp giết của dân, chẳng còn ra thể thống gì nữa.

Lý Cao Tông muốn dùng cận thần trấn giữ ở các địa phương, mong lấy đó làm chỗ dựa để yên tâm mà hưởng lạc. Năm Mậu Thìn (1208), quan Thượng phẩm phụng ngự Phạm Du được vua cất nhắc trong trường hợp đó. Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 18-a) chép rằng :

"Vua lấy Phạm Du coi việc quân ở Nghệ An. Du nói với Vua rằng :

- Nay thiên hạ rối loạn, bọn gian tặc nổi dậy khắp nơi, hoặc có kẻ ghen ghét với thần mà làm loạn, thì dầu thần còn khó giữ nổi huống chi là ân đức của Bệ hạ ban cho. Xin Bệ hạ để tâm một chút, cho phép thần được tuyển bọn trai tráng để tự đề phòng, hầu tránh tai vạ.

Vua bằng lòng. Du bèn chiêu tập bọn vong mệnh, tụ tập bọn giặc cướp, gọi là hậu binh, ngang nhiên cướp bóc, không sợ hãi gì cả. Giặc cướp do đó mà nổi dậy như ong".

Lời bàn : Là cận thần, Phạm Du biết rõ vua Lý Cao Tông thực chỉ là một tên hôn quân chuyên môn rút của thiên hạ. Vua cần đến những kẻ như Phạm Du để làm vây cánh, thì Phạm Du cũng cần một lũ lâu la để làm vây cánh cho mình.

Cũng sách trên đã cho biết thêm rằng, một hôm, vua Lý Cao Tông đi chơi ở ao Ứng Minh, nghe tiếng dân kinh thành kêu la vì bị cướp nhưng Nhà vua vẫn chăm chú vào cuộc vui, vỡ như là không hay biết gì. Vua chà đập lên sinh linh trăm họ, bảo kẻ cận thần như Phạm Du làm khác sao được ? Rốt cuộc, chỉ có dân là đau khổ khốn cùng. Thương thay !

47 - CUỘC NÁO LOẠN KINH THÀNH NĂM KỈ TỊ (1209)

Ở những năm cuối đời, quyền lực của vua Lý Cao Tông thực chất chỉ còn giới hạn lại trong phạm vi kinh thành Thăng Long mà thôi. Nhưng, ngay cả trong khu vực kinh thành bé nhỏ này, quyền lực của Lý Cao Tông không phải lúc nào cũng được khẳng định. Cuộc náo loạn kinh thành năm Kỉ Tị (1209) có thể coi là một ví dụ tiêu biểu.

Bấy giờ, quan lại triều Lý chia bè kết cánh, vua chỉ biết ngả theo phe cánh nào mạnh mà thôi. Phe do Thượng phẩm phụng ngự Phạm Du cầm đầu và phe do Thượng phẩm phụng ngự Phạm Bình Di cầm đầu là hai phe không thể đội trời chung với nhau. Hai phe luôn tìm cơ hội để thủ tiêu lẫn nhau, và cơ hội đó đã đến vào năm Kỉ Tị (1209), khi cả Phạm Du và Phạm Bình Di đang đi dẹp loạn đều được vua Lý Cao Tông triệu về. Phạm Du về trước chút ít. Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 19-a) chép rằng :

"Mùa thu, tháng 7, Bình Di về đến kinh sư, toan vào triều để phụng mệnh thì có người ngăn lại nói rằng :

- Vua đã nghe lời Du trước, giận ông chưa nguôi đâu.

Bình Di nói :

- Ta thờ Vua hết lòng mà lại bị người ta nói gièm sao ?
Hướng chi ta có mệnh Vua triệu về, trốn đi đâu được ?

Nói rồi bèn đi vào. Vua sai bắt Bình Di và con là Phụ (có lẽ là con nuôi, vì Phạm Bình Di là hoạn quan - ND) giam ở Thủy

Viện và toan làm tội. Tướng của Bình Di là Quách Bốc nghe được tin đó, liền đem binh lính hò reo mà vào triều. Đến cửa Đại Thành, bị người coi cửa ngăn lại, bọn Bốc phạt ngang cánh cửa mà vào. Vua thấy việc gấp, vội vờ ngay Bình Di vào Lương Thạch Sứ ở thềm Kim Tinh. Một lát sau, Du cùng em là bọn Kính đều từ nhà ngự đường đi ra, lấy ngự thương giết Bình Di và con là Phụ. Bọn Bốc nghe tin Bình Di đã chết, bèn sai quân sĩ đột nhập vào Lương Thạch Sứ, lấy cân xa của vua ngự mà rước thây Bình Di, lấy chiếu ngự bọc thây của Phụ, theo cửa Việt Thành mà ra bến Triều Đông rồi lại vào cung Vạn Diên để rước Vương Tử Thẩm và Vương Tử Sảm về Hải Ấp".

Lời bàn : Quan lại giết nhau ngay trước mặt vua mà chẳng cần xét xử, vậy nhưng vua cũng chẳng dám có ý kiến gì, chuyện đó quả là hiếm thấy trong lịch sử.

Quan lại phá cửa thành mà vào, lại lấy ngay vật ngự dụng mà dùng, chẳng cần hỏi qua thánh ý, chuyện đó lại còn lạ hơn. Mới hay, trong thời loạn, chuyện điên đảo náo loạn là chuyện thường, chỉ có chuyện hợp với đạo lý, kỷ cương là hiếm hoi mà thôi. Vua Lý Cao Tông chưa bị giết lúc đó là may lắm rồi.

48 - TRIỀU LÝ THOÁT NẠN NHỜ SỰ MAY MẮN CỦA LIỆT HẦU CAO KHA

Phạm Bình Di bị giết rồi, phe đảng còn lại đứng đầu là Quách Bốc quyết định trả thù. Tháng 8 năm Kỷ Tị (1209), Quách Bốc cho thủy quân đánh vào kinh sư. Tiền quân của Quách Bốc có nhiệm vụ băng qua khu vực dốc Hàng Than (Hà Nội) để đánh thẳng vào cấm thành mà cướp báu vật, còn đại quân của Quách Bốc thì đóng ở bến Thiên Hà (Hà Nội) rồi đánh thẳng vào cửa Thiên Thu. Tình hình kinh đô trở nên hết sức nguy ngập, ngại vàng của Lý Cao Tông có cơ bị lật nhào.

Song, đội quân hùng mạnh ấy của Quách Bốc đã bị thất bại một cách hài hước chỉ bởi một mũi tên bắn lên của liệt hầu Cao Kha.

Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 19-b và tờ 20-a) cho biết, khi đại quân của Quách Bốc vừa tiến vào đến quán Vũ Sư thì bị Liệt hầu Cao Kha nấp sẵn ở Chấn Vi bắn cho một phát. Mũi tên ấy trúng ngay vú một người lính của Quách Bốc. Cao Kha thấy thế thích quá, quên cả nguy hiểm mà vỗ tay reo hò. Chẳng ngờ mũi tên bắn lên và hú họa mà trúng ấy, cộng với tiếng vỗ tay reo hò rất tự nhiên của Cao Kha đã làm cho toán lính đi đầu hết hoảng bỏ chạy ra bờ sông. Bấy giờ, lính giữ thuyền thấy vậy cứ tưởng là quân đội triều đình ra đánh, bèn vội chèo thuyền ra giữa sông. Đúng lúc đó, gió bắc thổi mạnh, thuyền bè vì thế mà trôi dạt hết cả. Quân Quách Bốc đang ở trên bờ thấy thuyền trôi thì mất hết tinh thần mà tự tay vỡ, nhân đó, bị tiêu diệt, chết hơn 300 người. Hải hươc hơn nữa, người tiêu diệt quân Quách Bốc lại chính là dân kinh thành chứ không phải là quân đội triều đình !

Lời bàn : Trong cuộc chém giết đương thời, không một ai là người có chính nghĩa cả. Không có chính nghĩa thì chẳng có gì đáng giá để cổ kết lòng người. Đội quân ấy chỉ trông cậy ở vũ khí và phương tiện chiến đấu mà thôi. Thuyền mới trôi mà đã mất tinh thần rồi tự tan vỡ, ấy cũng là chuyện dễ hiểu.

Trong chỗ không ngờ, triều Lý đã gặp may nhờ mũi tên tình cờ mà trúng của Liệt hầu Cao Kha. Ô đời, có người nổi tiếng nhờ tài đức, nhưng cũng có người nổi tiếng nhờ sự tàn bạo, hoặc giả là gặp chuyện hi hữu, đại loại như Cao Kha. Ôi, thời loạn quả là lắm chuyện lạ !

49 - ĐÀM DĨ MÔNG BỊ HẶC TỘI

Thời Lý Cao Tông, Đàm Dĩ Mông làm quan đã có lúc lên tới chức Phụ quốc Thái phó, quyền uy khét tiếng cả triều đình. Bởi cậy quyền mà đánh Nguyễn Bảo Lương nên đến năm 1203, Đàm Dĩ Mông bị phe cánh Nguyễn Bảo Lương trả thù, bị vua giáng xuống hàng Đại liêu ban. Nhưng rồi về sau, kinh thành náo loạn, chính sự rối ren, tên tuổi Đàm Dĩ Mông gần như bị chìm trong quên lãng. Vào năm Kỷ Tỵ (1209), để trả thù vụ Phạm Du

giết chết cả chủ tướng của mình là Phạm Bình Di, Quách Bốc đã đem quân đội đánh thẳng vào cấm cung, bắt cả Vương Tử Thẩm và Vương Tử Hạo Sảm về Hải Ấp. Bấy giờ, mặc dù trên danh nghĩa, triều đình Cao Tông vẫn còn đó, nhưng bọn Quách Bốc đã cùng nhau lập Vương Tử Thẩm lên ngôi. Sau, họ lại lấy cớ Vương Tử Thẩm chỉ là con thứ nên lập Vương Tử Hạo Sảm. Có lẽ lúc ấy do Vương Tử Hạo Sảm chỉ mới 15 tuổi, dễ sai khiến hơn nên họ mới lập Hạo Sảm làm vua thay cho Vương Tử Thẩm. Một triều đình nhỏ tồn tại ở ngoài một triều đình lớn đã được thiết lập. Trong triều đình nhỏ của Hạo Sảm, Đàm Dĩ Mông bỗng dưng được cất nhắc, cho làm đến chức Thái úy.

Triều đình nhỏ này tồn tại chưa được bao lâu thì bị vua Lý Cao Tông giải tán. Vương Tử Hạo Sảm lại trở về kinh. Đàm Dĩ Mông và tất cả những ai đã nhận chức tước do Hạo Sảm ban đều vì thế mà rất lo lắng cho số phận của mình. Để lập công chuộc tội, Đàm Dĩ Mông đã phản bội những người trước đã cùng mình nhận chức tước của Hạo Sảm, bắt họ về nạp cho Lý Cao Tông. Sách *Đại Việt sử lược* (quyển 3, tờ 20-a) chép rằng :

"Mùa thu, tháng 7 (năm Canh Ngọ, 1210 - ND) Dĩ Mông đem 28 người nhận tước phong của Vương Tử (Sảm) dâng Vua. Đỗ Anh Doãn (cũng có sách viết là Đỗ Anh Triệt - ND) đường đường kẻ tội Dĩ Mông rằng :

- Mày là đại thần của nước, đã đem lòng vô quân, nhận tước phong của giặc, nay lại cùng ngồi với ta, ta tuy bắt tài nhưng còn mặt mũi nào mà nhìn mày nữa

Dĩ Mông vừa thẹn vừa sợ mà lui".

Lời bàn : Lúc quyền thế thì coi rẻ tình đồng liêu, khi sa cơ thì nghĩa vua tôi chẳng kể, đến hồi hoạn nạn thì phản bạn mà lo thân, con người Đàm Dĩ Mông quả là thủ đoạn khó lường. Đành là đời Cao Tông, mọi sự đều đảo lộn, nhưng nhân thời đảo lộn mà làm cho đảo lộn thêm, chỉ kẻ tiểu nhân mới có tâm địa ấy. Đàm Dĩ Mông bị hặc tội ngay giữa triều đình, thế cũng phải lắm.

50 - TÌNH NGHĨA VỢ CHỒNG CỦA VUA LÝ HUỆ TÔNG

Lý Huệ Tông (1210 - 1224) tên húy là Sảm, con trưởng của Cao Tông. Tiếng là vua nhưng chẳng mấy khi được sống yên ổn ở kinh thành Thăng Long, ngược lại, luôn phải bôn tẩu đó đây bởi những cuộc xâu xé giữa các phe phái trong triều đình đương thời. Chạy mãi thì mất uy, sai bảo chẳng còn ai nghe nữa, có lúc Nhà vua chỉ còn vồn vện trong tay vài ba chục người theo hầu.

Với Lý Huệ Tông, quả đúng là "họa vô đơn chí", đang khi bôn tẩu gian nan thì cuộc xung đột trong nội bộ hoàng tộc lại bùng nổ quyết liệt, giữa một bên là Đàm Thái hậu (mẹ đẻ của Lý Huệ Tông) và một bên là Trần Thị Dung (vợ của Lý Huệ Tông).

Trở lại chuyện cũ, hồi Lý Huệ Tông còn là Thái tử, bởi cuộc náo loạn kinh thành năm 1209 mà Lý Huệ Tông phải chạy đến Hải Ấp. Tại đây, Huệ Tông đã kết hôn với con gái của Trần Lý là Trần Thị Dung, năm đó, Huệ Tông 15 tuổi. Nhưng, cuộc hôn nhân này không được vua cha là Lý Cao Tông chấp thuận. Tháng 3 năm 1210, Lý Cao Tông đã sai quan Thượng phẩm phụng ngự là Đỗ Quảng đến Hải Ấp đón Huệ Tông về, còn Trần Thị Dung thì bắt phải trở về với cha mẹ đẻ. Mấy tháng sau, Lý Cao Tông mất, Lý Huệ Tông lên nối ngôi và công việc đầu tiên của Nhà vua trẻ tuổi này là cho người đi đón Trần Thị Dung. Gia đình Trần Thị Dung lấy cớ giặc giã chưa yên nên chưa cho đón. Sau nhiều lần bị ngăn trở, cuối cùng, Trần Thị Dung cũng đến được với Lý Huệ Tông, song, cũng kể từ đó, bà luôn bị Đàm Thái hậu tìm cách bức hại. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 4, tờ 29 a-b) chép rằng :

"Mùa xuân (năm Bính Tí, 1216 - ND) sách phong Ngự nữ (chỉ bà Trần Thị Dung - ND) làm Phu nhân Thuận Trinh. Thái hậu cho Trần Tự Khánh (anh Trần Thị Dung - ND) là kẻ phản trắc, thường chỉ Phu nhân mà nói là bè đảng của giặc, bảo Vua bỏ và đuổi đi. (Thái hậu) lại sai người nói với Phu nhân rằng phải

tự sát. Vua biết bèn ngăn lại. Thái hậu bỏ thuốc độc vào đồ ăn thức uống của Phu nhân, nên mỗi bữa ăn, Vua chia cho Phu nhân một nửa số đồ ăn thức uống của mình, và không lúc nào cho xa rời. Thái hậu lại sai người cầm chén thuốc độc đến bắt Phu nhân phải uống mà chết, Vua lại ngăn không cho. Đêm ấy, Vua cùng với Phu nhân lên đến chỗ quân của Tự Khánh".

Mùa hè năm Bính Tí (1216), Trần Thị Dung sinh hạ Thuận Thiên Công chúa và cuối năm đó thì được sách phong làm Hoàng hậu. Rất tiếc là Huệ Tông sau đó bị diên, Trần Thị Dung lại phải sống trong một nỗi khổ tâm khác.

Lời bàn : Cưới Trần Thị Dung lúc mới 15 tuổi đầu, lại đang trên đường chạy loạn và không hề có ý chỉ của vua cha, chỗ đó có thể tạm coi là lỗi của Lý Huệ Tông.

Tư cách làm vua của Lý Huệ Tông thế nào mặc dầu, chớ tư cách làm chồng của Lý Huệ Tông thì quả là đáng kính. Vua chúa mà làm được như vậy, hiếm lắm. Đọc sử, chẳng ai có thể tin rằng Lý Huệ Tông lại do chính người đàn bà độc ác là Đàm thái hậu sinh ra.

51 - KẾT CỤC CỦA TRIỀU LÝ

Lý Huệ Tông là ông vua bất hạnh. Khi còn ở ngôi Thái Tử, ông đã phải chạy loạn long đong, đến khi lên ngôi báu, Nhà vua cũng vẫn phải tiếp tục bôn tẩu vì loạn lạc cứ thế nối dài không dứt. Trong triều, quan lại chia bè kết cánh mưu sát lẫn nhau, trong nhà, Thái hậu tìm cách bức hại Hoàng hậu, đã thế, Huệ Tông lại không có con trai nối dõi, thành thử Nhà vua trẻ tuổi ấy đã buồn chán mà phát diên. Năm 1216 (lúc mới 22 tuổi), Nhà vua bắt đầu bị nhuộm bệnh. Từ năm 1217 trở đi, bệnh tình của Nhà vua càng ngày càng nặng. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 4, tờ 30-a) chép rằng :

"Mùa xuân, tháng 3, Vua dần dần phát diên, có khi tự xưng là thiên tướng giáng hạ, tay cầm giáo và mộc, tóc cắm cờ nhỏ,

dừa múa từ sáng sớm đến chiều tối không nghỉ, đôi khi thoi đùa thì người đổ mồ hôi, nóng bức và khát nước, uống rượu ngủ li bì đến hôm sau mới tỉnh, chính sự không quyết đoán được, giao phó hết cho Trần Tự Khánh, quyền lớn trong nước dần dần về tay người khác họ",

Tháng 10 năm Giáp Thân (1224) Huệ Tông lập con gái thứ hai (cũng là con gái út) là Lý Chiêu Thánh làm Thái tử rồi truyền ngôi cho. Huệ Tông đi tu ở chùa Chân Giáo (ngay trong đại nội thành Thăng Long).

Công chúa Chiêu Thánh lên ngôi, hiệu là Lý Chiêu Hoàng, lúc ấy chỉ mới 7 tuổi. Bấy giờ, phe cánh của họ Trần trong triều rất mạnh. Trần Thủ Độ đã bố trí cháu của mình là Trần Cảnh (lúc ấy mới 8 tuổi) vào giữ chức Chính thủ chi hậu. Sau, cũng chính Trần Thủ Độ vừa là tác giả, vừa là đạo diễn màn kịch chuyển giao ngôi vị từ họ Lý sang họ Trần vào ngày 11 tháng 12 năm Ất Dậu (1225). Cũng sách trên (tờ 33 a-b) chép rằng :

"Cảnh lúc ấy mới lên 8 tuổi, chực hầu ở bên ngoài. Một hôm phải giữ việc bưng nước rửa, nhân thế, vào hầu bên trong. Chiêu Hoàng trông thấy, lấy làm ưa, mỗi khi chơi đêm đều cho gọi đến để cùng chơi, thấy Cảnh ở chỗ tối thì thân đến trêu chọc, hoặc nắm lấy tóc, hoặc đứng lên bóng. Có một hôm, Cảnh bưng chậu nước đứng hầu, Chiêu Hoàng rửa mặt, lấy tay vốc nước té ướt cả mặt Cảnh rồi cười trêu, đến khi Cảnh bưng khăn trầu thì lấy khăn ném cho Cảnh. Cảnh không dám nói gì, về ngậm thừa với Thủ Độ. Thủ Độ nói :

- Nếu thực như thế thì họ ta thành hoàng tộc hay bị diệt tộc đây ?

Một hôm, Chiêu Hoàng lại lấy khăn trầu ném cho Cảnh, Cảnh lạy rồi nói :

- Bệ hạ có tha tội cho thần không ? Thần xin vâng mệnh.

Chiêu Hoàng cười và nói :

- Tha tội cho người. Nay người đã biết nói khôn rồi đó.

Cảnh lại về thừa với Thủ Độ. Thủ Độ sợ việc tiết lộ ra thì bị giết cả, bấy giờ mới tự đem gia thuộc thân thích vào ở trong cung cấm. Thủ Độ đóng cửa thành và các cửa cung, sai người coi giữ, các quan đến chầu không được vào. Thủ Độ loan báo rằng : "Bệ hạ đã có chồng rồi". Các quan đều vâng lời, xin chọn ngày vào chầu. Tháng ấy, ngày 11, các quan vào chầu lay mừng".

Lời bàn : Nhà Lý từ đời Lý Thần Tông trở đi là thời kì suy vi, từ đời Lý Cao Tông trở đi là thời kì đổ nát, từ đời Lý Huệ Tông trở đi là thời kì chỉ còn lại một chút hư danh hảo huyền, bị phế bỏ là điều không sao tránh khỏi.

Khi chính quyền trung ương tan nát thảm hại thì tất nhiên là các phe phái sẽ xâu xé lẫn nhau, mà đã xâu xé thì cuối cùng cũng phải có người giành được phần thắng. Họ Trần tinh khôn, vừa ra sức phát triển thế lực, vừa nhanh tay nắm lấy hai con bài chính trị là Lý Huệ Tông và Lý Chiêu Hoàng, để rồi hạ màn kết thúc một cách bất ngờ, trước sự ngỡ ngàng của các phe phái khác.

Triều Lý mở đầu bằng chuyện mẹ Lý Công Uẩn (tức Lý Thái Tổ) đi chơi ở chùa, có thai với thần nhân mà đẻ ra vua, sau hơn 200 năm, lại kết thúc bằng chuyện vua cha là Lý Huệ Tông đến chùa đi tu, để ngôi báu lại cho con gái được hơn một năm thì mất. Trước đến chùa mà được ngôi, sau đến chùa mà mất ngôi, ấy là chuyện khác biệt của triều Lý đó chăng ?

NIÊN BIỂU TRIỀU LÝ

Triều Lý được thiết lập năm 1010 và mất ngôi năm 1225, tồn tại tổng cộng 215 năm. Trong khoảng thời gian 215 năm đó, có tất cả 9 vua Lý đã nối nhau trị vì. Để bạn đọc đỡ mất công tra cứu khi xét thấy cần, chúng tôi lập bảng niên biểu này, kê đủ tên thật, cha sinh mẹ đẻ, thời gian làm vua và tuổi thọ của từng vị hoàng đế họ Lý. Điều cần lưu ý là ngày tháng ghi trong niên biểu này là ngày tháng âm lịch.

1 - LÝ THÁI TỔ (1010 - 1028) : tên húy là Công Uẩn, quê ở châu Cổ Pháp (nay là Bắc Ninh). Vua sinh ngày 12 - 2 năm Giáp Tuất (974). Thời Tiền Lê, Lý Công Uẩn làm quan Điện tiền chỉ huy sứ. Năm Kỷ Dậu (1009), Lê Ngọa Triều mất, Ông được triều thần (mà đại diện là Đào Cam Mộc) và các nhà sư (mà đại diện là sư Vạn Hạnh) cùng nhau tôn lên ngôi vua. Lý Thái Tổ ở ngôi 18 năm, mất ngày 3 - 3 năm Mậu Thìn (1028), thọ 54 tuổi.

2 - LÝ THÁI TÔNG (1028 - 1054) : tên húy là Phật Mã, lại có tên húy khác là Đức Chính, con trưởng của Lý Thái Tổ, mẹ đẻ là Lê Thái hậu (không rõ tên). Vua sinh ngày 26 - 6 năm Canh Tí (1000), lên ngôi năm Mậu Thìn (1028), ở ngôi 26 năm, mất ngày 1-10 năm Giáp Ngọ (1054), thọ 54 tuổi.

3 - LÝ THÁNH TÔNG (1054 - 1072) : tên húy là Nhật Tôn, con trưởng của Lý Thái Tông (theo *Việt sử lược* thì lại là con thứ ba), mẹ đẻ là Kim Thiên Thái hậu, người họ Mai (*Việt sử lược* nói bà là Linh Cảm thái hậu). Vua sinh ngày 25 - 2 năm Quý Hợi (1023), lên ngôi năm Giáp Ngọ (1054), ở ngôi 18 năm, mất tháng 1 năm Nhâm Tí (1072), thọ 49 tuổi.

4 - LÝ NHÂN TÔNG (1072 - 1127) : tên húy là Càn Đức, con trưởng của Lý Thánh Tông, mẹ đẻ là Linh Nhân Thái hậu (tức bà Ý Lan). Vua sinh ngày 25 - 1 năm Bính Ngọ (1066), lên ngôi năm Nhâm

Tì (1072), ở ngôi 55 năm, mất tháng 12 năm Đinh Mùi (1127), thọ 61 tuổi.

5 - LÝ THẦN TÔNG (1128 - 1138) : tên húy là Dương Hoán, con trưởng của em ruột vua Nhân Tông là Sùng Hiền Hầu, được Nhân Tông nhận làm con nuôi rồi sau truyền ngôi cho, mẹ đẻ là Phu nhân họ Đỗ (không rõ tên). Như vậy, Thần Tông là vai cháu ruột của vua Nhân Tông. Vua sinh năm Bính Thân (1116), năm Đinh Dậu (1117), được Nhân Tông nhận làm con nuôi. Năm Mậu Thân (1128) Nhân Tông mất, được lên nối ngôi. Vua ở ngôi 10 năm, mất ngày 26 - 9 năm Mậu Ngọ (1138), thọ 22 tuổi.

6 - LÝ ANH TÔNG (1138 - 1175) : tên húy là Thiên Tộ, con trưởng của Lý Thần Tông, mẹ đẻ là Lê Thái hậu (không rõ tên hiệu). Vua sinh tháng 4 năm Bính Thìn (1136) và lên ngôi ngày 1 - 10 năm Mậu Ngọ (1138), ở ngôi 37 năm, mất vào tháng 7 năm Ất Mùi (1175), thọ 39 tuổi.

7 - LÝ CAO TÔNG (1175 - 1210) : tên húy là Long Trát, lại có tên húy khác là Long Cán, con thứ 6 của Anh Tông, mẹ đẻ là Thụy Châu Thái hậu, người họ Đỗ. Vua sinh ngày 25 tháng 5 năm Quý Tị (1173), lên ngôi năm Ất Mùi (1175), ở ngôi 35 năm, mất ngày 28 - 10 năm Canh Ngọ (1210), thọ 37 tuổi.

8 - LÝ HUỆ TÔNG (1210 - 1224) : tên húy là Hạo Sảm, con trưởng của Cao Tông, mẹ đẻ là Đàm Thái hậu (không rõ tên). Vua sinh tháng 7 năm Giáp Dần (1194), lên ngôi năm Canh Ngọ (1210), ở ngôi 14 năm. Năm Giáp Thân (1224) nhường ngôi cho con gái út là Chiêu Thánh Công chúa rồi đi tu. Huệ Tông sau bị nhà Trần giết vào năm 1226, thọ 32 tuổi.

9 - LÝ CHIÊU HOÀNG (1224 - 1225) : tên húy là Phật Kim, lại có tên húy khác là Thiên Hình, lúc đầu được vua cha là Lý Huệ Tông phong làm Chiêu Thánh Công chúa. Vua là con thứ hai của Huệ Tông, mẹ đẻ là Trần Thái hậu (tên thật là Trần Thị Dung, sau lấy Trần Thủ Độ). Vua sinh tháng 9 năm Mậu Dần (1218), lên ngôi năm Giáp Thân (1224), đến năm Ất Dậu (1225) thì nhường ngôi cho Trần Cảnh (tức Trần Thái Tông). Nhà Lý dứt kể từ đó.

Như vậy, trong số 9 vua nhà Lý nối nhau trị vì suốt 215 năm (từ năm 1010 đến năm 1225), chúng ta thấy có :

- Một vua là nữ (Lý Chiêu Hoàng), vua cuối cùng của triều Lý.
- Vua ở ngôi lâu nhất là Lý Nhân Tông (55 năm), vua ở ngôi ngắn nhất là Lý Chiêu Hoàng (1 năm).
- Vua lên ngôi sớm nhất là Lý Anh Tông (lúc 2 tuổi) và Lý Cao Tông (lúc 3 tuổi), vua lên ngôi muộn nhất là Lý Thái Tổ (lúc 36 tuổi).
- Vua thọ nhất là Lý Nhân Tông (61 tuổi) và vua mất sớm nhất là Lý Thần Tông (lúc 22 tuổi).
- Vua đổi niên hiệu nhiều nhất là Lý Nhân Tông (8 lần), các vua chỉ có một niên hiệu là Lý Thái Tổ, Lý Huệ Tông và Lý Chiêu Hoàng.

LỜI CHÚ CUỐI SÁCH

Để góp phần giúp những bạn đọc chưa có dịp làm quen với hệ thống các khái niệm cổ về thế thứ, tước hiệu và chức quan..., chúng tôi viết thêm lời chú ngắn ngủi ở cuối sách này. Xin được lưu ý bạn đọc hai điều. Một là thế thứ, tước hiệu và chức quan mỗi thời một khác, vì vậy, lời chú dưới đây chỉ đúng với riêng triều Lý mà thôi. Hai là lời chú về các khái niệm được sắp xếp theo vần A, B, C... Ngay sau tên của các khái niệm là số thứ tự của các giai thoại được đặt trong ngoặc đơn. Làm như vậy, ắt là bạn đọc sẽ có phần tiện lợi hơn khi muốn tra ngược trở lại, tìm vị trí sử dụng cụ thể của các khái niệm này trong sách.

Đây chỉ mới là những gì giản lược nhất. Nếu muốn giải nghĩa một cách thật đầy đủ, thiết nghĩ là phải soạn hẳn một bộ từ điển riêng.

BÁCH TÍNH (44) : Nguyên nghĩa, *bách* là trăm, *tính* là họ, *bách tính* nghĩa là trăm họ, nhưng ở đây, *bách* là từ ước lệ, chỉ số rất nhiều. Đại để, *bách tính* nghĩa là dân khắp thiên hạ, những người không có chức danh gì.

BẢN KÍ (1) : Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* gồm hai phần chính. Phần thứ nhất gồm năm quyển, chép sử nước nhà từ thời Hồng Bàng đến loạn 12 sứ quân. Phần này gọi là *ngoại kí*. Phần thứ hai gồm 19 quyển, chép sử nước nhà từ thời Đinh Tiên Hoàng đến năm 1675. Phần này gọi là *bản kí*.

BẾN TRIỀU ĐÔNG (47) : Tên một bến sông ở Thăng Long. Bến này nằm ở phía nam sông Hồng.

CÂN XA (47) : Tên một loại xe nhỏ của vua, dùng để chạy trong khu vực cấm thành. Xe giống hình chữ *cân* (có nghĩa là cái khăn) nên gọi là *cân xa*. Xe thường có một ngựa kéo.

CÔNG CHÚA (50) : tước hiệu ban cho con gái của vua (và cả chị gái, em gái của vua nữa). Tuy nhiên, trong lịch sử nước ta, cũng có những người được gọi là Công chúa nhưng không phải là con vua, ví dụ : Thánh Thiên Công chúa, Bát Nàn Công chúa, Lê Chân Công chúa... (thời Hai Bà Trưng). Đó chỉ là tước hiệu cao quý mà Hai Bà phong cho những người con gái tài giỏi mà thôi.

CỬA ĐẠI THÀNH (47) : Tên cửa. Cửa này nằm trong khu vực cấm thành Thăng Long, nay không còn nữa.

CỬA VIỆT THÀNH (28) : Tên cửa. Cửa này nằm trong khu vực cấm thành Thăng Long, nay không còn nữa.

CỬA THIÊN THU (48) : Tên cửa. Cửa này nằm trong khu vực cấm thành Thăng Long, nay không còn nữa.

CỬU PHẨM (11) : Quan chức xưa được chia làm chín bậc khác nhau, theo thứ tự trên xuống thì cao nhất là nhất phẩm và thấp nhất là cửu phẩm. Mỗi bậc lại chia làm hai hạng cao thấp khác nhau, cao là *chánh*, thấp là *tòng* (như nhất phẩm thì có chánh nhất phẩm và tòng nhất phẩm; xuống đến cửu phẩm cũng có chánh cửu phẩm và tòng cửu phẩm), cho nên, nói chín bậc mà thực là có đến 18 bậc.

CHÂN LẠP (27) : Tên quốc gia. Thời cổ đại, Chân Lạp là một trong những quốc gia lớn ở Đông Nam Á. Sau, bởi nhiều biến cố khác nhau, lãnh thổ Chân Lạp bị thu hẹp. Một trong những phần lãnh thổ của cổ quốc Chân Lạp là nước Campuchia ngày nay.

CHẤM VI (48) : Nơi các quan kiểm tra để chỉnh tề y phục trước khi vào chầu vua hoặc làm việc trong triều đình.

CHÂU MỤC (42) : Người giữ chức vụ đứng đầu một châu. Châu là đơn vị hành chánh, quy mô lớn nhỏ mỗi thời một khác, riêng dưới thời Lý, cấp châu cũng gần như cấp huyện ngày nay.

CHI HẬU NỘI NHÂN (15) : tên chức quan. Chức này thường là do hoạn quan đảm trách, giúp vua lo việc nội cung.

CHIÊM THÀNH (16) : Tên quốc gia, tồn tại từ cuối thế kỉ thứ II đến cuối thế kỉ thứ XVII. Lãnh thổ của cổ quốc Chiêm Thành về đại thể, tương ứng với khu vực từ Quảng Bình đến Bình Thuận của nước ta ngày nay.

CHÍNH BIÊN (21) : Tên sách. Đây là sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Sách này gồm hai phần chính. Phần đầu chép sử nước nhà từ khởi thủy đến loạn 12 sứ quân, có tên chung là *Tiền biên*. Phần sau chép sử nước nhà từ Đinh Tiên Hoàng đến khi Gia Long lên ngôi, có tên chung là *Chính biên*. Sách *Đại Nam thực lục* cũng chia làm hai phần *Tiền biên* và *Chính biên*, nhưng phân kì giữa hai phần này hoàn toàn khác.

CHÍNH THỦ CHI HẬU (51) : Tên chức quan. Chức này thường do hoạn quan đảm trách, cùng với các hoạn quan khác, lo giúp vua các việc ở nội cung.

Tuy nhiên, Trần Cảnh lúc này mới 8 tuổi, cũng coi như một hoạn quan đặc biệt, được Trần Thủ Độ bố trí giữ chức này, cốt để có cơ hội giành ngôi với họ Lý.

CHU CÔNG ĐÁN (5) : Người đời Chu (Trung Quốc), con của vua Chu Văn Vương, ông là người đã định ra chế độ lễ nhạc và đặt ra các nghi thức về quan, hôn, tang, tế. Chu Thành Vương lên ngôi lúc còn nhỏ tuổi, Chu Công Đán (vừa là đại thần, lại cũng vừa là chú ruột) giữ quyền nhiếp chính. Hai người em của Chu Công Đán là Quán và Thái ghen tị, gièm pha Chu Công Đán, rồi nổi loạn, bị Chu Công Đán dẹp tan. Sau, Chu Thành Vương đã trưởng thành, đủ sức để trị nước, Chu Công Đán trao trả mọi quyền bính cho vua. Vì lẽ đó, Chu Công Đán rất được Nho gia ca ngợi.

CHU THÀNH VƯƠNG (5) : Một trong những vua của nhà Chu (Trung Quốc), người được chú ruột là Chu Công Đán hết lòng bảo vệ. (Xem thêm *Chu Công Đán*).

ĐẠI LIÊU BAN (43) : Nguyên nghĩa là hàng các quan lớn, nhưng dưới triều Lý, *Đại liêu ban* là một ngạch quan của triều đình. Mỗi vua Lý có một quy định riêng để cất nhắc quan cho vào Đại liêu ban, nhưng nói chung, đó là chức lớn của triều đình.

DIỆN HA (5) : Nguyên nghĩa là ở dưới cái nhà to lớn trong cung, nhưng đây là từ tôn xưng. Xưa, các vị Hoàng tử, Thái tử và các bậc vương tước đều được quan lại gọi là *diện hạ*.

DIỆN TIỀN CHỈ HUY SỨ (42) : Chức quan võ nắm quyền chỉ huy lực lượng cấm quân (là đơn vị chịu trách nhiệm bảo vệ hoàng thành và bảo vệ nhà vua).

ĐÔ NGỌC GIAI (28) : Tên một bộ phận của lực lượng cấm quân. Chỉ huy mỗi đô là một chức *Hỏa đầu*.

ĐÔ QUAN LANG TRUNG (39) : Chức võ quan, làm việc trong cơ quan quân sự của triều đình nhà Lý. Thời này, chức Đô quan lang trung rất trọng, nhưng về sau, đây chỉ là chức tạp vụ.

ĐÔ QUẢNG VŨ (28) : Tên một bộ phận của lực lượng cấm quân, do chức *Hỏa đầu* chỉ huy.

ĐÔ THỐNG (9) : Chức võ quan cao cấp, nắm quyền thống lĩnh các đạo binh mã của triều đình khi nước nhà vô sự.

ĐÔ THỐNG THƯỢNG TƯỚNG QUÂN (6) : Chức Đô thống (xem *Đô thống*) hàm Thượng tướng.

ĐÔNG CUNG THÁI TỬ (30) : Nhà vua thường cho Thái tử ra ở cung điện phía đông, cho nên Thái tử thường được gọi là đông cung Thái tử.

ĐƯỜNG THÁI TÔNG (5) : Vua thứ hai của nhà Đường (Trung Quốc). Đường Thái Tông tên thật là Lý Thế Dân, làm vua 22 năm.

GIA CÁT VŨ HẦU (35) : Túc Khổng Minh Gia Cát Lượng, quân sư của Lưu Bị (người Trung Quốc thời Tam Quốc). Ông là nhân vật nổi tiếng mưu tài.

GIÁN NGHỊ ĐẠI PHU (35) : Chức quan lớn, lo giải quyết những công việc thường trực của triều đình. Hai nhiệm vụ chính của chức này là : vừa làm việc của chức phận, vừa lo can gián nhà vua khi xét thấy cần. Sau, chức này chỉ là hư hàm dành để ban tặng cho những vị quan cương trực.

Gián nghị đại phu gồm hai người là : Tả gián nghị đại phu và Hữu gián nghị đại phu.

HẢI ẤP (50) : Tên ấp, nay thuộc Nam Hà. Đây là nơi phát tích của họ Trần.

HÁN VĂN ĐẾ (22) : Miếu hiệu của một trong những vua Trung Quốc thời Tiền Hán (208 trước CN đến 08 sau CN). Hán Văn Đế tên thật là Lưu Hằng, làm vua 22 năm.

HÀNH LANG TẢ HÙNG THÁNH (28) : Tên một hành lang khu vực cấm thành Thăng Long. Nay không còn nữa.

HỎA ĐẦU (28) : Chức võ quan, chỉ huy một bộ phận của cấm quân. Chức này nằm dưới quyền của Điện tiền chỉ huy sứ.

HOÀNG HẬU (16) : Tước hiệu cao nhất ban cho vợ của vua. Thường thì trong số các vợ của vua, chỉ có một người được ban tước hiệu này. Tuy nhiên, từ thời Lý trở về trước, có khi trong một triều

vua mà có đến năm bảy Hoàng hậu, ngược lại, thời Nguyễn sơ, triều đình không ban tước hiệu này cho ai cả.

HOÀNG TỬ (15) : Con trai được thừa nhận của vua.

HOÀNG DƯƠNG PHẬT PHÁP (37) : Làm cho Phật pháp tỏa rộng khắp nơi.

HỮU TI (10) : Một trong hai ban (tả, hữu) tùy tùng nhà vua mỗi khi vua xuất hành. Thời Lý, tùy theo tính chất của các cuộc xuất hành mà nhà vua có thể huy động quan chức nào để sung vào hai ban này.

KHU MẬT SỨ (42) : Thời Lý, những quan văn của triều đình, trông coi các việc thuộc về dân sự thì gọi là Khu mật sứ. Đứng đầu các Khu mật sứ là hai chức Tả và Hữu khu mật sứ.

KHUẤT NGUYÊN (44) : Thi hào Trung Quốc đời Chiến quốc, từng làm quan cho nước Sở. Chấn cảnh nước suy, vua ngu tối mà kẻ hiền tài như mình thì không được dùng đến, ông trăm mình ở sông Mịch La. Tục cúng mồng 5 tháng 5 là cúng Khuất Nguyên.

Khuất Nguyên là tác giả của *Ly tao* bất hủ.

KINH SƯ LƯU THỦ (9) : Vị quan được vua ủy thác việc trông coi kinh thành khi vua có việc phải xuất hành khỏi kinh đô.

KINH THI (41) : Một trong 5 bộ kinh điển của Nho học. Năm bộ đó gọi là *Ngũ kinh*. Ngũ kinh gồm : Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu. *Kinh Thi* thực chất là tập tuyển lựa ca dao của Trung Quốc thời cổ đại.

LẠI BỘ THUẬN THU (43) : Người đứng đầu bộ Lại. Bộ Lại là bộ chuyên trách việc tuyển lựa, đề xuất và quản lý hồ sơ về việc thăng hoặc giáng chức của các quan.

LIỆT HẦU (48) : Thời Lý, đây là chức tạp dịch của triều đình.

LINH CŨU (6) : Quan tài để thi thể người chết.

NHÀ HÁN (32) : Tên một triều đại của Trung Quốc. Nhà Hán gồm Tây Hán (hay Tiền Hán), tồn tại từ năm 208 trước công nguyên đến năm 08 sau công nguyên, mở đầu là Hán Cao Tổ (Lưu Bang), sau là Hậu Hán (hay Đông Hán) tồn tại từ năm 25 đến

220, mở đầu là Hán Quang Vũ (Lưu Tú). Giữa hai triều Hán là triều Tân chỉ tồn tại vỏn vẹn 17 năm (08-25).

NHÀ THƯƠNG (32) : Cũng gọi là nhà Ân, tên một triều đại cổ đại của Trung Quốc, niên đại danh nghĩa là 1783 đến 1135 trước công nguyên, mở đầu nhà Thương là vua Thành Thang.

NGÀY QUỐC KỊ (7) : Ngày giỗ của nhà vua. Đây chỉ ngày giỗ vua Lý Thái Tổ (mất ngày 3 tháng 3 năm 1028).

NGUYÊN PHI (30) : Nguyên là đầu, đứng đầu, *phi* là tước hiệu vua ban cho những người vợ ở hàng thứ hai. *Nguyên phi* là tước hiệu người đứng đầu hàng thứ hai của vợ vua.

NGỤ NỮ (50) : Nguyên nghĩa là người đàn bà của vua, nhưng đây là tước hiệu thấp nhất mà nhà vua ban cho người làm vợ của mình.

NHƯ-NGUYỆT (18) : Tên đoạn sông Cầu, từ thôn Như Nguyệt (xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh) đến Phả Lại (tỉnh Hải Dương). Thời Lý, thời Trần, đoạn sông Cầu này cũng còn gọi là sông Phú Lương hay sông Nam Định. Nay, Như Nguyệt là tên thôn, cũng là tên một bến đò.

NÚI BĂNG SƠN (6) : Ở xã Dương Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quê của Lê Phụng Hiểu, người có công dẹp loạn Tam vương năm 1028.

PHÉP GIÁNG HỒ (37) : Phép thuật làm cho hồ phải vắng lời mà không cần phải mất công huấn luyện lâu ngày, cũng không cần dùng một sức mạnh nào cả.

PHI, TẤN (9) : Tước hiệu hàng thứ hai (*phi*) và hàng thứ ba (*tấn*) của vợ vua.

PHỤ QUỐC THÁI PHÓ (42) : Thái phó là một trong *Tam thái*, gồm có Thái sư, Thái phó và Thái bảo. Trong hàng quan lại, *Tam thái* là lớn hơn cả. Từ năm 1028, nếu con gái của các bậc *Tam thái* mà được tuyển vào cung rồi được sách phong làm Hoàng hậu, thì bậc *Tam thái* đó được gia phong thêm hai chữ Phụ quốc. Đây Đàm Di Mông có con là Hoàng hậu của vua Lý Cao Tông nên được phong là Phụ quốc Thái phó.

PHƯỜNG TRÒ (44) : Chỉ chung những người chuyên hát xướng và diễn tuồng thuở xưa.

QUÁN-VŨ SƯ (48) : Tên một địa điểm làm việc của các quan ở trong kinh thành. Nay không còn nữa.

QUỐC TỬ GIÁM (22) : Cơ quan chuyên trông coi Văn Miếu và huấn luyện con em quý tộc học tập. Trông coi Văn Miếu thì có quan Tri giám tế tữu. Trông coi việc huấn luyện (kể như một trường học đặc biệt của con em quý tộc) thì có quan Quốc tử tư nghiệp.

SÁCH PHONG (50) : Trong việc phong tước hiệu cho thân nhân, nếu người được phong mà về thế thứ, họ ở vai dưới của vua thì việc phong ấy gọi là *sách phong*.

SÔNG CẦU (18) : Con sông chảy qua các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương.

SỞ ĐOÀN (40) : Mặt yếu, mặt dở, chỗ non kém, chỗ hạn chế...

TÀ HUNG VŨ (25) : Tên đơn vị quân đội thời Lý.

TÀ VŨ TIỆP (25) : Tên một đơn vị quân đội thời Lý

TÀ TI (29) : Tên chức quan thời Lý, nay chưa rõ là chức gì.

TĂNG PHÓ (38) : Thời Lý, trong triều đình có một ngạch quan riêng cho các nhà tu hành Phật Giáo, đó là *Tăng quan*. Người đứng hàng thứ hai trong đội ngũ Tăng quan thì gọi là Tăng phó.

TÊN THUY (1) : Tên của người sống đặt cho người đã khuất, có ý nghĩa tổng kết phẩm chất chung của người đã khuất đó.

TẾ TƯỚNG (31) : Chức quan đầu triều, giúp vua điều khiển những hoạt động chung của triều đình.

TỊCH ĐIỂN (10) : Thời Lý, đó là ruộng mà hằng năm, nhà vua đến để làm lễ tự mình đi cày.

TIẾN ĐẾ (5) : Vua đời trước, tức vua đã khuất.

TƯỚC HẦU (6) : Hoàng đế thường phong tước hiệu cho thân tộc và quan lại theo sáu bậc cao thấp khác nhau, đó là Vương, Công, Hầu, Bá, Tử và Nam. Mỗi bậc lại còn chia làm hạng trên hạng dưới nữa.

TRƯƠNG HÁT (18) : Trương truyền, Trương Hát cùng với anh là Trương Hồng đều là tỳ tướng của Triệu Việt Vương (Triệu Quang Phục). Khi Lý Phật Tử đánh Triệu Quang Phục (năm 571) để thu tóm tất cả quyền hành về mình, hai anh em Trương Hồng và Trương Hát, người thì tự tử, người thì trốn vào núi. Trương Hồng sau được phong là Đại Dương Giang Đô Hộ Quốc Thần Vương còn Trương Hát thì được phong là Tiểu Dương Giang Đô Hộ Quốc Thần Vương, đền thờ hai người được lập nhiều nơi ở tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

THÁI HẬU (17) : Tước hiệu vua tôn phong cho thân mẫu của mình. Tuy nhiên, trong lịch sử Việt Nam, không phải thân mẫu nào của vua cũng đều được tôn phong tước hiệu này.

THÁI MIẾU (27) : Miếu thờ các bậc tiên tổ của nhà vua.

THÁI PHI (17) : Bà phi của vua cha.

THÁI PHÓ (27) : Một trong *Tam thái*, gồm Thái sư, Thái phó và Thái bảo. (Xem thêm *Phụ quốc Thái phó*).

THÁI TỬ (5) : Tước hiệu cao nhất của con trai vua. Khi vua mất, Thái tử sẽ lên nối ngôi. Thái tử thường là con trưởng, nhưng trong lịch sử nước ta, rất nhiều Thái tử không phải là con trưởng, mà thậm chí là em, hoặc là cháu của vua.

THÁI ÚY (28) : Chức võ quan cao cấp, ngang với Thái phó trong hàng quan văn. Khi Thái úy kiêm chức Tế tướng thì gọi là Thái úy Phụ quốc.

THAM TRI CHÍNH SỰ (35) : Dưới triều Lý, chức vụ đầu triều là Tế tướng, sau Tế tướng là Á tướng, trong Á tướng có hai chức Tả và Hữu Tham tri chính sự. Cùng với Tế tướng, họ là những người hiến kế đắc lực cho nhà vua. Sau đời Lý, chức Tham tri là chức thấp, dưới cả chức Thượng thư.

THẦN VƯƠNG (23) : Các bậc được phong tước Vương vốn là người gần gũi trong thân tộc của nhà vua.

THẦN NÔNG (10) : Nhân vật thần thoại của Trung Quốc, người được coi là có công chỉ vẽ cho dân cách làm ruộng, hợp chợ và tìm cây thuốc chữa bệnh.

THIỆU SƯ (39) : Trong hàng văn quan, sau *Tam thái* là đến *Cửu khanh*. Trong *Cửu khanh*, Thiệu sư là chức đứng đầu (Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo, Trùng tể, Tư đồ, Tôn bá, Tư mã, Tư khấu và Tư không).

THUYẾT LUÂN HỐI (9) : Thuyết của nhà Phật, theo đó thì đại để, người ta sống chết trong khoảng lục đạo, xoay vòng như cái bánh xe không lúc nào dừng.

THƯỢNG PHẨM PHỤNG NGỰ (44) : Thời Lý, đây là chức lớn, vua ban cho những hoạn quan được luôn hầu cận vua trong nội cung cũng như khi vua có dịp xuất hành.

THƯỢNG TƯỚNG (43) : Thời Lý, tướng cầm quân được chia làm ba bậc cao thấp khác nhau. Cao nhất là Thượng tướng, kế đến là Đại tướng (ngược với ngày nay) và sau cùng là Tướng.

VUA THÀNH THANG (32) : vua đầu tiên của nhà Thương hay nhà Ân (Trung Quốc). Xem thêm *Nhà Thương*.

VĂN MIẾU (19) : Miếu thờ Khổng Tử và các bậc tiên hiền của Nho Gia. Văn Miếu đầu tiên của nước ta do nhà Lý lập ra tại thủ đô Thăng Long vào năm 1070.

VŨ VỆ TƯỚNG QUÂN (6) : Vị tướng quân có hiệu được ban là Vũ Vệ.

VƯƠNG TỬ SẨM (47) : Con trưởng của vua, Cao Tông tên là Sẩm. Đây chỉ Lý Hạo Sẩm. Lúc này, Lý Hạo Sẩm chưa được sách phong gì nên sử chép là Vương Tử Sẩm. Sau, Lý Hạo Sẩm lên ngôi, đó là vua Lý Huệ Tông (1210-1224).

VƯƠNG TỬ THẨM (47) : Con của vua Cao Tông, tên là Thẩm. Vương Tử Thẩm là em của Vương Tử Sẩm.

XỨ TÂY VỰC (37) : Vùng phía tây Trung Quốc và một phần của Trung Á ngày nay. Vùng này có một số vương quốc, thời cổ đại đã là chư hầu của Trung Quốc. Thời Đường, người Trung Quốc đã lập ra An Tây Đô hộ phủ để cai quản vùng đất này.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu	3
1 - Gốc tích Lý Thái Tổ	7
2 - Lý Thái Tổ với việc dời đô	8
3 - Cái chết của Đào Khánh Vạn	10
4 - Điểm báo trước việc vua Lý Thái Tông ra đời	11
5 - Loạn Tam vương	11
6 - Lê Phụng Hiếu và sự tích thác dao diễn	14
7 - Đền thờ thần núi Đồng Cổ ở Thăng Long	16
8 - Chuyện sư Hữu và hòm xá lệ	17
9 - Lý Thái Tông xem tướng để xét việc	18
10 - Chuyện vua Lý Thái Tông đi cày	19
11 - Vua Lý Thái Tông với việc chống hàng ngoại	20
12 - Nửa sau đời Hoàng đế Lý Thái Tông	21
13 - Đức độ của vua Lý Thánh Tông	22
14 - Chuyện con kì lân	23
15 - Sự tích Đồng Bông ở Từ Liêm, Hà Nội	24
16 - Chút sĩ diện đáng yêu của vua Lý Thánh Tông	26
17 - Dương Thái hậu và 76 thị nữ bị giết hại	27
18 - Lý Thường Kiệt với bài thơ <i>Nam quốc sơn hà</i>	28
19 - Vụ án Lê văn Thịnh	30
20 - Chuyện Giác Hoàng	31
21 - Lược truyện về Ý Lan	32
22 - Di chiếu của Lý Nhân Tông	35
23 - Lý Lộc và Lý Tử Khắc được thăng tước như thế nào ?	37
24 - Vì sao Trần Ngọc Khánh được đổi gọi là Trần Thiện Giác ?	38
25 - Nhân cách của Lý Thần Tông	39
26 - Từ Vạn Thông ăn hối lộ	40
27 - Lý Công Bình mất công trạng	41
28 - Vụ án Đỗ Anh Vũ	42
29 - Cái chết của Nguyễn Quốc Di	45

30 - Thái tử Lý Long Xưởng bị phế	46
31 - Lý Long Trát được lập làm Thái tử như thế nào ?	47
32 - Chiêu Linh Hoàng thái hậu hồi lộ Tô Hiến Thành	48
33 - Mưu phế lập cuối cùng của Thái hậu Chiêu Linh	50
34 - Lý Long Xưởng vừa sợ vừa thẹn	51
35 - Sự vô tư và trung thực của Tô Hiến Thành	52
36 - Nguyễn Đa Công bị cắn...	54
37 - Nhà sư xứ Tây Vực với phép giáng hồ	55
38 - Lời can gián của Tăng phó Nguyễn Thường	56
39 - Nhân chuyện Mạc Hiến Tích, bàn về chuyện viết sử.	58
40 - Lê Văn với chuyện con trâu trèo lên cây muỗm.	59
41 - Lời quan hoạn Phạm Bình Di	60
42 - Nổi nhục bại trận của Đỗ Thanh và Phạm Diên	61
43 - Nguyễn Bảo Lương trá thù Đàm Di Mông	63
44 - Chuyện anh phùng trò Vũ Cao can ngăn vua	64
45 - Chuyện bạo gan nói láo của Trần Túc và Nguyễn Dư	66
46 - Chân tướng Phạm Du	67
47 - Cuộc náo loạn kinh thành năm Kỷ Tị (1209)	68
48 - Triều Lý thoát nạn nhờ sự may mắn của Liệt hầu Cao Kha	69
49 - Đàm Di Mông bị hặc tội	70
50 - Tình nghĩa vợ chồng của vua Lý Huệ Tông	72
51 - Kết cục của triều Lý	73
Niên biểu triều Lý	76
Lời chú cuối sách	79

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THUY

Biên tập nội dung và tái bản :
TRẦN KIM NHUNG

Biên tập kĩ thuật :
TRẦN THÀNH TOÀN

Trình bày bìa :
NGUYỄN THU YÊN

Sửa bản in :
HOÀNG CÔNG DŨNG

Sắp chữ tại :
PHÒNG SCĐT - CN.NXBGD - TP. HỒ CHÍ MINH

VIỆT SỬ GIAI THOẠI - TẬP 2
(51 Giai Thoại Thời Lý)
Mã số : 8H015t5 - CNH

In 3.000 cuốn , khổ 14,3x20,3cm, tại Cty In Văn Hóa Sài Gòn
Số 754 Hàm Tử Q5, TP.HCM. Số In : 51/GC-SGK/05. Số XB : 21/473-05
In xong và nộp lưu chiểu tháng 07 năm 2005.



Cùng tác giả
(tại Nhà xuất bản Giáo dục) :

- VIỆT SỬ GIAI THOẠI (8 tập)
- THỂ THỨ CÁC TRIỀU VUA VIỆT NAM
- DANH TƯỚNG VIỆT NAM
(Trọn bộ 5 tập - Đã in và tái bản 3 tập)
- ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM
(Trọn bộ 5 tập - Đã in 2 tập)
- TRÔNG LẠI NGÀN XƯA
(Trọn bộ 3 tập - Đã in 2 tập)
- KỂ CHUYỆN DANH NHÂN NƯỚC NHÀ
(Bộ truyện tranh lịch sử nhiều tập)
Đã xuất bản 2 tập :
Trần Hưng Đạo : Phần 1 : Thời ấy giang sơn
Trần Hưng Đạo : Phần 2 : Đất nước đại phong ba

越史佳話

việt sử giai thoại t2



1 005042 000215

6.100 VNĐ



Giá : 6.100 đ